Giáo Sĩ Việt Nam

#### Bán nguyệt san – Số 386 – Chúa nhật 23.08.2020

**Giáo sĩ: ĐỰƠC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt 5, 1)**

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net) giaosivietnam@gmail.com

**MỤC LỤC**

[Quà Tặng Tin Mừng Luca (tiếp theo) …….……………………………….…. bản dịch của BBT CGVN](#BBTCGVN)

[ĐỨC TIN MẠNH, ĐỨC TIN YẾU. LÀM SAO ĐỂ YẾU THÀNH MẠNH (CN 20A)………………….. …………………………………………………………………….Lm. Anphong Ng Công Minh, OFM.](#Minh)

[PHÊRÔ GIỮ CHÌA KHÓA THIÊN ĐÀNG …………………………….…. Bác sĩ Ng Tiến Cảnh, MD.](#Canh)

[CHỨC VỊ NỮ HOÀNG CỦA ĐỨC TRINH NỮ MARIA (LỄ NGÀY 22 THÁNG 8) ……………….. …………………………………………………………………..Phêrô Phạm Văn Trung chuyển ngữ.](#Trung)

[TÌNH YÊU KHÔNG BIÊN GIỚI (PHỎNG THEO VIDEO BÀI GIẢNG CỦA HỒNG Y TAGLE)……. ………………………………………………………………………………………...Lm. Jos Đồng Đăng](#Phuong)

[RƯỚC LỄ THIÊNG LIÊNG (THAM DỰ THÁNH LỄ TRỰC TUYẾN) …………. Elisabeth Nguyễn](#Tiet)

# [CHỮ NÔM VỚI ĐẠO CÔNG GIÁO TỪ THẾ KỶ XVII – XX …………………… Nguyễn Đức Cung](#Cung)

[CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ MỘT TÂM TÌNH : “ XIN ĐẤNG TẠO HÓA KHAI SINH RA HAI CON MỘT LẦN NỮA VỚI NGUYÊN VẸN HÌNH HÀI.”………….. Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp](#Diep)

[CÁC BÍ TÍCH THÀNH SỰ HAY HỮU HIỆU VÌ YẾU TỐ NÀO?.....................................................](#Huan)

[…………………………………………………………………..Lm. Ngô Tôn Huấn, Doctor of Ministry](#Huan)

[THÁNH THẦN, HƠI THỞ SỐNG ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI (Quyển 2): Những định hướng mục vụ ….…………….……………….………………….……Gs. Nguyễn Đăng Trúc chuyển dịch ra Việt ngữ](#TRuc)

[BÁC SĨ CẠN DẦU ……………………………………………………….. Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.](#Duc)

[ÔNG KHỦNG BỐ ……………………………………………………….. Chuyện phiếm của Gã Siêu.](#GaSieu)

**Quà Tặng Tin Mừng Luca (tiếp theo)**

**LTS.** Như chúng con đã hẹn, Quà Tặng Tin Mừng đã được phát hành rộng rãi vào đúng dịp Tết vừa qua, cũng là Chúa Nhật Lời Chúa và Năm Lời Chúa; những ai có nhu cầu nhận toàn văn bản dịch Quà Tăng Tin Mừng, cũng có thể yêu cầu BBT gởi qua email trong một file PDF hoặc Word. Những ai có nhu cầu nhận sách QTTM xin vui lòng email cho biết. Ngoài ra trên Đặc San GSVN chúng con sẽ cho đăng mỗi kỳ một phần bản dịch Kinh Thánh mới này để mọi người có thể tham khảo và góp ý. Xin lưu ý: Bản dịch Kinh Thánh này chẳng những chúng con KHÔNG giữ bản quyền mà còn rất biết ơn những ai sẽ giúp phổ biến bằng mọi cách. Miễn là xin đừng tự ý sửa chữa nếu chưa thông báo cho BBT CGVN biết để xin ý kiến các Giáo Sư Thánh Kinh.

Xin chân thành cám ơn.

**BBT CGVN và Đặc San GSVN**



**Tin Mừng
theo
Thánh Luca**

**Những phân đoạn chính:**

**I. Lời mở đầu
(1:1–4)**

**II. Thời thơ ấu
(1:5–2:52)**

**III. Giai đoạn chuẩn bị cho tác vụ công khai
(3:1–4:13)**

**IV. Tác vụ tại Galilê
(4:14–9:50)**

**V. Hành trình lên Giêrusalem
(9:51–19:27)**

**VI. Tác vụ giảng dạy tại Giêrusalem
(19:28–21:38)**

**VII. Thương Khó**

**(22:1–23:56)**

**VIII. Phục Sinh**

**(24:1–53)**

**VI. Tác vụ giảng dạy tại Giêrusalem
(19:28–21:38)**

***Tiến vào Giêrusalem.***

28Nói thế rồi, Chúa Giêsu tiếp tục hành trình lên Giêrusalem. 29Khi Ngài đến gần Bétphagê và Bêtania, gần núi Ôliu, Ngài sai hai môn đệ 30và nói: “Các con hãy đến ngôi làng phía trước mặt, khi vào các con sẽ thấy một con lừa con chưa ai cưỡi, đang cột ở đấy. Hãy tháo dây, dắt nó về đây. 31Nếu có ai hỏi: “Sao các ông lại tháo dây con lừa ra vậy?", các con cứ trả lời: “Bởi vì Chúa đang cần”. 32Những người được sai đi đã lên đường và thấy mọi sự y như lời Chúa Giêsu. 33Họ đang tháo dây cột lừa con ra, mấy ông chủ của nó hỏi: “Sao các ông lại tháo dây con lừa ra vậy?”. 34Họ trả lời: “Vì Chúa đang cần”. 35Họ dắt con lừa về cho Chúa Giêsu, trải áo choàng của họ lên lưng lừa và đỡ Chúa Giêsu ngồi lên. 36Chúa Giêsu đi tới đâu, người ta trải áo choàng của mình lên mặt đường tới đó. 37Và khi Ngài đến gần triền núi Ôliu, tất cả đoàn các môn đệ vui mừng lớn tiếng ca ngợi Thiên Chúa về mọi phép lạ họ đã chứng kiến 38mà rằng:

“Chúc tụng Đức Vua,

Đấng nhân Danh Chúa mà đến!

Bình an trên trời

và vinh quang trên các tầng trời”.

39Trong đám đông có vài người Pharisêu nói với Chúa Giêsu rằng: “Thưa Thầy, xin Thầy quở trách các môn đệ!”. 40Ngài trả lời và nói với họ: “Tôi bảo cho các ông biết: nếu họ mà im lặng thì sỏi đá sẽ tung hô”.

***Khóc thương Giêrusalem.***

41Khi Chúa Giêsu đến gần Giêrusalem, nhìn thấy thành thánh, Ngài khóc thương thành 42rằng: "Phải chi hôm nay ngươi biết được điều đem lại bình an cho ngươi! Nhưng đến lúc này đây, điều ấy vẫn bị che khuất khỏi mắt ngươi. 43Thật thế, rồi đây sẽ đến ngày quân thù xây thành đắp lũy, vây hãm và áp đảo ngươi tứ bề; 44chúng sẽ tiêu diệt ngươi, con cái ngươi, và sẽ không để cho còn hòn đá nào trên hòn đá nào, bởi vì ngươi không nhận ra giờ mình được thăm viếng”.

***Thanh tẩy Đền Thờ.***

45Vào trong Đền Thờ, Chúa Giêsu xua đuổi những người buôn bán ra khỏi đó. 46Ngài nói với họ: “Có lời chép rằng: “Nhà Ta là nhà cầu nguyện”. Thế mà các ông biến thành hang trộm cướp”. 47Và hằng ngày Ngài giảng dạy trong Đền Thờ. Các tư tế và kinh sư, cũng như các thủ lãnh trong dân tìm cách để giết Ngài 48nhưng họ không biết phải làm cách nào vì tất cả dân chúng đều say mê nghe Ngài.

**Chương  20**

***Quyền uy của Chúa Giêsu bị chất vấn.***

1Một hôm, Chúa Giêsu đang giảng dạy cho dân chúng trong Đền Thờ và loan báo Tin Mừng thì các thượng tế và các kinh sư cùng các niên trưởng tiến lại 2và họ hỏi Ngài rằng: “Xin ông hãy cho chúng tôi biết: ông lấy quyền nào để làm những điều này, hay ai đã trao cho ông quyền ấy?”. 3Chúa Giêsu trả lời và nói với họ: “Tôi cũng vậy, Tôi muốn hỏi các ông một điều; các ông hãy cho biết: 4Phép rửa của Gioan bởi trời hay bởi người ta?”. 5Họ bàn với nhau: “Nếu chúng ta nói: “Bởi trời”, ông ấy sẽ nói: “Sao các ông không tin ông ấy?”; 6nếu chúng ta nói: “Bởi người ta”, dân chúng sẽ ném đá chúng ta, bởi vì mọi người đều tin Gioan là một ngôn sứ”. 7Và họ trả lời rằng họ không biết bởi đâu. 8Chúa Giêsu nói với họ: “Tôi cũng vậy, Tôi cũng không cho các ông biết Tôi dựa vào quyền nào để làm những điều đó”.

***Dụ ngôn các nông dân thuê vườn nho.***

9Và Chúa Giêsu nói cho dân chúng dụ ngôn sau: “Có người kia trồng một vườn nho, ông ta cho các nông dân thuê vườn nho ấy rồi đi xa một thời gian dài. 10Đến mùa thu hoạch, ông sai một gia nhân đến gặp các nông dân để thu phần lợi nhuận thuộc về ông; nhưng các nông dân sau khi đánh đập người ấy, đuổi anh ta về tay không. 11Ông chủ sai một gia nhân khác; nhưng họ cũng đánh đập, làm nhục, và đuổi người ấy về tay không. 12Ông sai thêm người thứ ba; thế nhưng sau khi gây trọng thương, họ quăng anh ta ra ngoài vườn nho. 13Ông chủ vườn nho mới nói: “Mình phải làm gì đây? Mình sẽ sai đứa con trai yêu dấu của mình đến; biết đâu chúng sẽ kiêng nể con mình chăng”. 14Thấy cậu con trai ông chủ đến, các nông dân nói với nhau: “Đứa thừa kế kia rồi. Hãy giết nó và tài sản sẽ thuộc về chúng ta”. 15Rồi lôi cậu ta ra ngoài vườn nho, chúng giết cậu. Vậy ông chủ vườn nho sẽ làm gì với các nông dân? 16Ông sẽ đến và giết toàn bộ các nông dân ấy rồi cho những người khác thuê lại vườn nho”. Nghe vậy, họ nói với Chúa Giêsu: “Mong sao đừng xảy ra như vậy!”. 17Thế nhưng, Ngài nhìn họ và nói: “Điều đã viết này có ý nghĩa gì:

“Tảng đá những thợ xây nhà loại bỏ

đã trở nên tảng đá góc tường”?

18Tất cả những ai rơi xuống trên tảng đá này sẽ nát thây và tảng đá ấy rơi xuống trên ai thì cũng sẽ nghiền nát kẻ ấy”. 19Các kinh sư và tư tế tìm cách tra tay bắt Chúa Giêsu ngay lúc đó; nhưng họ còn ngại dân chúng; họ quá hiểu là Ngài muốn ám chỉ về họ khi giảng dụ ngôn này.

***Nộp thuế cho hoàng đế.***

20Họ theo dõi Chúa Giêsu và sai một nhóm đóng vai người công chính, rình khi Ngài lỡ lời, hầu có thể bắt chộp Ngài để giao nộp cho thẩm quyền xét xử của tổng trấn. 21Họ hỏi Ngài: “Thưa Thầy, chúng tôi biết Thầy nói và giảng dạy cách thẳng thắn, không thiên vị ai, nhưng giảng dạy đường lối của Thiên Chúa một cách chân thật. 22Vậy xin Thầy cho biết là có nên nộp thuế cho Cêsar hay không?”. 23Chúa Giêsu nhìn thấy lòng xảo quyệt của họ nên nói với họ: 24“Đưa cho Tôi xem một đồng đênari. Đồng tiền này mang hình ảnh và danh hiệu của ai đây?”. 25Họ thưa: “Của Cêsar”. Ngài bảo họ: “Vậy thì hãy trả cho Cêsar cái gì của Cêsar, và trả cho Thiên Chúa điều gì thuộc Thiên Chúa”. 26Họ không thể nào bắt chộp được Ngài lỡ lời trước mặt dân chúng, và họ lặng đi vì ngạc nhiên trước câu trả lời của Ngài.

***Thắc mắc về việc Phục Sinh.***

27Một nhóm người thuộc phái Sađốc, tức là phái chủ trương không có sự sống lại, tiến đến gần Chúa Giêsu 28và hỏi Ngài: “Thưa Thầy, Môsê đã viết cho chúng tôi: nếu một người có một ông anh qua đời để lại một bà vợ không có con, thì người ấy phải cưới người chị dâu góa ấy để lưu truyền dòng giống cho anh mình. 29Và này có bảy anh em trong một nhà: người thứ nhất cưới vợ và qua đời không con; 30người thứ hai cũng vậy, 31người thứ ba cưới bà chị góa đó, và lần lượt cả bảy người đều như thế; tất cả họ đều qua đời mà không để lại đứa con nào. 32Cuối cùng người đàn bà ấy cũng chết. 33Vậy thưa Thầy, trong ngày sống lại, người đàn bà ấy sẽ là vợ của ai trong số bảy anh em đó? Vì cả bảy đều đã lấy chị ta”. 34Chúa Giêsu trả lời: “Con cái đời này cưới vợ lấy chồng; 35thế nhưng những ai được cho là xứng đáng để hưởng phúc đời đời và sự sống lại từ cõi chết thì lúc ấy họ không cưới vợ lấy chồng nữa. 36Họ không thể chết nữa mà đã trở nên như các thiên thần, họ là con cái của Thiên Chúa và của sự sống lại. 37Còn về vấn đề người chết sống lại, Môsê đã tỏ cho thấy khi tường thuật về bụi gai bốc cháy, khi ông tuyên xưng: “Chúa là Thiên Chúa của Abraham, Thiên Chúa của Isaác, Thiên Chúa của Giacóp”. 38Ngài không là Thiên Chúa của kẻ chết, nhưng là của người sống. Thật vậy, với Ngài tất cả đều đang sống”. 39Nghe vậy có mấy kinh sư lên tiếng đáp lại: “Thưa Thầy, Thầy nói quá đúng”. 40Và họ không dám chất vấn Ngài điều gì nữa.

***Thắc mắc về con vua Đavít.***

41Chúa Giêsu hỏi lại họ: “Làm sao người ta lại nói Đấng Kitô là con vua Đavít? 42Trong khi nơi Thánh Vịnh, chính Đavít đã từng ca tụng:

“Chúa là Thiên Chúa đã nói với Chúa tôi rằng:

“Con hãy ngồi bên hữu Ta,

43cho đến khi Ta đặt mọi quân thù

làm bệ dưới chân con”.

44Vậy nếu Đavít đã gọi Ngài là Chúa của ông, thì làm sao Ngài lại có thể là con của ông được?”.

***Lên án các kinh sư.***

45Trong khi toàn dân đang lắng nghe, Chúa Giêsu nói với các môn đệ: 46“Các con phải coi chừng mấy ông kinh sư ưa dạo quanh với quần dài áo thụng, thích được người ta bái chào ở nơi công cộng, thích ngồi vào chỗ danh dự trong hội đường, và cỗ nhất trong các bữa tiệc; 47họ nuốt chửng tài sản của các bà góa mà bề ngoài lại ra bộ kinh kệ lâu giờ. Họ sẽ lãnh án phạt nặng nề hơn”.

**Chương  21**

***Bà góa nghèo đóng góp.***

1Ngước mắt lên, Chúa Giêsu thấy những người bỏ tiền dâng cúng vào thùng tiền, họ là hạng giàu có. 2Ngài cũng thấy một bà góa nghèo bỏ vào đó hai đồng xu [lépta][[1]](#footnote-1)♣ 3và Ngài nói: “Thầy nói cho các con biết: bà góa nghèo khó đây đã dâng cúng nhiều hơn tất cả những người khác. 4Vì những người kia đã lấy phần dư thừa của mình mà bỏ vào thùng tiền; còn bà ấy trong cảnh túng thiếu đã dâng hết những gì bà có để nuôi thân”.

***Sự phá hủy Đền Thờ được báo trước.***

5Và có một số người khen Đền Thờ được trang trí bằng những viên đá đẹp đẽ cùng những lễ vật dâng cúng, Chúa Giêsu nói: 6“Về những gì các con chiêm ngưỡng đó, sẽ đến những ngày không còn hòn đá nào nằm trên hòn đá nào, tất cả đều bị phá huỷ”.

***Các dấu chỉ chung tận.***

7Họ hỏi Chúa Giêsu: “Thưa Thầy, khi nào thì việc ấy xảy ra, và đâu là điềm báo việc ấy sắp xảy đến?”. 8Chúa Giêsu trả lời: “Các con hãy coi chừng kẻo bị lường gạt, bởi vì nhiều người sẽ mạo Danh Thầy đến và nói: “Chính Ta đây”, hoặc: “Thời giờ đã gần đến”. Các con đừng theo họ. 9Khi các con nghe nói đến chiến tranh và loạn lạc thì đừng sợ hãi; tất cả những chuyện như thế phải xảy ra trước đã, nhưng chưa phải là chung cuộc ngay đâu”. 10Rồi Ngài nói với họ: “Dân này sẽ nổi lên chống dân kia, nước này chống nước nọ; 11sẽ có những trận động đất lớn, và nơi này nơi khác sẽ có những nạn đói và những tai họa; sẽ xảy ra những hiện tượng kinh hoàng và những điềm lạ cả thể từ trời.

***Bách hại sẽ đến.***

12Nhưng trước khi tất cả những sự việc đó xảy đến thì người ta sẽ tra tay bắt bớ và bách hại các con; sẽ giao nộp các con cho các hội đường và các nhà tù, sẽ điệu các con đến trước các vua chúa và nhà cầm quyền vì Danh Thầy; 13đó là cơ hội để các con làm chứng. 14Hãy ghi nhớ trong lòng điều này là đừng lo phải tự biện hộ làm sao; 15chính Thầy sẽ cho các con lời lẽ và sự khôn ngoan, khiến tất cả kẻ thù của các con sẽ không thể chống trả hay phản bác lại các con. 16Các con sẽ bị chính cha mẹ, anh em, gia đình và bạn bè mình giao nộp, và họ sẽ giết nhiều người trong các con, 17vì Danh Thầy, mọi người sẽ thù ghét các con. 18Thế nhưng không một sợi tóc nào bị rụng khỏi đầu các con. 19Nhờ kiên trì các con sẽ giữ được mạng sống của các con.

***Gian khổ cùng cực.***

20Khi các con thấy Giêrusalem bị các đạo binh vây hãm thì các con biết ngày hoang tàn của nó đã gần. 21Khi ấy, những ai ở Giuđê thì hãy trốn lên núi; những ai còn trong thành hãy mau ra bên ngoài; những ai đang ở vùng quê thì đừng vào thành. 22Bởi vì đấy sẽ là những ngày trừng phạt hầu nên trọn mọi điều đã viết. 23Khốn khổ[[2]](#footnote-2)♣ cho những phụ nữ đang mang thai hoặc các bà mẹ đang cho con bú trong những ngày ấy, bởi vì sẽ có một cơn khốn khổ cùng cực trong toàn đất nước và một cơn thịnh nộ ghê gớm trên toàn dân, 24họ sẽ gục ngã dưới lưỡi gươm, và sẽ bị đày đi khắp các dân tộc, Giêrusalem sẽ bị chà đạp dưới chân các dân ngoại mãi cho đến khi thời của dân ngoại chấm dứt.

***Con Người sẽ đến.***

25Sẽ có những điềm lạ trên mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao. Trên mặt đất, các dân tộc sẽ âu lo hoảng sợ trước cảnh biển gào sóng thét, 26người ta sẽ ngất xỉu vì sợ trong lúc đợi chờ xem điều gì sẽ giáng xuống trần gian, bởi vì những tầng trời sẽ bị lay chuyển. 27Khi ấy, người ta sẽ thấy Con Người đến trong đám mây, với quyền năng và vinh quang cao cả. 28Khi những điều ấy xảy ra thì các con hãy đứng thẳng và ngẩng đầu lên, vì ơn cứu độ các con đã gần đến”.

***Bài học cây vả.***

29Và Ngài nói với các ông dụ ngôn này: “Các con hãy nhìn cây vả và cả những giống cây khác: 30khi chúng đâm chồi, thì các con thấy và biết là mùa hè sắp đến. 31Cũng thế, khi các con thấy các sự việc đó xảy đến thì hãy biết rằng Nước Thiên Chúa đã gần kề. 32Amen, Thầy bảo các con: thế hệ này sẽ không qua đi trước khi các sự việc ấy xảy đến. 33Trời đất sẽ qua đi nhưng Lời của Thầy sẽ không qua đi.

***Kêu gọi tỉnh thức.***

34Các con hãy coi chừng kẻo lòng các con ra nặng nề do tiệc tùng, say sưa, lo toan cuộc sống, rồi ngày ấy lại bất ngờ chụp xuống trên các con, 35như một chiếc lưới sẽ ập xuống trên mọi người khắp mặt đất. 36Hãy luôn tỉnh thức và cầu nguyện, để có sức thoát khỏi những gì sẽ xảy đến, và đứng vững trước mặt Con Người”.

***Tác vụ tại Giêrusalem.***

37Ban ngày Chúa Giêsu giảng dạy trong Đền Thờ, tối đến Ngài đi ra và nghỉ đêm trên núi gọi là Ôliu. 38Toàn dân dậy thật sớm, vào trong Đền Thờ để nghe Ngài giảng.

Còn tiếp

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**ĐỨC TIN MẠNH, ĐỨC TIN YẾU. LÀM SAO ĐỂ YẾU THÀNH MẠNH (CN 20A).**

Có một lời ca mà ta nghe rất quen, của Y-Vân : “Lòng mẹ bao la như biển thái bình dạt dào, Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào.” Lời ca đó có thể dẫn ta đến một người mẹ mà bài Tin Mừng hôm nay nhắc tới : bà mẹ người ngoại, người Canaan. Bà bất chấp tất cả, bất chấp nhục nhã để đi van xin cho con gái của bà bị quỉ ám được chữa lành. Chắc bà này đã đi nhìều thầy, chạy nhiều thuốc mà tiền mất tật mang. Cứ xem cách mô tả trong bài Tin Mừng hôm nay thì rõ. Bởi vì lần đến với ông thầy Giêsu này, bà đã tỏ ra lão luyện trong nghề van xin đến độ Chúa phải khen : “Lòng tin của bà mạnh thật !” Thật đẹp, thật phúc biết bao nếu Đức Giêsu cũng nói câu đó với tôi, “Lòng tin của con mạnh thật !” Nói như thế, tức là có những người “lòng tin của ngươi yếu quá !” Vậy ta sẽ trả lời 2 câu hỏi : (1) Tại sao có người lòng tin mạnh, có người lòng tin yếu ; và câu (2) quan yếu hơn : nếu lòng tin yếu, có cách nào làm cho mạnh không ?

 **1. Tại sao có người lòng tin mạnh, có người lòng tin yếu.**

Ta phải giới hạn để nâng câu hỏi này lên hàng “thiêng liêng.” Đức tin khác lòng tin. Giữa người với người là lòng tin. Giữa người với đấng Tối Cao là đức tin. Tại sao có những người đức tin thật mạnh mà có những người đức tin yếu kém. Hỏi đổi lời : “Tại sao có những người dễ dàng tin vào Chúa vào Mẹ. Còn có những người cảm thấy rất khó khăn để tin Chúa tin Mẹ ?”

Câu hỏi này cũng giống như câu hỏi : Tại sao có những người thật mập mạp khoẻ mạnh lại cũng có những người khẳng khiu ốm yếu ?

Họ khẳng khiu ốm yếu là do cha mẹ họ. Họ thừa hưởng một thân xác eo xèo của mẹ của cha. Cha nào con nấy. Cha gầy gò, con ốm yếu. Nhưng cũng có những người ốm yếu vì chính họ không biết chăm sóc sức khoẻ cho chính mình.

Điều đúng cho sức khoẻ thể lý thế nào thì cũng gần đúng cho sức khoẻ tâm linh, tức đức tin của chúng ta thể ấy. Một số người đức tin yếu kém là do cha mẹ tổ tiên của họ. Cha mẹ có đức tin loại ba cọc ba đồng thì đức tin của con cái làm sao mạnh mẽ được. Đức tin của cha là loại “con quì lạy Chúa Ba Ngôi, con lấy được vợ con thôi nhà thờ” thì con cái họ sinh ra làm sao có được lòng tin vào Chúa vào Mẹ vững mạnh được. Người ta nhận xét, những Giáo hội có tổ tiên là những vị tử đạo, thì đức tin của Giáo hội đó vững mạnh. Giáo hội Việt Nam thừa hưởng đức tin 117 vị thánh Tử đạo, 2000 người tử đạo khác đã có hồ sơ chờ xin phong thánh và cả trăm ngàn người chưa có hồ sơ. Đại Hàn với 103 vị thánh tử đạo là tổ tiên, và cách đây 3 năm, 16-8-2014, đức giáo hoàng Phanxicô đến Đại Hàn để phong chân phước cho 124 vị tử đạo nữa, khiến con dân Giáo hội Đại Hàn có một đức tin kiên vững, bậc nhất ở Á Châu này. Đức tin cũng như sức khoẻ phải vun đắp. Thừa hưởng đức tin bất khuất từ cha ông, mà không tài bồi vun đắp thì đức tin cũng lung lay yếu ớt. Đến đây ta qua câu hỏi 2.

 **2. Nếu đức tin yếu, có cách nào làm cho mạnh không?**

Thưa có, và phải như vậy. Một cơ bắp nếu không hoạt động không tập luyện thì sẽ yếu dần, có thể đi đến co rút lại. Một đức tin không củng cố sẽ lắc lư giữa dòng đời đầy cạm bẫy làm mình xa Chúa. Vậy đức tin năng tập luyện cũng sẽ thành đức tin mạnh. Học hỏi bàn luận suy niệm về Lời Chúa như chúng ta đang làm đây ; tham dự thánh lễ với phần dâng lễ ít phút nữa cách chăm chú sốt sắng hơn ; cầu nguyện mỗi ngày để trở thành thói quen trong đời sống… tất cả đều có thể làm đức tin mạnh hơn. Và còn một cách tập luyện đức tin xem ra hữu hiệu hơn. Đó cũng là cách chúng ta muốn nói hôm nay, Dostoievski trong tác phẩm *“Anh em nhà Karamazov”* có bàn tới cách này.

Trong tác phẩm, tác giả đề cập đến một bà lão, sức khoẻ thiêng liêng (đức tin) suy thoái cùng với sức khoẻ thể xác (càng già đức tin càng yếu…). Ngày nọ bà bàn luận vấn đề này với một vị linh mục cũng già tên là Zossima. Bà nói với linh mục về đức tin yếu kém và những ngờ vực của bà mới phát sinh khi … già: *“Thiên Chúa có hay không ? Ngài có quan tâm đến tôi ? Có gì sau khi chết không ?”*

Linh mục già lắng nghe, cảm thông và nói với bà: Chẳng có cách nào chứng minh rõ ràng những điều bà thắc mắc. Nhưng bà vẫn có thể tin những điều đó cách vững vàng hơn.

*-Bằng cách nào ?* bà giả hỏi.

-“Bằng yêu thương. Hãy cố gắng yêu người láng giềng của bà thật tình và bà sẽ nhận thấy có Chúa thật. Có một tương lai huy hoàng sau khi chết. Đây là điều chắc chắn, đã được thể nghiệm và đã có kết quả”.

Linh mục già Zossima nói thật chí lí. Càng yêu nhiều thì càng tin mạnh. Tin và yêu đi đôi với nhau như hai đường rầy xe lửa. Tìm được cái này là thấy rõ cái kia. Người phụ nữ Canaan trong bài Tin mừng hôm nay mà Chúa khen đức tin mạnh thật cũng là người yêu thật mạnh. Bà không xin Chúa cho bà mà bà xin cho con bà. Lòng mẹ bao la. Bà đã vượt qua cả 3 cửa ải, 3 bước khó để xin cho bằng được :

- Bước 1 : Bà xin Chúa, Chúa nín thinh !

- Bước 2 : Môn đệ nhắc khéo Chúa để đuổi bà về, Chúa bỏ lửng một câu: “Thầy chỉ được sai đến cứu những con chiên lạc nhà Israel  thôi”

- Bước 3 : Khi bà cố nài van nữa để chữa lành cho đứa con bị quỉ ám, thì Chúa cho một cú “ân huệ” (tức phát súng kết liễu kẻ bị án tử hình) : *“Không nên lấy bánh của con cái mà cho chó ăn.”*Tưởng rằng cú ân huệ này sẽ hạ gục bà mẹ. Ai ngờ bà vẫn sống : *“Đúng thế thưa Ngài, nhưng mà lũ chó con cũng được ăn những mảnh vụn trên bàn chủ rơi xuống.”*

Đức Giêsu thua. Lòng tin bà mạnh thật. Bà tin mạnh vì bà yêu con bà quá sức. Yêu là việc làm của Tin. Đức tin không việc làm là đức tin (yếu). Tin mà không yêu là tin yếu. Muốn tin mạnh thì cũng hãy yêu nhiều. Chắc chắn như vậy. Amen.

 *Lm. Anphong Ng Công Minh, OFM.*

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**PHÊ RÔ GIỮ CHÌA KHÓA THIÊN ĐÀNG**

CHÚA NHẬT XXI A THƯỜNG NIÊN

Is 22:15,19-23; Rm 11:33-36; Mt 16:13-20

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

 

 *“Thầy là đấng Kito, con Thiên Chúa hằng sống”(Mt 16:16).*Câu nói này chính là đỉnh điểm cuộc đời của Phero. Chúa đã nói với ông: “*Anh là Phero nghĩa là đá, trên đá này, thầy sẽ xây Giáo Hội của thầy…Thầy sẽ trao cho anh quyền giữ chìa khóa nước trời: dưới đất anh cầm buộc điều gì thì trên trời cũng cầm buộc, anh tháo cởi điều gì thì trên trởi cũng tháo cởi…”(Mt 16:18-19).*Kể từ đó Phero đứng đầu Hội Thánh và giữ chìa khóa Nước Trời*.*

**NGƯỜI TA NÓI THẦY LÀ AI?**

Bài Phúc Âm Mathieu hôm nay (Mt 16:13-20) tả lại cuộc đối thoại giữa chúa Giesu và các môn đệ tại thị trấn Caesarea Philippi[[1]](file:///C%3A%5C%5CUsers%5C%5CAdministrator%5C%5CDownloads%5C%5CCN%2021A%20TN-TH%C3%81NH%20PHERO%20GI%E1%BB%AE%20CH%C3%8CA%20KH%C3%93A%20THI%C3%8AN%20%C4%90%C3%80NG.doc%22%20%5Cl%20%22_ftn1). Chính nơi đây thánh Phero đã tuyên xưng Chúa Giesu là Đấng Thiên Sai. Câu chuyện của Mathieu kể giống như câu chuyện của hai thánh Maco (Mc 8:27-29) và Luca (Lc 9:18-20), nhưng chỉ có Mathieu cho biết lời tuyên xưng của Phero được chúa Giesu xác nhận là do Thiên Chúa linh hứng cho ông (Mt 16:17) và Chúa gọi Phero là Đá, trên đó Người sẽ xây Giáo Hội của Người (16:18) và ban quyền cho ông đứng đầu Giáo Hội trần thế của Chúa (16:19). Dựa vào thần thoại Hy Lạp trong khung cảnh địa danh của thị trấn Caesarea Philippi, chúng ta thử tìm hiểu những danh hiệu dùng trong bài Phúc Âm hôm nay.

 **THẤY LÀ ĐẤNG THIÊN SAI**

Để trả lời câu hỏi của chúa Giesu (16:13) *“Người ta nói Con Người là ai?”,* các môn đệ đưa ra một danh sách các tước hiệu mà dân chúng gán cho Chúa. Có người nói Chúa là Elijah, người chuyên đối đầu với quyền lực trần thế. Có người nói Chúa là Jeremiah, người chuyên sống đời nội tâm, trầm lặng.

Khi Chúa hỏi Phero một câu có tính quyết định: “*Còn anh, anh gọi Thầy là ai?”* Phero trả lời: “*Thầy là đấng Kito, con Thiên Chúa hằng sống” (Mt 16:15-16).* Câu trả lời này  phải chăng là bản án tử hình cho tất cả các thần khác, đặc biệt thần Pan, đang được tôn thờ ngay trong thị trấn này? Bản án này có gây khủng khoảng quyền lực của Tiberias trong việc kế ngôi hoàng đế Augustus không?

 **THẦY LÀ CHÚA KITO CON THIÊN CHÚA HẰNG SỐNG**

“Con Thiên Chúa” phải được hiểu ngược lại nghĩa thần thoại Hy Lạp trong khung cảnh Phero tuyên xưng danh tính chúa Giesu. Thần Pan có liên hệ với một ngọn núi ở Arkadia và một cái động ở Attika. Vì Arkadia không có nhiều súc vật lớn nên dê là loại thú vật đặc biệt được mọi người ưa thích, và vì vậy thần Pan có hình dáng nửa người nửa dê và gọi là thần đồng cỏ. Pan đã trở thành vị thần phổ quát trong thần toại Hy Lạp, tất cả mọi người, kẻ chăn chiên, dân nông trại và dân quê ai cũng biết. Pan thì rất đa tình mà công tác chính là nhảy đực làm mang thai đàn súc vật của mình! Người ta nói hắn thích hang động, núi đồi và những nơi cô tịch. Hắn cũng có tâm hồn âm nhạc, nhạc cụ của hắn là kèn ống. Pan là con của thần Zeus, vì vậy hắn là con thần.

Phero tuyên xưng chúa Giesu là “*Con Thiên Chúa hằng sống”(Mt 16:15-16)* và qua Maco thì *“Thầy là Đấng Thiên Sai*” (Mc 8:27-29) đã loại bỏ tất cả những gì mơ hồ từng  được gán cho danh hiệu Thiên Sai. Tuyên bố của Phero khiến chúng ta không thể không nghĩ đến sự liên hệ giữa khung cảnh đầy thần thoại Hy Lạp và thị trấn Caesarea Philippi!

**KHÔNG PHẢI NGƯỜI PHÀM MÀ CHÍNH THIÊN CHÚA CHO ANH BIẾT**

Qua câu 17 (Mt 16:17) chúa Giesu đã xác nhận tuyên xưng của Phero: *“Không phải người phàm nói cho anh biết điều đó, nhưng là Cha ta ở trên trời linh hứng cho anh*.” Việc này cũng tương tự như Phaolo diễn tả việc ông nhận biết chúa Giesu như nói trong thư gửi tín hữu Galat (Gl 1:15-16): *“….Thiên Chúa đã dành riêng tôi ngay từ khi còn trong lòng mẹ, và gọi tôi nhờ ân sủng của Người. Người đã đoái thương mạc khải Con của người cho tôi…”*

**PHERO, ANH LÀ ĐÁ**

Trong câu 18, chúa Giesu tiết lộ một danh xưng mới của Phero: “*Anh là Phero, tức là****Đá****, trên đá này ta sẽ xây giáo hội của ta” (Mt 16:18).*Tên Phero (Petros)tiếng Aramaic là***Kepa***nghĩa là đá, dịch ra tiếng Hy Lạp là ***Kephas*** mà thánh Phaolo dùng trong thư gửi các tín hữu Corinto và Galat (1Cr 1:12; 3:22; 9:5; 15:4; Gl 1:18; 2:9,11,14) trừ trong Galat 2:7-8 và trong Gioan 1: 42.thì dùng tên “Phero”(Petros).

Khi Chúa Giesu tuyên bố *Phero* *là Đá, trên Đá này ta sẽ xây Giáo Hội của ta*, phải chăng Chúa ám chỉ những tảng đá khổng lồ bao quanh Chúa ở trong vùng và nó cũng bao trùm cả những đền thờ thần ngoại và các nhà lãnh đạo trần thế? Cả hai cái chết của Pan Đại đế và của Chúa Kito đều xẩy ra dưới thời quan tổng trấn Philato, phải chăng có gì liên hệ với nhau? Các Kito hữu thời sơ khai có muốn biết sự liên hệ giữa hai biến cố này như Eusebius đã nêu ra trong những bản viết của ông không?

 **DANH XƯNG “GIÁO HỘI”**

Mathieu là thánh sử duy nhất dùng từ ***“Giáo Hội***” (Mt 16:18), tiếng Hy Lạp là ekklesia. Từ này được dùng 2 lần trong bản văn. Đối với bản gốc tiếng Aramaic (tiếng Chúa Giesu nói) thì là gì?  Giáo Hội của chúa Giesu là một  cộng đồng trong đó có những người mà Chúa Giesu sẽ thu thập lại từ nhiều nơi, như một building có nhiều người chung sống mà nền móng là thánh Phero. Nhiệm vụ của Phero là làm chứng chúa Giesu là đấng Thiên Sai, Con Thiên Chúa hằng sống.

 **CỬA HỎA NGỤC**

Chúa nói sức mạnh ma quỉ / cửa hỏa ngục không thể thắng được Giáo Hội (Mt 16:18) phải chăng ám chỉ một cái động khổng lồ mà ngưới dân trong vùng tin đó là cửa âm phủ, từ đó nước lũ chảy ra làm thành sông Jordan? Vào thời Chúa Giesu và các thánh sử Tân Ước, người Do Thái và Kito hữu quan niệm hỏa ngục / âm phủ (Sheol) là nơi cư ngụ của những người chết không phải là nơi trừng phạt. Người xưa tin rằng nước sông Jordan chảy vào một cái động lớn mà bây giờ là trung tâm công viên quốc gia nằm ngay tại cửa sông Jordan ở Banias. Người ta cũng tin cửa động là một trong những lối vào âm phủ. Một khi đã đi vào rồi thì không thể đi ra để về lại nơi của người sống được.

Người ta cũng tin là nơi đó không chỉ là nhà ở dành cho người chết ở mà cả ma quỉ, tử thần và những tên chuyên phá hoại. Theo ngôn ngữ khải huyền Do Thái, thì thời tận cùng là lúc sức mạnh hỗn mang của trời đất được giữ chặt trong lòng đất từ lúc tạo dựng bây giờ bật tung ra phá hủy trái đất, gây cảnh tang thương đau khổ khóc than. Các học giả kinh thánh cho biết cửa hỏa nguc là hình ảnh một trong những tên lãnh đạo âm phủ đã bị canh giữ rất nghiêm ngặt giờ đây phá cửa bung ra ngoài tấn công thần dân Thiên Chúa trên mặt đất. Hình ảnh này sẽ rất sống động nếu ta đặt mình vào địa vị của các nhân vật trong chuyện với khung cảnh địa dư của Paneas lúc đó.

 **VỊ TRÍ VÀ VỊ THẾ**

Paneas (Panias) với lịch sử cổ kính huy hoàng, giàu sang phồn thịnh quả đã cho chúng ta khung cảnh của một bản kịch mới. Nơi đây người ta sẽ không còn tôn thờ thần ngoại hay thần quốc gia nhưng thờ Con Thiên Chúa hằng sống, vì vậy Giáo Hội được thiết lập. Chắc chắn là không có sự trùng hợp lả tại Caesarea Philippi (Banias). lời Phero tuyên xưng *chúa Giesu là Con Thiên Chúa* *hằng sống.* Người ta không thể tưởng tượng nổi những cục đá khổng lồ dưới chân núi Hermon lại không ảnh hưởng các thánh sử Phúc Âm, người phát ngôn viên Lời Chúa và cả chính chúa Giesu. Sức mạnh phá hoại vũ trụ của ma quỉ bị nhốt trong một cái động mà người xưa tin là nhà của chúng lại bất thần được nhắc tới, không phải để rút lại quyền lực của chúng mà quả quyết quyền lực của chúng không thể thắng được sức mạnh của Giáo Hội. Một vị thần mà người xưa nói là có chìa khóa âm phủ cũng bất thần được thay thế bởi một phàm nhân là ông Phero sẽ giữ chìa khóa vương quốc thiên đàng.

 **CHÌA KHÓA VƯƠNG QUỐC**

Hình ảnh chìa khóa được nói ở câu 19 có lẽ lấy từ tiên tri Isaiah (Is 22:15-25) tả cảnh Eliakim thay thế Shebnah và được trao “chìa khóa làm chủ lâu đài nhà David”.

Theo Mathieu 18:18 thì tất cả các môn đệ đều được quyền tha thứ và trói buộc, nhưng cứ văn bản thì đặc quyền này được trao cho Phero. Chìa khóa là chìa khóa Vương quốc Nước Trời thì để Phero thi hành quyền của ông trong Giáo Hội trần thế. Quyền này sẽ được thiên đàng xác nhận như một phối hợp mật thiết -nhưng không giống nhau- giữa Giáo Hội và Vương quốc Nước Trời. Giáo Hội là một chiến trường giữa quyền lực hỏa ngục và quyền lực thiên đàng. Chúng ta hẳn cũng thấy trong quá khứ cửa hỏa ngục đã từng mở tung phóng lửa đốt cháy Giáo Hội rất hung bạo sao?

Tuy nhiên trong những cơn sóng gió đó, chúng ta cũng thấy Phero đã dùng chìa khóa mở cửa thiên đàng và vương quyền Thiên Chúa xuất trận. Chúng ta tin tưởng quyền năng Thiên Chúa là vô địch nên sức mạnh ma quỉ không tài nào có thể thắng được Giáo Hội. Hơn nữa vì quyền năng Thiên Chúa luôn luôn hoạt động trong Giáo Hội, vì mục dích của Người đối với Giáo Hội đồng thời Người ban sức mạnh nước trời cần thiết để hoàn thành mục đích đó.

 **CHÚNG TA PHẢI TRẢ LỜI CHÚA THẾ NÀO?.**

Cuộc chiến đấu để xác định chúa Giesu và nhiệm vụ thiên sai của Người ngày nay vẫn còn đang tiếp tuc. Có người nói cá nhân mỗi Kito hữu và toàn thể Giáo Hội phải là một Elijah công khai đối đầu với mọi hệ thống, cơ chế và luật lệ quốc gia. Đó là đường hướng của Elijah. Có người nói -giống như Jeremiah- triều đại chúa Kito thể hiện qua Giáo Hội chỉ là một khía cạnh của cuộc sống cá nhân có tính riêng tư. Thực vậy, ngày nay có nhiều người muốn giảm thiểu tối đa tôn giáo và niềm tin vào phạm vi cá nhân có tính riêng tư càng nhiều càng tốt.

Chúa Giesu muốn thăm dò thật kỹ, tiến sát lại Phero và hỏi: *“Còn anh, anh gọi thầy là ai?”* Phero trả lời*:”Thầy là đấng Thiên Sai.*Câu trả lời này đã để lộ tính nóng nảy nhưng đầy nhiệt huyết của Phero. Đấng Thiên Sai đến thế gian và cuộc sống của mỗi cá nhân một cách hoàn toàn để hòa giải sự khác biệt giữa công và tư. Câu trả lời của chúng ta cho câu hỏi quyết định này của Chúa Giesu sẽ là thước đo cho tính môn đệ của chúng ta.

Mỗi người chúng ta, một ngày nào đó, cũng phải đến Caesarea Philippi một lần để trả lời câu hỏi của chúa Giesu: “Còn anh, anh gọi Ta là ai?”Thị trấn Caesarea Philippi nằm ở đâu trong đời sống chúng ta? Những thách thức gì chúng ta phải làm để xác định chúa Kito luôn luôn vì tôi, vì Giáo Hội và vì toàn thể thế giới?

Giống Phero, tôi có chiến đấu để chấp nhận cách Chúa hoạt động ở trần thế này như đức Benedict XVI nói “Sức mạnh của tình yêu thì không thể chối cãi” ? (Diễn văn vọng Đại Hội Giới Trẻ Thế Giới XX tại Cologne, Đức quốc). Tình yêu đã biến đổi những quang cảnh thê thảm và đau khổ hiện nay thế nào? Tôi đã thấy tình yêu Thiên Chúa hoạt động mạnh mẽ thế nào trong đời tôi, nhất là những lúc bị thử thách và đau khổ? Trong sóng gió cuộc đời tôi đã có được an ủi gì không vì tôi thuộc về Giáo Hội của chúa Kito? Noi gương ngôn sứ Elijah, người luôn luôn đối đầu với quyền lực trần thế trước những bất công; là người Công Giáo, là mục tử, tôi có phản ứng tích cực trước một chính quyền độc tài, tha hóa, tàn ác, ức hiếp dân lành, phạm thánh, cướp của giết người bất chấp luật lệ không hay tôi cũng yên lặng a tòng vô cảm trước những bất công đau khổ của dân để được lợi lộc và yên thân kiểu cháy nhà hàng xóm bình chân như vại?

 Fleming Island, Florida

August  20, 2020

**NTC**

[[1]](file:///C%3A%5C%5CUsers%5C%5CAdministrator%5C%5CDownloads%5C%5CCN%2021A%20TN-TH%C3%81NH%20PHERO%20GI%E1%BB%AE%20CH%C3%8CA%20KH%C3%93A%20THI%C3%8AN%20%C4%90%C3%80NG.doc%22%20%5Cl%20%22_ftnref1) Caesarea Philippi là một thị trấn nằm ở hướng Bắc  cách  biển Galile chừng 20 dậm, thuộc vùng cai trị của quận công Philip (4BC-34AD), con của Herod đại đế. Ông xây thị trấn Paneas và đặt tên là Caesarea để tôn vinh hoàng đế, và Philippi để phân biệt với hải cảng ở Samaria cũng gọi là Caesarea. Nơi này hiện nay được biết là “Banias”, một biến dạng của chữ “Paneas” ám chỉ thần Pan của Hy Lap. Thời Chúa Giesu việc tôn thờ sắc dục rất thịnh hành trong đền thờ thần Pan tọa lạc ở biên giới  hướng Bắc của Israel và Syria dưới chân núi Hermon. Đây chính là trung tâm sắc dục quá độ, là nơi thờ thần Pan của Hy Lạp. Vì vậy chúa Giesu đòi hỏi các môn đệ phải hiểu rõ ý nghĩa của đấng Thiên Sai. Chính tại đây Phero đã tuyên xưng Chúa Giesu là đầng Thiên Sai cũa một Thiên Chúa thật và duy nhất.

***Bác sĩ Ng Tiến Cảnh, MD.***

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**CHỨC VỊ NỮ HOÀNG CỦA ĐỨC TRINH NỮ MARIA (LỄ NGÀY 22 THÁNG 8)**

Mẹ của một vị vua là một nữ hoàng được tôn vinh trong vương quốc của con mình.



Mẹ Maria vừa là nữ hoàng vừa là mẹ, nhưng Mẹ còn hơn cả nữ hoàng. Địa vị Nữ Hoàng của Mẹ Maria và “quyền làm mẹ”, hay tình mẫu tử, làm bừng lên sự sống cùng một lúc. Ngay trong giây phút làm mẹ trong Lễ Truyền Tin, Mẹ cũng trở thành nữ hoàng. Tổng lãnh thiên thần Gabriel nói với Đức Maria rằng Con của Mẹ sẽ ngồi trên “ngai vàng của tổ tiên mình là Đavít” và “Người sẽ trị vì nhà Giacóp mãi mãi, và vương quyền của Ngài sẽ vô cùng vô tận!" (Luca 1: 32-33). Vì Chúa Giêsu là một vị vua, và vì Ngài được thụ thai trong lòng của Mẹ Maria, và vì ở Ítraen, mẹ của một vị vua luôn luôn là nữ hoàng, (nhưng người con gái của gia đình thì không nhất thiết phải là nữ hoàng), Mẹ Maria trở thành nữ hoàng. Một số văn bản từ những thế kỷ đầu của Giáo hội gọi Đức Maria là “domina”, giống cái của “dominus”, tiếng Latinh có nghĩa là “chủ nhân” hoặc “Đức Chúa”.

Đó không phải là do dòng máu hoàng tộc, mà là do mối quan hệ mẫu tử của Mẹ, điều đó khiến Mẹ Maria trở thành nữ hoàng. Và vì không có gì bị loại trừ khỏi vương quốc của Chúa Kitô Vua, nên Đức Maria là Nữ Vương của vương quốc đó, bao gồm cả trời và đất. Vương quốc này không chiếm được nhờ chinh phục bạo lực hoặc mưu đồ chính trị.

Vương quốc của Chúa Kitô Vua đã giành được là nhờ sự hy sinh bằng máu của chính vị Vua đã chết trên thập tự giá. Những người lính đã không bị giết chết để Đức Kitô có thể bước qua xác của họ trên chiến trường để cai trị trên ngai vàng thế tục một dân tộc bị bại trận. Tất nhiên là không rồi. Đức Kitô đã khiêm nhường cho phép chính Ngài bị sát hại để Ngài có thể sống lại bốn mươi giờ sau đó và lên trời để ngự trị, như một vị vua, ngự bên hữu Đức Chúa Cha. (Các vị vua ngồi. thần dân của họ đứng.) Chúa Giêsu Kitô mang đến cho thế giới một hình thức trị vì mới, đem lại một sự giải nghĩa mới cho câu nói: “Ta đã chiến thắng!”

Đức Maria là nữ vương thiên đàng trong thị kiến mầu nhiệm của Sách Khải Huyền, trong đó xuất hiện “một người Phụ Nữ, mình khoác mặt trời, chân đạp mặt trăng, và đầu đội triều thiên mười hai ngôi sao.” (Khải Huyền 12: 1-3). Biểu tượng phức hợp của vị nữ vương được trao vương miện này bao gồm Đức Maria, Israel và chính Giáo hội. Lễ đăng quang của Đức Maria, Mầu nhiệm Vinh quang lần thứ Năm của chuỗi hạt Mân Côi, không được xác định một cách giáo điều nhưng đã được cử hành theo nghi lễ và được miêu tả trong nghệ thuật từ đầu thời trung cổ. Mô tả cổ xưa nhất về Mẹ Maria với tư cách là nữ hoàng là một bức tranh khảm từ những năm 500 trong một nhà thờ nhỏ ở trung tâm lịch sử của Roma! Nhưng ngày lễ Quyền Nữ Vương của Mẹ chỉ được ghi vào lịch của Giáo hội vào năm 1954. Công đồng Vatican II đã tuyên bố dứt khoát rằng “Đức Maria đã được đưa cả thể xác và linh hồn lên thiên đàng, và được Chúa tôn làm Nữ Vương Hoàn Vũ…” (Hiến chế Lumen Gentium, 59). Sau những cải cách phụng vụ của Công đồng Vatican II, tuần bát nhật Lễ Đức Mẹ Maria Lên Trời đã bị bãi bỏ nhưng vẫn được nhắc lại trong lễ Trinh Nữ Vương của Mẹ, được kính nhớ tám ngày sau ngày 15 tháng 8, cho thấy mối liên hệ giữa hai lễ này.

Các vị vua, nữ hoàng và vương quốc trần gian, hiện diện trong suốt lịch sử tồn tại của nhân loại, về mặt vũ trụ, là những hình ảnh hoặc dấu hiệu của cấu trúc quyền lực đằng sau mọi tạo vật. Nhân loại tự nhiên tổ chức cuộc sống cộng đồng của mình để đảm bảo sự chung sống hòa bình với những người khác, thúc đẩy trật tự và yên tĩnh, và thúc đẩy lợi ích chung bằng cả ngàn cách. Phản ứng thế tục này về việc thiết lập một cấu trúc để cùng nhau quản lý những gì không thể quản lý một mình là phổ biến và luôn bao gồm các nhà lãnh đạo nhất định đại diện cho cộng đồng có tổ chức. Tất cả điều này có một sự tương đương trong tôn giáo. Một tấm màn trướng linh thánh treo phía trên thế giới. Một công trình kiến ​​trúc thần thánh, vượt thời gian, bao trùm tất cả các công trình kiến ​​trúc tạm thời, nhỏ hơn bên dưới. Người đàn ông được xức dầu làm vua, người phụ nữ đăng quang ngôi vị hoàng hậu, trật tự mà họ áp đặt thông qua một quy tắc công bằng trong một chính thể thế tục, chỉ ra một điều gì đó khác hơn nữa — đó là một chính thể linh thánh vừa mang tính cơ bản vừa bao trùm, trong đó Thiên Chúa cai trị các tạo thành của Ngài như một vị vua cha. Trong sự hợp nhất thần học phi thời gian này, người ta cảm nhận được sự hiện diện của nữ giới. Người mẹ nữ hoàng ở đó, cầu bầu với Vua-Con của bà thay mặt cho thần dân của Ngài. Bà phụng thờ cùng với họ nhưng cũng nhận được sự tôn vinh của họ. Những lời ca tụng dành cho Bà được chuyển hướng, giống như một tấm gương, đến Đấng vĩ đại hơn mà Bà là người con gái thánh thiêng, người mẹ thánh thiêng, người phối ngẫu thánh thiêng và nữ hoàng thánh thiêng, là sự sống của chúng ta, sự ngọt ngào của chúng ta và niềm hy vọng của chúng ta.

*Lạy Mẹ Maria, là Nữ Vương Trời Đất, Mẹ đang ngự trong Vương quốc của Con Mẹ, các tín hữu chúng con đang chiến đấu để trung thành và sinh hoa kết quả. Chúng con đang ở dưới sự chăm sóc vương quyền nhưng đầy tình mẫu tử của Mẹ. Xin cho chúng con làm vui lòng cả Vua và Cha chúng con, cũng như làm vui lòng Mẹ, là Nữ hoàng và là Mẹ của chúng con, vì tất cả các bậc cha mẹ đều xứng đáng được con cái mình tôn vinh. Amen.*

<https://mycatholic.life/saints/saints-of-the-liturgical-year/august-22-queenship-of-blessed-virgin-mary/>

**Phêrô Phạm Văn Trung chuyển ngữ.**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

 **TÌNH YÊU KHÔNG BIÊN GIỚI (PHỎNG THEO VIDEO BÀI GIẢNG CỦA HỒNG Y TAGLE)**

*(Chúa nhật 20 thường niên - Is 56:6-7; Rm 11:13-15, 29-32; Mathêu 15:21-28)*

**L.m Jos. Đồng Đăng**

*(phỏng theo Video bài giảng của Hồng Y Tagle)*[***[1]***](file:///C%3A%5CUsers%5CAdministrator%5CDownloads%5CT%C3%8CNH%20Y%C3%8AU%20KH%C3%94NG%20BI%C3%8AN%20GI%E1%BB%9AI.docx#_ftn1)

Kính thưa anh chị em,

Sợi chỉ đỏ xuyên suốt phụng vụ Lời Chúa trong Chúa nhật hôm nay là lòng thương xót của Thiên Chúa dành cho hết thảy mọi người, dù là dân Do Thái hay dân ngoại, miễn sao họ tin vào Chúa, vâng phục và sống theo giáo huấn của Ngài.

**Bài đọc một được trích từ sách tiên tri Isaia**. Chúng ta hãy suy niệm xem làm thế nào mà đức tin của một người ngoại đạo lại có thể chạm đến lòng thương xót của Thiên Chúa. Chúng ta biết rằng, người Do Thái thực sự là dân riêng của Thiên Chúa. Nhiều người Do Thái rất tự tôn và họ xem những ai không thuộc dân Do Thái chỉ là những người ngoài cuộc, những dân ngoại, không được hưởng những ơn lành của Thiên Chúa. Nói cách khác, người Do Thái rất nặng về tính kỳ thị chủng tộc; họ ghét cay ghét đắng những kẻ ngoại và cho kẻ ngoại như là “đồ chó” vì họ tự hào mình là dân riêng, là người có đặc quyền đặc lợi, là dân được hưởng lời chúc phúc của Thiên Chúa.

Điều này có đúng không? Có phải ơn cứu độ chỉ dành cho những người Do Thái là dân riêng của Chúa còn những người ngoại đạo không có cơ hội để liên kết với Chúa, có thể đụng chạm tới trái tim của Chúa. Chúng ta hãy để ý, Chúa đã nhắc nhủ dân Do Thái những gì làm đẹp lòng Chúa. Chúng ta thấy điều này được nhắc đi nhắc lại trong lời ngôn sứ Isaia: “Hãy tuân giữ điều chính trực, thực hành điều công chính” (Is 56,1). Đó là những điều làm đẹp ý Chúa. Nhưng hãy để ý thì ta sẽ thấy dường như Thiên Chúa biết sự công chính, điều chính trực, điều thiện hảo có thể đạt được thậm chí nơi những người không thuộc về dân Do Thái. Họ chính là những người ngoại kiều, là những người không nằm trong ranh giới hay những con số có thể thấy được như dân riêng của Chúa. Và ở bài đọc thứ nhất chúng ta thấy một viễn tượng tuyệt vời về kế hoạch của Thiên Chúa dành cho dân ngoại: “Người ngoại bang nào gắn bó cùng ĐỨC CHÚA để phụng sự Người và yêu mến Thánh Danh, cùng trở nên tôi tớ của Ngài, hết những ai giữ ngày sabát mà không vi phạm, cùng những ai tuân thủ giao ước của Ta, đều được Ta dẫn lên núi thánh và cho hoan hỷ nơi nhà cầu nguyện của Ta. Trên bàn thờ của Ta, Ta sẽ ưng nhận những lễ toàn thiêu và hy lễ chúng dâng, vì nhà của Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện của muôn dân.” (Is 56,6-7).

Họ sẽ được Thiên Chúa đón nhận trong Đền Thánh, trong Nhà của Ngài. Họ sẽ không bị lãng quên trước sự hiện diện của Thiên Chúa trên Núi Thánh và trong Đền Thánh dành cho dân riêng của Ngài. Đó quả thực là một sự quan phòng đầy ghanh tỵ của Thiên Chúa. Nhưng Chúa cũng nói, sự quan phòng này cũng dành cho dân ngoại và những điều thiện hảo, những lễ dâng, những lời cầu nguyện của họ sẽ được Chúa thương chấp nhận. Hãy để ý xem, Thiên Chúa không nhìn đến người dâng tiến lễ vật, Chúa không nói “ồ lễ vật này đến từ người Do Thái nên tự động họ làm đẹp lòng Ta”. Chúa cũng không nói “ồ lễ vật đến từ dân ngoại vì thế Ta chẳng đoái hoài”.   Không! Có điều gì đó xảy ra ở đây. Thiên Chúa vượt lên trên các tiêu chí được kỳ vọng bên ngoài. Bạn có thể là người ngoại đạo, là người bên ngoài nhưng nếu bạn làm đẹp lòng Chúa bạn có thể được vào ngụ trong nhà Chúa.

**Bài đọc hai được trích từ thư của Thánh Phaolô Tông Đồ gửi tín hữu Rôma**. Trong bài đọc này, Thánh Phaolô đã nhấn mạnh dân Do Thái đích thực là dân Thiên Chúa, và theo thánh nhân, đó là món quà mà Chúa không thu hồi; Thiên Chúa không đổi ý. Chúa không nói: “*Ta đã cho ngươi món quà nhưng giờ thì không*”. Không. Thiên Chúa không phải như vậy. Thiên Chúa luôn một mực trung thành và với dân Do Thái Chúa đã coi họ là dân riêng của Ngài. Lời kêu gọi vẫn giữ nguyên; Giao Ước vẫn còn đó, Lề Luật và ân sủng Chúa luôn luôn dành cho dân Do Thái. Và chính điều này đã làm cho Phaolô hơi buồn bởi vì không phải tất cả mọi người dân Do Thái đều đã đón nhận Thiên Chúa là Đấng Mêsia. Ai sẽ là người đón nhận hồng ân nhận ra Chúa Giêsu là Đấng Mêsia? Không phải là dân Do Thái nhưng là những người bị coi là dân ngoại. Đó là lý do tại sao Thánh Phaolô sử dụng lối diễn tả rằng: vì dân Do Thái không vâng phục Thiên Chúa nên những người ngoại đạo, thuộc về dân mới của Thiên Chúa, là dân của Giao Ước Mới. Chân lý này có thể làm cho những người ngoại tự hào và tự xem họ như là những người ở trong cuộc và chúng ta có quyền tự hào vì được biết Chúa chứ không phải như người Do Thái dương dương tự đắc cho mình là dân riêng và rốt cuộc không nhận biết Chúa. Vì thế chúng ta được gọi là người bài xích Do Thái chủ nghĩa (antisemitism); chúng ta là người bài người duy lối sống Do Thái cổ hủ. Chúng ta có quyền tự hào trong Chúa là người mới trong cuộc, là dân mới của Chúa. Còn dân Do Thái chính là những người ở ngoài. Một sự đối nghịch đảo ngược. Những người ở trong trở thành người ở ngoài và ngược lại. Đó là lý do tại sao Thánh Phaolô nhắc nhở dân ngoại rằng: rốt cuộc, những người Do Thái và anh em, những dân ngoại là những người đều đã phạm tội không vâng phục Thiên Chúa; tất cả chúng ta đều có lỗi; tất cả chúng ta đều là tội nhân. Tuy nhiên, nếu chúng ta kíp quay về với Chúa, Thiên Chúa sẽ dủ lòng thương xót chúng ta. Bất luận chúng ta là dân ngoại, là người ngoài cuộc hay là ai đi chăng nữa, thì chúng ta đáng được Chúa yêu thương. Đó là lòng thương xót của Thiên Chúa; lòng thương xót làm cho tôi đáp trả lời mời gọi của đức tin. Vậy, chúng ta hy vọng rằng, lòng trung thành của dân ngoại có thể là một lời chứng, là tin mừng cho người Do Thái. Thiên Chúa là món quà và Thiên Chúa là Đấng xót thương.

**Bài Tin mừng mà chúng ta nghe trong Chúa nhật này là của Thánh Mathêu**. Bài Tin Mừng chúng ta thấy lòng thương xót Chúa được thể hiện một cách rõ nét đành cho người phụ nữ xứ Canaan, là một người dân ngoại. Cô ta là người ngoài cuộc bởi vì cô không phải là người Do Thái. Cô ta đã tuân theo một cách nghiêm ngặt về luật sạch dơ, sự thánh thiện và sự báng bổ. Người phụ nữ này bị xếp vào hạng người ô uế [*là “đồ chó” theo nghĩa ám chỉ dân ngoại – chú thích của người dịch*]. Trong mắt người Do Thái, chị bị coi là ô uế và xấu hổ. Vậy mà chúng ta thấy thái độ của chị thế nào? Chị đã khóc lóc và cầu xin Chúa Giêsu dù cho việc làm của chị có thể làm phiền Chúa Giêsu. Và chúng ta thấy cách phản ứng của Chúa Giêsu thật là kỳ lạ. Trong khi tất cả mọi người chung quanh đều tảng lờ người phụ nữ thì Chúa Giêsu đã chạnh lòng thương và thậm chí các môn đệ còn xin Chúa Giêsu hãy bỏ qua người phụ nữ này, hãy bảo cô ta về cho êm chuyện bởi vì cô ta làm phiền chúng ta quá, chỉ đi theo và kêu la mãi điếc tai. Rồi sau đó, Chúa Giêsu đã nói: “Thầy chỉ được sai đến với những con chiên lạc của nhà Do Thái mà thôi” (Mt 15,24).

Thật vậy, Chúa Giêsu được sai đến với dân được tuyển chọn là dân Do Thái và đặc biệt là đến với những người lầm đường lạc lối của dân Do Thái. Ngài đã không ngoảnh mặt làm ngơ trước lời van nài của người phụ nữ. Trái lại, Ngài động lòng thương, đã nhìn người phụ nữ. Chị ta đã nài xin Chúa Giêsu: “xin dủ lòng thương tôi! Đứa con gái tôi bị quỷ ám khổ sở lắm!” (Mt 15,22). Chị đang ở trong tình trạng vô vọng chợt nhận ra có một người có thể làm điều gì đó cho đứa con yêu quý của chị. Và Chúa đã trả lời: “Không được lấy bánh dành cho con cái mà ném cho lũ chó con” (Mt 15,26). Nói rồi Chúa Giêsu để ý nghe xem người phụ nữ nói gì. Trước hết, người phụ nữ này đã đến bái lạy Chúa hay nói cách khác đến thờ phượng Ngài và thưa rằng: con đồng ý rằng, cha mẹ không nên lấy bánh của con cái mình mà quăng cho lũ chó con. Tôi tin điều đó nhưng mà lũ chó con cũng được ăn những mảnh vụn trên bàn chủ rơi xuống”. (Mt 15,27). Nếu Ngài nhìn con như là chó con cũng không sao. *Con không xin nguyên cả chiếc bánh đâu, chỉ xin những mảnh vụn mà thôi*. Chỉ như thế thôi cũng đủ cho con rồi! Và trái tim của Chúa đã bị tan chảy vì một đức tin mạnh mẽ như vậy. Người phụ nữ này dù là người ngoài cuộc đã gọi Thầy là Chúa, nhìn nhận thân phận của chị. Như vậy chị đã sẵn sàng đón nhận món quà dù là nhỏ nhất. Chị tin rằng đây là người có thể giúp chị và con gái của chị. Dù là người ngoại, chị đã tín thác hoàn toàn vào Chúa. Người phụ nữ này là mô mẫu của đức tin cho tất cả chúng ta.

**Kết**: Như vậy, phụng vụ Lời Chúa hôm nay, nhất là sự kiện Chúa chữa lành bệnh quỷ ám cho con gái người phụ nữ xứ Canaan nhắc nhở chúng ta rằng, mặc dù Thiên Chúa đã chọn dân Do Thái làm dân riêng của Người. Tuy nhiên, qua Chúa Giêsu, lòng nhân hậu và ơn cứu độ của Thiên Chúa luôn tuôn tràn xuống trên tất cả mọi người không trừ một ai. Biên giới của việc phân biệt chủng tộc, sự chia cắt và sự bất công sẽ biến mất. Thiên Chúa đã chọn lựa mọi người và ban dư tràn ơn cứu độ cho họ theo thánh ý không dò của Ngài.

Thưa anh chị em, hãy để cho mọi người trên thế giới nhận ra rằng, từ nơi Chúa Giêsu, chúng ta đừng tỏ lòng khinh bỉ những ai khác biệt chúng ta; họ có thể thể hiện cho chúng ta thấy đức tin chân thật. Điều quan trọng là, mỗi người chúng ta luôn biết tin và vâng phục thánh ý Chúa trong mỗi giây phút của cuộc sống chúng ta, để rồi tình yêu không biến giới của Chúa luôn chạm tới cõi lòng chúng ta và chúng ta có thể trở nên chứng nhân loan báo lòng thương xót của Ngài cho muôn dân.

[[1]](file:///C%3A%5CUsers%5CAdministrator%5CDownloads%5CT%C3%8CNH%20Y%C3%8AU%20KH%C3%94NG%20BI%C3%8AN%20GI%E1%BB%9AI.docx#_ftnref1) Xem  [*https://www.youtube.com/watch?v=EZ5TERdWa3I*](https://www.youtube.com/watch?v=EZ5TERdWa3I)

***Lm. Jos Đồng Đăng***

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**RƯỚC LỄ THIÊNG LIÊNG (THAM DỰ THÁNH LỄ TRỰC TUYẾN)**

Trong thời dịch bệnh kéo dài hơn sáu tháng trời rồi. Hai người già chúng tôi chưa được bước chân đến nhà thờ, vì còn bị nhiều giới hạn về tuổi tác, về phương tiện di chuyển và điều quan trọng nhất là về sức khỏe. Cả hai cùng đầy bịnh trong người nên cũng phải cẩn thận để khỏi làm nặng thêm gánh nặng cho nhà cầm quyền, cho nhà thương, cho y sĩ bác sỉ y công ở bệnh viện v.v…

Chúng tôi chỉ có thể dự lễ trực tuyến. Thời gian đầu con được dự lễ với Đức Thánh Cha vào buổi sáng sớm mỗi ngày, hôm nào ngủ dậy trễ thì đành tìm giờ khác có Thánh Lễ tiếng Việt, khi không có nữa thì dự Thánh Lễ bằng tiếng Đức.

Dự Thánh Lễ trực tuyến thì chúng tôi phải mất nhiều thì giờ hơn, vì phải chuẩn bị tinh thần, đọc trước bài đọc nhất là bài Tin Mừng ngày hôm đó và cứ nhắc đi nhắc lại trong đầu là mình đi dự Thánh Lễ, dù là không trực tiếp với mọi người. Chuẩn bị thể xác, ăn mặc cho đàng hoàng và khi dự lễ luôn luôn phải nhắc nhở trong đầu là mình đang dự lễ chứ không phải xem Tv đâu nhá.

Ấy thế mà khi tham dự Thánh Lễ cũng vẫn bị vấp vào sự lơ là, không giữ được nghiêm chỉnh như khi mình dự Thánh Lễ ở nhà thờ, diện đối diện với cộng đoàn phụng vụ rất là sốt sắng và thân tình với những bà con thân cận, Chúa Nhật nào cũng vui vẻ thân tình gặp nhau nơi Nhà Chúa.

Phần rước lễ thiêng liêng thì thật khó cho tôi cảm nghiệm được thế nào là Chúa ngự trong lòng mình. Cả một thời gian dài tôi cứ thầm thỉ xin ơn Chúa Giêsu cho con cảm nhận được Thánh Thể của Thầy ngự vào tâm hồn con… mà mãi cho đến một hôm Chúa Thánh Thần cho tôi sống lại cái cảm nghiệm „**hãy  để** ***Chúa chiếm lấy mình***“ mà trước đây tôi đã tập cả tháng  trời dòng dã ngày đêm cho đến khi thực hành được thì tôi mới cảm nghiệm cách thiêng liêng tuyệt vời là Thầy Kitô chiếm lấy mình,**( „Hãy để Chúa Kitô chiếm lấy mình“** là tựa đề cuốn sách của linh mục Periguere hướng dẫn cho một nữ tu.)

Khi cảm nghiệm được cách ruóc lễ thiêng liêng như vậy, cái cảm nghiệm Thầy đang ở với mình. Cảm nếm thật ngọt ngào hương vị  được Thầy chiếm cả tâm hồn và thể xác thật thiêng liêng và cảm động biết bao!

Lạy Thầy Giêusu yêu quý của con, con mãi mãi bất toàn mà Thầy vẫn muốn chiếm lấy hồn con để yêu thương con và biến đổi con. Con hạnh phúc khi có Thầy ở cùng con. Con yêu Thầy, yêu Thầy. Amen.

**Elisabeth Nguyễn** (03.8.2020)

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

# CHỮ NÔM VỚI ĐẠO CÔNG GIÁO TỪ THẾ KỶ XVII – XX

Trong quá trình truyền bá đạo Công Giáo ở Việt Nam, các vị thừa sai ngoại quốc ngoài việc phải đối đầu với những chính sách bắt đạo, cấm cách của các vua chúa Việt Nam ở Đàng Trong cũng như Đàng Ngoài, họ còn phải tận dụng nỗ lực tri thức để vượt qua rào cản của văn tự, ngôn ngữ nhằm tìm ra phương thức chuyển tải nội dung của Đức Tin đến với quần chúng trên quê hương chúng ta. Công việc này có nhiều khó khăn nhưng qua đó biểu lộ quyết tâm của các ngài trong nỗ lực truyền bá Tin Mừng theo lý tưởng đã lựa chọn.

Để vượt qua những trở ngại của việc truyền thông giao tiếp và trong khi chữ Quốc ngữ còn trong giai đoạn hình thành, các nhà truyền giáo đã biết vận dụng chữ Nôm là một thứ văn tự sử dụng chữ Hán để ghi lại cách đọc tiếng Việt mà người Việt Nam vẫn còn dùng khá phổ thông trong xã hội bên cạnh chữ Hán trong sinh hoạt văn chương và giao tiếp hằng ngày, qua sự cộng tác của một số thầy giảng am tường Nho học để ghi lại kinh bổn, giáo lý trong các công tác mục vụ.

**1.- Chữ Nôm, một thoáng nhìn lại.**

Chữ Nôm là văn tự ghi lại tiếng nói của người Việt Nam, theo sự biện giải đơn giản của một nhà nghiên cứu, có lẽ do chữ Nam đọc chệch đi, “chữ Nôm” có nghĩa là “chữ của người phương Nam, đối với “chữ Hán” của người phương Bắc, tức Trung Hoa.” (Nguyễn Thị Chân Quỳnh, *Khoa Cử Việt Nam, Thi Hương,* tập thượng, An Tiêm xuất bản, Paris, 2002, tr. 126).

Trong lời giới thiệu cuốn *Đại Tự Điển Chữ Nôm* của cụ Vũ Văn Kính, một tác giả Công Giáo ngoài 80 tuổi ở trong nước, ông Mai Quốc Liên đã viết rằng *“chữ Nôm là một thứ chữ ‘ghi âm’, nhưng ghi qua việc dùng chữ Hán tuy nhìn chung có tính qui luật, nhưng còn biết bao cái ngoài qui luật, biết bao cái biệt lệ, ngẫu nhiên, thay đổi qua từng thời, từng tác phẩm. Nó chưa hề được điển chế hóa, chưa hề được hoàn thiện đến cùng, mặc dù nó được hình thành khá lâu, ít nhất cũng đã có lịch sử mười thế kỷ.”* (Nhà x.b. Văn Nghệ TP. HCM, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 1998, trang 6).

Theo Giáo sư Đoàn Khoách, “*chữ Nôm là loại văn tự xây dựng từ chất liệu chữ Hán, do đó trước khi tìm hiểu cách cấu tạo chữ Nôm, chúng ta thử tìm hiểu sơ qua cách kết cấu chữ Hán mà người xưa gọi là lục thư* 六 書”. (Đoàn Khoách, Đặc san Đại Học Huế, *Vài nét đại cương về chữ Nôm,* 2017, trang 174). Giáo sư Đoàn Khoách cũng cho biết : “*Trong việc cấu tạo chữ Nôm, ngoài việc dùng chữ nghĩa Hán âm Việt (gọi là Hán tự Việt độc hay Việt độc hoặc Hán-Việt) như 家 庭 gia đình hay xã hội 社 會 v.v…, trước đây người Việt thường chỉ mượn ba trong sáu cách của lục thư là Hội ý, Hình thanh, Giả tá. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển biến của lịch sử, do âm đọc chữ Hán của người Việt có sai khác, nên phần ngữ âm lịch sử Việt Nam cũng có một ảnh hưởng nhất định trong việc cấu tạo chữ Nôm.”* (tr. 174-175).

Theo Trần Văn Giáp, trong quyển *Lược khảo vấn đề chữ Nôm* thì “*chữ Nôm là một thứ chữ khối vuông của Việt Nam dùng để phiên âm tiếng Việt, mới xuất hiện trên đất Việt Nam từ cuối đời Hán Minh đế, dưới thời thống trị của Sĩ Nhiếp, thế kỷ thứ II sau công nguyên, do người Việt Nam tự sáng tạo ra.”* (Trần Văn Giáp, Nhà xb Ngày Nay Publishing 2002, tr. 34). Ý kiến của Trần Văn Giáp là dựa vào quan điểm của sư Pháp Tính 法 性 tác giả cuốn *Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa* 指 南 玉 音 解 義 được khắc in vào năm Tân tị thứ 22 triều Lê Cảnh Hưng (1761). Bài tựa sách này có đoạn như sau: “*Từ khi thánh nhân lập ra lối chữ có bộ phận để chỉ nghĩa, chỉ tên gọi cho chính xác, khiến cho người Trung Quốc dễ hiểu, còn các dân tộc khác thì hãy còn khó hiểu. Mãi đến thời Sĩ Vương sang đóng ở nước ta trong khoảng hơn 40 năm, ra sức giáo hóa, giải nghĩa bằng tiếng Nôm để thông hiểu từng đoạn, từng câu, họp lại thành thơ ca quốc ngữ, đề ghi tên gọi, ghép vận làm thành sách Chỉ Nam Phẩm Vựng* 指 南 品 彙 chia ra thượng hạ 2 quyển…” (Đoàn Khoách, *Vài nét đại cương về chữ Nôm, Đặc san Đại Học Huế, Kỷ niệm 60 năm Đại Học Huế (1957-2017),* trang 177).

Dưới thời Tự Đức (1848-1883), Văn Đa cư sĩ Nguyễn Văn Xan 文 多 居 士 阮 文 餐 cũng đề cập niên đại thành lập chữ Nôm trong cuốn *Đại Nam Quốc Ngữ* 大 南 國 語 tựa đề năm Tự Đức thứ 33 (1880) trong có đoạn (dịch): “Nước ta từ đời Sĩ Vương (Sĩ Nhiếp) đã đem dịch tiếng Nam bằng tiếng Bắc (Trung Quốc); trong số tiếng dịch ấy, có nhiều tên còn chưa rõ, như “thư cưu” (chim uyên ương” chẳng biết gọi là chim gì, “dương đào” (cây khế) chẳng biết gọi là cây gì…” (Đoàn Khoách, Bài đã dẫn, tr.178).

Những người chung ý kiến với Trần Văn Giáp có Lê Dư, Nguyễn Đổng Chi.

Các học giả P. Pelliot và L. Cadière cho rằng chữ Nôm được sáng chế từ cuối thế kỷ XIII, dẫn đoạn sau đây trong sách *Hải đông chí lược* 海 東 志 畧 của Ngô Thời Sĩ **吳 時 仕** : “*Ngã quốc văn học đa dụng quốc ngữ tự Thuyên thủy*” (văn học nước ta dùng nhiều quốc ngữ bắt đầu từ ông Thuyên); lại nêu những danh sĩ đồng thời với Nguyễn Thuyên như Nguyễn Sĩ Cố có tập *Quốc Âm thi phú,* Chu Văn An có *Quốc Ngữ thi tập…* để minh chứng những hoạt động văn nghệ nói trên nằm trong phong trào lưu hành thi phú bằng tục ngữ trong thời đại nhà Trần. Từ đó hai ông suy luận rằng chữ Nôm là thứ chữ để biên ký tục ngữ Việt Nam, có lẽ được sang chế từ cuối thế kỷ thứ XIII (trong đời nhà Trần) là một thời kỳ văn học tục ngữ (quốc âm thi) rất phát đạt tại Việt Nam. (Đoàn Khoách, bài đã dẫn, tr. 178). Chữ tục ngữ nói ở đây xin hiểu là tiếng Việt sử dụng hằng ngày. Người ta cũng tương truyền câu chuyện Nguyễn Thuyên, (bắt chước Hàn Dũ năm 819) làm bài thi đuổi cá sấu xuất hiện ở sông Phú-lương (Nhị Hà), sau đó được vua Trần Nhân Tông đổi tên Hàn Thuyên, nhưng theo Trần Văn Giáp trong *Lược truyện các tác gia Việt Nam,* tập I, *bài thơ đuổi cá sấu in trong Tứ Dân Văn Uyển hồi đầu thế kỷ XX nói là của Hàn Thuyên và được một số sách báo in lại, đúng ra là của Phó bảng Nguyễn Can Mộng ngụy tạo để đùa chơi, tiếc rằng lời cải chính in trên một số báo sau đó ít người được đọc nên nhiều người vẫn tưởng là của Hàn Thuyên thực. Song nếu đọc kỹ sẽ thấy toàn bài không có lấy một từ ngữ cổ, thơ cũng không viết theo thể Hàn luật, khó có thể tin là của Hàn Thuyên.”* (Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Sđd, tr. 128).

Theo học giả Nguyễn Văn Tố, chữ Nôm được sử dụng vào thế kỷ VIII là vì Phùng Hưng khởi nghĩa đánh diệt Cao Chính Bình năm 791, chiếm phủ lỵ, được dân chúng tôn là “Bố Cái đại vương” 布 蓋 大 王. Về ý nghĩa chữ Bố Cái, sách *Cương Mục* chua rằng: “Cổ tục hiệu phụ viết Bố, mẫu viết Cái” (theo cổ tục nước ta gọi cha là Bố, mẹ là Cái). Họ Nguyễn lấy đoạn sử ấy như một thực lệ chữ Nôm đã được sử dụng vào thế kỷ VIII và đặt niên đại thượng hạn (terminus ad quem) của chữ Nôm vào cuối thế kỷ thứ VIII. Đào Duy Anh, trong cuốn *Chữ Nôm, nguồn gốc-cấu tạo-diễn biến* đã phản bác ý kiến của Nguyễn Văn Tố khi cho rằng *“ Việt sử lược là sách tóm tắt bộ Sử Ký của Lê Văn Hưu không thấy chép hiệu Bố Cái Đại Vương, mà bia đề đền thờ Phùng Hưng ở xã Cam lâm, huyện Phúc thọ, tỉnh Hà tây dựng năm Quang Thái thứ 3, tức năm 1390 đời Trần Thuận-tôn cũng không thấy chép hiệu ấy. Mãi đến sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ở thời Lê sơ mới thấy chép hiệu Bố cái đại vương. Hiệu nước thời nhà Đinh là Đại cồ việt cũng đến bấy giờ mới thấy chép. Như thế thì cũng chưa có thể tin chắc rằng những chữ nôm bố và cái đã có từ thế kỷ thứ VIII.”* (Đào Duy Anh, *Chữ Nôm, nguồn gốc - cấu tạo - diễn biến,* Nhà xb. Khoa học Xã hội, 1975, trang 42).

Cụ Sở Cuồng Lê Dư cho rằng quốc hiệu Việt Nam ở hai triều Đinh và Tiền Lê là Đại Cồ Việt 大 瞿 越 . Đó là một thí dụ chữ Nôm được sử dụng trong thế kỷ X (Đoàn Khoách, Bài đã dẫn, tr. 179).

Theo ý kiến của Giáo sư Chen Ching Ho 陳 京 和 (Trần Kinh Hòa) với chuyên môn về lịch sử các nước Đông Nam Á, từng đảm trách chức vụ Giáo sư môn Sử học tại các đại học: Đại học Keio, Tokyo, Japan, National University Taipei, Taiwan, Soka University Hachioji, Tokyo, Japan, Korea University, Seoul, Korea, Chinese University of Hong Kong, Southern Illinois University, Carbondale, Illinois, USA, và các đại học Saigon, Dalat, Huế … chữ Nôm được sáng chế sau khi Việt độc thành lập, bắt đầu từ triều đại nhà Lý. (Chingho A. Chen, “*Hình thái và niên đại sáng chế chữ Nôm”,* Đoàn Khoách dịch, Tạp chí *Đại Học*, số 35-36, Viện Đại Học Huế, tháng 10-12 năm 1963).

Khởi nguyên của chữ Nôm theo Giáo sư Chen, phải ở vào giai đoạn sáng chế chữ hình thanh mới là hợp lý và thích đáng. Muốn giải quyết niên đại sáng chế chữ Nôm, theo Giáo sư, phải kiểm thảo hai vấn đề: niên đại hoàn bị của “khải thể” chữ Hán và niên đại Việt ngữ áp dụng Hán ngữ làm ngữ vựng.

Vấn đề thứ nhất, theo kết quả nghiên cứu của Văn Hựu, một học giả Trung Hoa (tác giả bài “*Luận về tổ chức của chữ Nôm*” đăng trong *Yên kinh Học báo*, kỳ 14, bài này đã được nhà học giả Nhật-bản Sơn-bảng Đại-lang giới thiệu trong *Đông-dương Học báo* quyển 22, số 2, năm 1935. Chú thêm của NĐC) thì chữ Nôm dứt khoát không thể xuất hiện vào thời cổ đại. Vấn đề thứ hai, theo kết quả nghiên cứu ngữ âm học lịch sử tiếng Việt của H. Maspéro lại cho biết gần một nửa ngữ vựng trong tiếng Việt là những tiếng mượn của Hán ngữ. Tuy nhiên đại đa số Hán ngữ lại truyền nhập vào Việt ngữ ở một thời đại tương đối muộn và phải qua trung gian của Việt độc (âm Hán-Việt), nghĩa là sau khi có cuộc phân ly chính trị giữa Trung Quốc và Việt Nam, mới được thành lập. Có điều, hai vương triều độc lập đầu tiên của Việt Nam là nhà Đinh (968-980) và nhà Tiền Lê (980-1009) đều bị nội tranh quá nhiều và mau chóng bị lật đổ, nên phải chờ đến nhà Lý (1010-1225) mới xuất hiện một vương triều tương đối lâu bền và ổn định. Sự chỉnh đốn về chế độ văn vật, sự xuất hiện cuộc vận động văn hóa, sự thiết lập chế độ khoa cử đều bắt đầu từ triều đại nhà Lý. Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú cũng khởi bút từ triều Lý. Bởi thế Giáo sư Chen suy luận rằng Việt độc đại khái được thành lập trong thời đại nhà Lý.

Cũng nên thấy thêm rằng hiện nay phần nhiều tiếng mượn của Hán ngữ trong tự vựng Việt ngữ đều thoát thai từ Việt độc. Hiện tượng ấy chứng tỏ rằng những tiếng mượn ấy được truyền vào tự vựng Việt Nam trong thời kỳ Việt Nam độc lập. Điều đáng chú ý nữa là trong quy chế chữ Nôm, các chữ Hán giả tá hoặc hầu hết thanh phù của chữ Nôm đều căn cứ vào Việt độc cả. Do đó mà Giáo sư Chen đoán định niên đại thượng hạn của chữ Nôm là bắt đầu từ triều đại nhà Lý.” (Đoàn Khoách, *Bài đã dẫn,* tr. 181).

Có lẽ ai cũng biết sự khó khăn của chữ Nôm khi muốn hiểu nó thì phải học chữ Hán trước, tuy vậy đến người Hoa cũng không thể viết được hoặc đọc được chữ Nôm. Lẽ dĩ nhiên, biết được chữ Nôm sẽ giúp cho việc hiểu biết thêm trong phạm trù nghiên cứu sử học hay văn học, tôn giáo hoặc các ngành ngôn ngữ học khác.

Trong cuốn “*Lược khảo vấn đề chữ Nôm”*, Trần Văn Giáp (1902-1973) đã viết: “*Chính Ngô Thời Nhiệm, thế kỷ thứ XVIII, đã phải nói trong bài tựa sách tự điển của ông: “*…故 我 國 字 較 難 於 中 國 Cố ngã quốc tự hiệu nan ư Trung Quốc (*Cho nên chữ nước ta so ra khó hơn chữ Trung quốc…” . Đó là những lý do chính khiến cho chữ Nôm không còn có thể thông dụng dễ dàng được. Nhưng, mặc dầu thế, do sự tranh đấu không ngừng của nhân dân, chữ Nôm vẫn đã được sử dụng. Nó đã đồng thời tự phát với sự tiến triển của ngữ ngôn dân tộc và văn học cổ điển Việt Nam. Cho nên, chúng ta không thể không nghiên cứu chữ Nôm một cách sâu rộng để thu tàng lấy vốn cổ quí báu của ta về mọi lãnh vực.”* (Trần Văn Giáp, Sđd, tr. 88)

Trong khi đó Giáo sư Đoàn Khoách lại đã viết: “*Nhưng cái ưu điểm lớn nhất của chữ Nôm là ghi âm được tiếng Việt một cách tương đối trung thực, trong khi chữ quốc ngữ ngày nay chưa xuất hiện. Nhờ thế mà ngày nay người Việt biết được phần nào tình cảm và suy tư của tổ tiên mình. Ngoài ra chữ Nôm có thể phân biệt được tiếng Việt đồng âm dị nghĩa mà thường rất khó phân biệt, ví dụ may rủi với may vá, bụng dạ với vâng dạ, đầy đủ với đu đủ, vợ chồng với chồng chất, v.v… Ưu điểm này thì chữ quốc ngữ hiện nay chưa bì được… Lịch sử chữ Nôm ở Việt Nam đã có gần chín, mười thế kỷ nay, các loại sử liệu bằng chữ Nôm không những có giá trị về phương diện sử học, mà còn có giá trị về nhiều phương diện khác nữa như ngôn ngữ, phong tục, xã hội, kinh tế, triết học, văn học v.v… mà các học giả đời nay cần sưu tầm, khai thác.* (Đoàn Khoách, bđd, tr. 184)

Như vậy, chữ Nôm là nguồn ký thác tình cảm và suy tư của tổ tiên qua trường kỳ lịch sử mà con cháu là chúng ta cần có bổn phận tìm hiểu và quý trọng bảo lưu. Theo cuốn sách của Đào Duy Anh được nhắc ở trên, hiện nay tại Thư viện Khoa học Xã hội Hà Nội còn tàng trữ khoảng 1186 cuốn sách chữ Nôm, đó là một kho tàng văn hóa cần được sử dụng khai thác.

Tiếp đây là ý kiến của một người ngoại quốc nhưng cuộc đời đã cống hiến nhiều cho sự nghiệp văn hóa dân tộc Việt Nam, Giáo sư Chen Ching Ho cũng đã viết rằng: “*Sở dĩ chúng tôi đưa vấn đề chữ Nôm ra thảo luận, là vì chúng tôi muốn nhấn mạnh đến các giá trị các loại sử liệu bằng chữ Nôm về phương diện sử học. Đưa ra một vài nhận thức về nguyên lai và cấu tạo của chữ Nôm, là cốt để tiện việc đọc và giải thích văn Nôm, vì văn Nôm là một di sản văn hóa của Việt Nam.”* (Đoàn Khoách, bđd, tr. 183).

Luận điểm của Giáo sư Chen Ching Ho ở trên khiến chúng tôi nhớ lại một câu vè của người dân Bình Trị Thiên về các cụ Ngô Đình Khả, cụ Nguyễn Hữu Bài về việc “đày vua” và “đào mả”. Các câu vè đó thường viết: “*Phế (đày) vua không Khả, đào mả không Bài”.* Ý muốn nói cụ Ngô Đình Khả phản đối việc người Pháp phế vua Thành Thái, và cụ Nguyễn Hữu Bài phản đối việc khâm sứ Mahé đào mả vua Tự Đức. Trong cuốn *Đại Nam Thực Lục Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên,* do Quốc sử quán Triều Nguyễn biên soạn, câu vè đó được in lại bằng chữ Nôm và chúng tôi đọc thấy là: *“****Bỏ vua không Khả, bới mả không Bài****”* (Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nhà xb. Văn hóa – Văn nghệ, 2012, tr. 779). Chữ *bỏ* viết chữ *bổ* 補 đọc **bỏ,** chữ *bới* (phương ngữ Bình Trị Thiên thường dùng chữ *bới* thay vì chữ *đào*) viết chữ bãi 擺 đọc Nôm là **bới**. Thí dụ vừa nói đây cũng có cơ duyên giúp giới thích đọc sử (nếu biết chữ Nôm) đính chính được câu nói theo đúng nguyên văn của nó.

Trong một bài báo có tên *Những lời thề của Lê-Lợi (văn Nôm đầu thế kỉ 15)* của cụ Hoàng Xuân Hãn, đăng trên Tạp chí Sử Địa, số 1 của Nhóm Giáo sư, Sinh viên Đại Học Sư Phạm (Nguyễn Nhã) Sài gòn, 1966, tác giả cho biết “*nếu quả rằng các bài nôm nầy có tự đời Lê Lợi, và không bị sao lại thất-chân, thì đây là hiện vật độc nhất của Việt-ngữ trước nay già 550 năm.”* (trang 4). Đây là một bài nghiên cứu có giá trị với sự phân tích cẩn trọng của một học giả uyên bác, và cũng là một cống hiến rất quý báu cho giới nghiên cứu văn sử học Việt Nam về chữ Nôm và văn Nôm.

**2.- Chữ Nôm với đạo Công Giáo trong giai đoạn thế kỷ XVII-XX.**

Theo dõi quá trình xuất hiện của chữ Nôm trong lịch sử văn học nước ta như ở trên, chúng ta cũng không lạ gì khi thấy các giáo sĩ người nước ngoài lần đầu tiên khi đến nước ta truyền đạo đã nhìn thấy chữ Nôm như là một lợi khí có sẵn cho các dự tính truyền giáo của mình.

Có một cuốn giáo lý tiên khởi viết bằng chữ Nôm mà nay đã mất, được đề cập tới trong bức thư đề ngày 17-12-1621 của Thừa sai Gaspar Luis ghi lại như sau:

 “*Cuốn giáo lý mà người ta đã biên soạn bằng tiếng Đàng Trong đã giúp ích nhiều lắm bởi vì không những trẻ em học thuộc lòng cuốn giáo lý đó, mà người lớn cũng học. Cho tới đây các giáo hữu chỉ dùng tràng hạt để đeo vào cổ cho người ta thấy mình là người có đạo. Nay họ dùng tràng hạt để đọc kinh…”* (Trương Bá Cần, *Lịch* *sử phát triển Công Giáo ở Việt Nam,* Tập I *Thời kỳ khai phá và hình thành [Từ khởi thủy cho tới cuối thế kỷ XVIII],* Nhà x.b. Tôn Giáo, Hà Nội, 2008, trang 42.)

Nhận thức sự quan trọng trong việc dạy cho các bổn đạo tân tòng học giáo lý cho nên “*các thừa sai Dòng Tên, vì thế, chỉ mấy năm sau khi tới Đàng Trong, đã cho soạn thảo ngay một cuốn giáo lý bằng tiếng Việt ‘không những cho trẻ em học thuộc lòng mà còn cho người lớn học nữa. Trong cuốn giáo lý này không những chỉ có những điều cần biết về đạo, mà còn có những kinh để đọc. Khi nói về lợi ích của “Cuốn giáo lý bằng tiếng Đàng Trong” này, trong báo cáo ngày 17/12/1621, Linh mục Gaspar Luis viết: “Cho tới nay các giáo hữu trong khu vực này chỉ dùng tràng hạt đeo cổ để chứng tỏ mình là người Công Giáo; nay người ta dùng để đọc (nhờ các kinh trong cuốn sách nói trên.”*

Nói thêm về cuốn giáo lý này, tác giả Trương Bá Cần viết: “*Cuốn giáo lý nói trên đây chắc chắn được viết bằng chữ Nôm là chữ phổ biến lúc bấy giờ. Vào thời điểm (trước 1621) này, không biết là chữ Quốc ngữ đã hình thành đủ để viết một cuốn giáo lý hay chưa; nếu có thì cũng chỉ chép một ít bản cho các thừa sai nước ngoài sử dụng mà thôi. Cho tới nay, chưa ai tìm thấy dấu vết của những cuốn giáo lý đó. Một cuốn giáo lý mà trẻ em có thể học thuộc lòng được chắc chắn không phải là đồ sộ và đầy đủ như cuốn giáo lý của Linh mục Rhodes xuất bản ở Rôma năm 1651.”* (Trương Bá Cần, Sách đã dẫn, trang 185).

Như vậy cuốn sách giáo lý bằng chữ Nôm này xuất hiện năm 1621 do công sức của Linh Mục Buzomi và Francisco de Pina đã tới Hội an năm 1616, góp công soạn thảo cùng với các vị khác cho đến năm 1621, đặc biệt là công của một vài người trong giới thượng lưu đã gia nhập đạo và những vị này là những hạt nhân sơ khởi cho tiến trình hình thành chế độ “thầy giảng” trong giai đoạn về sau.

Nhắc đến cuốn giáo lý chữ Nôm này, Linh Mục Đỗ Quang Chính trong bài viết *“Lòng nhiệt thành của bổn đạo Việt Nam”* cho biết tháng 4-1627, cha Đắc Lộ giảng đạo ở vùng An Vực và Vân Nô, tả và hữu ngạn sông Mã, Thanh Hóa, rửa tội cho 200 người tân tòng trong số có một vị sãi 85 tuổi thông thạo chữ Hán, giỏi Nôm, rất đạo đức và rộng rãi. Ngài thường xuyên nhờ Cụ chép kinh sách và Cha Đỗ Quang Chính cho biết có lẽ đây là sách kinh bằng chữ Nôm do cha F.de Pina soạn ở Hội An khoảng 1620-1625? (Dũng Lạc. Net, 12/31/2006).

Nói chung, đối với những người thuộc tầng lớp quý tộc Việt Nam như thuộc gia đình vua chúa, quan chức đều là những người có trình độ học thức cao nên việc sử dụng chữ Nôm để trình bày tư tưởng, diễn đạt tâm tình không phải là điều khó khăn hay trở ngại gì cả. Linh mục Nguyễn Khắc Xuyên cũng kể lại một câu chuyện liên quan đến Cha Đắc Lộ như sau: “*Vào năm 1627, khi ngài vào đất Bắc được* *bốn tháng*,  *có một bà thuộc hoàng tộc, “chị chúa Trịnh Tráng” gia nhập Ki-tô-giáo, giáo sĩ Đắc Lộ đặt tên là Catarina. Bà này thông thạo văn chương thi phú. Bởi đó bà đã viết một tập thơ, kể lại lịch sử cứu rỗi, từ tạo thiên lập địa cho tới Chúa thăng-thiên (Lịch sử miền Bắc, tr. 164) và còn thêm một đoạn vịnh cuộc truyền giáo tại Việt Nam…”* (Nguyễn Khắc Xuyên, *Quan điểm thần học trong “Phép giảng tám ngày” của Giáo sĩ Đắc-lộ,* Tạp chí Đại Học, Số 1, Năm thứ tư, Tháng 2 – 1961, tr. 55). Đây có lẽ là tập thơ Nôm đầu tiên mang tính tôn giáo do một nữ sĩ viết. Tiếc thay tên tuổi người nữ sĩ này không được để lại trong kho tàng văn học Công Giáo Việt Nam.

Trong cuốn sách *Người chứng thứ nhất,* nhà văn Phạm Đình Khiêm đã có viết “*bà Công chúa Ca-ta-ri-na, em chúa Trịnh Tráng, là một nữ thi sĩ, soạn quyển tiểu sử Chúa Giê-su bằng thơ nôm” (Rhodes, Histoire du royaume de Tonkin, tr. 26.)* (Phạm Đình Khiêm, Tinh Việt Văn Đoàn, 1959, trang 76).

Giáo sư Trần Văn Toàn đã viết về các linh mục thừa sai như sau: “*Các giáo sĩ Tây phương thì ngay thế kỷ XVI đã học tiếng Việt để nói với người dân. Girolamo Maiorica đã cộng tác với người Việt mới theo đạo để soạn sách vở bằng chữ Nôm cho người mình đọc.”* (Trần Văn Toàn, *Đạo trung tùy bút*, Nhà x.b. Tôn Giáo, 2008, trang 28).

Nói đến Girolamo Maiorica, Linh mục Thanh Lãng cho biết tuy không viết sách bằng chữ quốc ngữ nhưng ông đã đứng ra biên tập một tủ sách tôn giáo gồm hơn bốn chục cuốn viết bằng chữ Nôm thời gian từ 1631-1645. Girolamo Maiorica là người Ý sinh tại Napoli, gia nhập Dòng Tên năm 1605, đến năm 1619 được sai sang Goa để truyền đạo và ở đó cho đến cuối năm 1623, ông rời Goa qua Macao, rồi đến Việt Nam, có lẽ ở tại hải cảng Hội an và ở đó 5 năm. Năm 1629 ông bị trục xuất nhưng đã rất thông thạo tiếng Việt Nam. Năm 1631, ông lại theo một tàu Bồ đào nha mà vào Bắc Kỳ và sống ở Bắc Kỳ khá lâu. G. Schurhammer cho biết Maiorica chết ngày 27.1.1656. Trong thời gian theo học ở nước ngoài, LM Thanh Lãng đã chụp ảnh được 12 tác phẩm do công Maiorica biên tập tại Thư viện Quốc gia Pháp. (Thanh Lãng, *Những chặng đường của chữ viết quốc ngữ,* Tạp chí *Đại Học*, số 1, Tháng 2, 1961, trang 10.)

Các sách của Majorica thì một số còn được lưu giữ ở Thư viện Quốc gia Paris với 14 nhan đề. Theo tài liệu của Dòng Tên thì Majorica đã biên soạn 48 cuốn sách đủ loại. Nhưng những cuốn sách này là do Majorica biên soạn và viết thẳng chữ Nôm hay ông đã đọc cho các giáo hữu thông Nho và giỏi Nôm chép lại? (Trương Bá Cần, *Lịch sử phát triển Công Giáo ở Việt Nam,* Tập I *Thời kỳ khai phá và hình thành [Từ khởi thủy cho tới cuối thế kỷ XVIII],* Nhà x.b. Tôn Giáo Hà Nội, 2008, trang 1860). Tác giả Trương Bá Cần cho biết các sách chữ Nôm của nhóm Majorica, tại Thư viện quốc gia Pháp, đã được Linh mục Nguyễn Hưng lần lượt cho nhân bản kèm theo bản đọc chữ quốc ngữ trong tủ sách “lưu hành nội bộ”. (Trương Bá Cần, Sách đã dẫn, trang 185).

Trong tiểu mục “Chữ Nôm là gì”, tác giả Thái Gia Kỳ, trong cuốn sách “ *Chữ Hán, Tiếng Hán Việt và sự vận dụng tiếng Hán Việt trong tiếng Việt”* (Philadelphia, 2018) của ông, có đề cập đến một dòng về chữ Nôm sử dụng trong Công Giáo Việt Nam: “*Ngay cả đạo Công giáo, cũng đã có tác phẩm Sấm truyền ca của Ly Y Đoan viết năm 1670, dùng trong việc truyền giáo.”* (trang 122). Đoạn văn này cho một ý niệm rất khái quát thiết tưởng cần phải triển khai thêm.

Nội dung của câu văn trên đây mang lại cho chúng tôi một số ý niệm đó là ba chữ “sấm truyền ca” và tên Ly Y Đoan. Người công giáo Việt Nam cách nay cả trăm năm thường hay dùng cụm từ “Sấm truyền mới” và “Sấm truyền cũ” để chỉ hai cuốn sách Cựu Ước (Old Testament) và Tân Ước (New Testament) cũng gọi là sách Phúc Âm (hay bây giờ là Tin Mừng). (Trần Văn Toàn, *Đạo trung tùy bút*, Nhà xb. Tôn Giáo, 2008, tr. 147). Còn tên Ly Y Đoan vốn là tên Lữ-Y Đoan mà ông Thái Gia Kỳ viết sai, là Louis Đoán, một thầy giảng cao tuổi đã được Đức Giám Mục Lambert ở Đàng Trong phong chức linh mục năm 1676. (Trương Bá Cần, *Lịch sử phát triển Công Giáo ở Việt Nam,* Tập I, Nhà xb. Tôn Giáo Hà Nội 2008, tr. 233). Giới nghiên cứu văn học Công Giáo trong nước đã nói rõ về Lữ Y Đoan trong một cuốn sách có tên *Về sách báo của tác giả Công Giáo (Thế Kỷ XVII – XIX)* do Trường Đại Học Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, Khoa Ngữ Văn, 1993.

Trong bài “Đôi lời giới thiệu” Về một số sách cũ do người Công Giáo viết ra từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, Giáo Sư Nguyễn Văn Trung viết: *“Sấm truyền ca” của Thầy cả Lữ Y Đoan (1670) nguyên tác là bản nôm hiện nay thất lạc, chỉ còn bản quốc ngữ. Theo chúng tôi đây là một tác phẩm có ý nghĩa lớn vì tác phẩm phản ánh một nỗ lực Việt Nam hóa (Tam giáo, võ thuật Việt Nam, văn hóa dân gian, v.v…) để diễn tả Kinh Thánh. Có thể bản văn đã được sửa đổi qua các thời đại nên bản hiện có làm người đọc nghĩ đến những truyện nôm nổi tiếng thế kỷ XVIII, XIX.”* (trang 3).

Đức Giám Mục Lambert đã lần lượt phong chức : -năm 1668 cho hai linh mục Giuse Trang và Luca Bền; -năm 1672 cho linh mục Manuel Bổn; - năm 1676 cho Linh mục Louis Đoán hay Lữ Y Đoan. Bốn linh mục người Việt này nguyên là thầy giảng của các thừa sai Đòng Tên.

Trong lãnh vực tôn giáo, chữ Nôm được các giáo sĩ ngoại quốc khi đến nước ta truyền đạo, nỗ lực học và sử dụng để biên tập các sách giáo lý, các kinh bổn đọc trong thánh đường và trong gia đình, họ đạo hằng ngày. Chữ Nôm của đạo Công Giáo có một lịch sử dài lâu từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XX, với rất nhiều công trình nghiên cứu, biên tập kinh sách, tư liệu còn để lại hàng trăm cuốn trong thư viện của Hội Thừa Sai Paris ở Pháp (Mission Étrangère de Paris), trong số đó có khoảng 20 cuốn sách viết bằng chữ Nôm do Giáo sĩ Girolamo Maiorica, người Ý, chủ trương biên tập từ đầu thế kỷ XVII (Tạp chí *Đại Học*, số 1, tháng 2/1961, tr. 5; Trần Văn Toàn, *Đạo trung tùy bút,* Nhà xb. Tôn giáo, 2008, tr. 188). Có tư liệu nói số sách này nhiều hơn (khoảng 48 cuốn) mà một số còn lưu giữ tại Thư viện Quốc gia Paris (Trương Bá Cần, *Lịch sử phát triển Công Giáo ở Việt Nam,* Nhà xb. Tôn Giáo Hà Nội, 2004, tr. 185).

Ngày nay người ta cũng biết đến tên tuổi rất nhiều các vị giám mục, linh mục ngoại quốc hay bản xứ, các thầy giảng, các vị túc nho Công giáo đã để lại rất nhiều tác phẩm viết bằng chữ Nôm, ví dụ Giám Mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) viết *Thánh Giáo Yếu Lý Quốc Ngữ,* bản chữ Nôm được in tại Quảng Đông năm 1774, Giám Mục Taberd biên soạn cuốn *Tự vị Hán-Việt-Latinh* hơn 900 trang (tàng trữ tại văn khố Hội Thừa Sai Nước Ngoài tại Paris) có sự cộng tác của Thánh Linh mục Phan Văn Minh. Trong cuốn tự vị này, theo Giáo sư Trần Văn Toàn, nếu bỏ phần tiếng Latinh ra, thì cũng còn quan trọng vì vừa dùng chữ quốc ngữ vừa dùng chữ Nôm. Chữ quốc ngữ thì ghi được một cách khá chính xác cách phát âm, còn chữ Nôm thì tuy không ghi được cách phát âm, nhưng cũng là kết tinh của mấy thế kỷ ông cha chúng ta cố gắng để tự lập về văn hóa đối với người Hán tộc. (Trần Văn Toàn, Sách đã dẫn, tr. 190).

Trong quyển *Hoa trái ở Phương Đông, Alexandre de Rhodes (1593-1660) và công cuộc truyền giáo thời kỳ đầu của Dòng Tên tại Việt Nam* viết bằng tiếng Đức, linh mục Dòng Tên Klaus Schatz viết rằng: “*Chữ Nôm phát triển kể từ thế kỷ XV, sau khi Việt Nam hoàn toàn thoát khỏi sự thuộc Trung Hoa. Khởi đầu các nhà truyền giáo cũng dùng chữ Nôm cụ thể vào năm 1620 ở Hội An, để soạn sách giáo lý, nhưng sách* *này đã không được in và đã bị thất lạc.”* (Phạm Hồng Lam dịch, Nhà xb. Đông Phương, 2015, tr. 210). Cuốn sách giáo lý này có lẽ là công trình của cha Francisco de Pina, người Bồ Đào Nha, khi làm việc ở giáo điểm Dinh Chiêm (Quảng Nam).

Theo Linh mục Nguyễn Hồng trong quyển *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, “Chúng ta còn phải kể nhất là những cuốn sách bằng tiếng Việt mà các cha viết cho giáo dân và cho các thày giảng. Đó là những cuốn sách đầu tiên trong tủ sách văn chương công giáo Việt Nam. Ngoài cuốn* ***sách bổn*** *của cha Đắc Lộ viết bằng chữ quốc ngữ, in ở Roma, còn các cuốn khác bằng chữ nôm, thứ chữ thịnh hành của thời đó. Hoặc đầu tiên các thừa sai thảo bằng chữ quốc ngữ để các thày giảng viết ra chữ nôm, hoặc đọc cho các thày viết, mà ta có thể đoán đó là trường hợp cha Buzomi và De Pina cho ra đời cuốn sách về đạo lý công giáo đầu tiên bằng tiếng Việt ở Nước Mặn, Qui Nhơn, hay trường hợp cha Đắc Lộ viết cuốn Ngắm 15 sự thương khó Đức Chúa Giêsu… Hoặc do chính thừa sai viết bằng chữ nôm, như những cuốn của cha Majorica, nhưng chắc chắn cha cũng được sự cộng tác của các thày giảng.”* (Quyển I, Nhà xb. Hiện Tại, 1959, tr. 294).

Theo giáo sư Trần Văn Toàn “*chữ Nôm khó học thì họ (các giáo sĩ Âu châu) chịu khó học, chứ không dám coi thường, càng không dám cho là mách qué, như các nho sĩ chỉ biết chịu phục có người Hoa. Họ thực biết tôn trọng vốn liếng chữ Nôm của ta, cũng như họ đề cao kho tàng Hòa văn (chữ viết của người Nhật). Khi viết sách vở cho người Việt về những điều rất tôn nghiêm như tôn giáo, họ đã dùng ngay chữ Nôm (như trong các tác phẩm của Girolama Maiorica, và người công giáo tiếp tục viết, in và dùng sách chữ Nôm cho đến giữa thế kỷ XX.”* (Trần Văn Toàn, Sách đã dẫn, tr. 204).

Trong quá trình sử dụng chữ Nôm, một số danh từ trong công giáo được chuyển âm từ tiếng La tinh hay Bồ đào nha, thí dụ “câu-rút” từ chữ *crux* nay được chuyển thành *thánh giá,* chữ evangelium thành chữ *phúc-âm,* chữ Spiritus Sanctus đổi ra *thánh thần* do sự đóng góp của Cố linh mục Nguyễn Văn Thích ở Huế (Đoàn Khoách biên tập, *Sảng Đình Thi Tập của J.M. THÍCH,* Thanh Tịnh xuất bản, California, 2001, trang335), hoặc các chữ bispo (tiếng Bồ) ra chữ vít-vồ (rồi giám mục) chữ Nôm thì dùng hai chữ Hán “viết vô” 曰 無 nhưng phải đọc “vít vồ”, hoặc “pha-pha” (vị giáo tông ở Rôma, cũng gọi là Giáo hoàng, La-tinh và Bồ gọi là “papa”.

Trong những năm 40, 50 của thế kỷ trước, giáo xứ Tam Tòa của tôi ở Đồng Hới, Quảng Bình, các kinh sách đọc trong các dịp lễ lớn như Kinh Lễ Đèn trong Tuần Thánh, Kinh Đàng Thánh Giá v.v… đều viết bằng chữ Nôm do các cụ chức việc lớn tuổi trong làng phụ trách phần “than, gẫm”. Dĩ nhiên các cụ cũng biết đọc chữ quốc ngữ, nhưng quen với kinh sách viết bằng chữ Nôm nhiều hơn.

Cụ Trần Văn Giáp trong phần kết luận của cuốn *Lược khảo vấn đề chữ Nôm,* có đề nghị làm một cuốn tự điển chữ Nôm nhưng theo cụ thì phải loại trừ những phần chữ Nôm chua sẵn trong các tự điển Quốc ngữ La-tinh như của Génibrel, của Tabert hay của Paulus Huỳnh Tịnh Của vì chính đấy là chữ Nôm của các giáo sĩ Tây phương; đấy không phải là “*những chữ Nôm của nhân dân đã dùng*”… còn  *“những chữ Nôm của nhân dân ta lựa lọc mà viết ra thì thực đúng quá”.* (Trần Văn Giáp, Sách đã dẫn, trang 89).

Để trả lời quan điểm đầy tính chất kỳ thị tôn giáo dù rằng trong lãnh vực văn chương của cụ Trần Văn Giáp, Giáo sư Trần Văn Toàn viết rằng: “*Lại có học* giả c*ho rằng chữ Nôm do người công giáo viết không phải là chữ Nôm đích thực. Xin thưa hai điều: một là phải có cơ quan nào, như Hàn lâm viện hay là do nhà cầm quyền chính* *thức ấn định trước đã thì mới nói được cái gì là đích thực; hai là: trừ một số chữ mới ra thì người công giáo dùng chữ Nôm như người đương thời, cho nên nếu phải loại trừ tất cả những chữ do họ dùng, thì cũng phải loại hầu hết thi văn chữ Nôm trong văn chương Việt Nam.”* (Trần Văn Toàn, Sách đã dẫn, tr. 207).

Chữ Nôm trong các kinh sách của người Công Giáo đều là do các vị thừa sai có căn bản về các kiến thức ngôn ngữ học, cùng sự cộng tác của các vị thầy giảng người Việt cũng vốn là những bậc túc nho giỏi chữ Hán, thông thạo chữ Nôm (họ cũng là thuộc hàng ngũ “nhân dân” một trăm phần trăm đấy chứ có thuộc dòng máu lai nào đâu), thì sao gọi “chữ nôm do người Công Giáo viết không phải là chữ nôm đích thực”? Chính các ông nhà nho trong phong trào Văn Thân, khi viết bài hịch “bình Tây sát Tả”, chính các tác giả bài hịch đó là tú tài Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ Tĩnh vốn là những người khinh chữ nôm, coi chữ nôm là “nôm na mách qué” ngay cả đến việc nghiên cứu, tìm hiểu về một tôn giáo họ cũng chưa từng nghĩ tới, không hề để tâm, cho nên trong bài hịch Văn Thân của họ mới có những câu như: “*Cầu nguyện thì xưng Trời, xưng Thánh, thật là đui điếc ngu si; Giảng rao thì vô phụ vô quân, đúng là loài dê loài chó.”* “Vô phụ”, “vô quân” theo Trần Tấn, Đặng Như Mai đó là người Công Giáo không hề biếtđến vua, đến cha, nhưng đó thật là sai lầm vì người Công Giáo cách đây bốn thế kỷ cho đến bây giờ vẫn luôn tôn trọng nhà cầm quyền ngoài xã hội và thờ kính cha mẹ trong vòng đạo hiếu gia đình. (Trần Văn Toàn, Sđd, tr. 102, *Một vài nhận xét về thuyết ‘tam phụ”*).

Quá trình hình thành của chữ Nôm được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố một là được viết theo thói quen, hoặc là trong khung cảnh của địa phương và dĩ nhiên trong lãnh vực tôn giáo chữ Nôm cũng được hình thành hay kiện toàn do ý thức tâm linh và giáo lý nữa.

Giáo Sư Trần Văn Toàn, trong cuốn *Đạo trung tùy bút* đã được dẫn chứng nói trên đã đưa ra một thí dụ thật hay. Ông viết: “*Trong sách Thánh giáo yếu lý quốc ngữ, do Đức Cha Bá Đa Lộc (Pierre Pigneau de Béhaine)soạn, thì bản Nôm viết chữ* ***rỗi*** *bằng cách chắp nối chữ* ***lỗi*** *磊 (ba chữ thạch) với bộ khẩu 口 ở bên tả. Nhưng điều làm cho tôi rất lấy làm thán phục là trong cuốn sách nôm Phép Dòng chị em mến câu rút Đức Chúa Giêsu, do Đức Cha Phước (Paul Puginier) cho khắc in năm 1869, thì chữ* ***rỗi*** *được viết bằng cách ghép chữ* ***lỗi*** *磊 ở bên hữu để chỉ cách đọc, và chữ sinh 生 ở bên tả để chỉ nghĩa là sống. Nếu cách viết dùng bộ khẩu không có gì là thần tình, thì cách viết dùng chữ* ***sinh*** *bên tả mới thật là đúng tinh thần đạo Chúa Cứu Thế. Không biết vị cao minh nào đã có sáng kiến dùng chữ* ***sinh*** *thay chữ* ***khẩu*** *như thế, vừa hợp với giáo lý, vừa đúng với thần học: được rỗi cũng có nghĩa là được sống! Cùng một chữ* ***rỗi*** *mà vừa nói lên được cái ước vọng thanh nhàn, lại vừa nói lên cái ước vọng được sống mãi mãi! Cách viết chữ Nôm biết sử dụng lối hội ý như thế thật là thâm thúy, chữ quốc ngữ viết theo mẫu tự La-tinh không sao sánh được.”*  (Trần Văn Toàn, Sđd, trang 122).

Trong tự điển *Giúp đọc Nôm và Hán Việt* của Linh mục Trần Văn Kiện hay sách *Đại Tự Điển chữ Nôm* của Vũ Văn Kính cũng có trưng một số cách viết chữ **rỗi** là dùng chữ lỗi *磊* làm yếu tố hài thanh chính, và có khidùng bộ mã 馬, khi dùng bộ tâm忄 hay bộ thủy氵hoặc bộ khẩu口 là tùy theo từng trường hợp. Nhưng qua sự phân tích chữ **rỗi** kể như một thí dụ dưới con mắt của một nhà nghiên cứu tôn giáo như GS Trần Văn Toàn, chúng ta có dịp đánh giá lại giá trị của chữ Nôm, thấm thía được ý nghĩa của một loại văn tự trong kho tàng văn hóa dân tộc và cũng nhờ đó nhận ra được tinh thần cố thấu đạt tới chân lý trong lãnh vực tôn giáo của tiền nhân trước đây.

**Nguyễn Đức Cung**

Philadelphia, Mùa Lễ Độc Lập Hoa Kỳ, July 4-5/ 2020

 [**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

 **CHUYỆN MỖI TUẦN – CHUYỆN VỀ MỘT TÂM TÌNH : “ XIN ĐẤNG TẠO HÓA KHAI SINH RA HAI CON MỘT LẦN NỮA VỚI NGUYÊN VẸN HÌNH HÀI.”**

Đấy là lời tâm tình của vị Bác Sĩ Giám Đốc Bệnh Viện Nhi Đồng Sài-sòn – người trực tiếp thực hiện ca phẫu thuật cho hai bé song sinh Trúc Nhi và Diệu Nhi:

*Hai con mới hơn một tuổi thôi! Tuổi thơ của các con sao lại không phải ở trong nhà, trong công viên, trong vườn thú như các bạn của con, mà lại là kim tiêm và những cuộc dao kéo như là bệnh viện, hả con ? Cha mẹ đã gần kiệt quệ về tài chánh khi rong ruổi theo hai con suốt hơn một năm nay. Ông bà già yếu cũng chỉ góp nhặt vài đồng lương hưu hỗ trợ. Do không có thu nhập, hai vợ chồng đành đi mượn người thân quen ít vốn mở shop Giày online, mới mở được hai tháng thì lại phải tạm đóng cửa để tiếp tục chăm lo cho hai bé tới ngày quyết định.*

*Bao bỡ ngỡ, thăng trầm đã đủ mùi nếm trải, hôm nay chúng tôi lại đứng trước một thách đố trí não của Tạo Hóa. Và sáng nay, các bác sĩ sẽ xin phép Đấng Tạo Hóa để khai sinh ra hai con một lần nữa với nguyên vẹn hình hài. Tâm nguyện của chúng tôi là trả lại cho hai bé một cuộc đời lành lặn như bao trẻ khác.*

*Trải qua bao lần hội chẩn không đếm nổi…để ngày hôm nay đi đến quyết định thực hiện công việc này. Một trường hợp hiếm hoi, với thành công không phải là nhiều trong y văn.*

*Xin hãy cầu chúc cho đội ngũ 100 người chúng tôi vượt qua cuộc đọ sức trí tuệ vào cả ngày hôm nay.”*

Ngày hôm ấy chính là ngày 15/7/2020…

Ca phẫu thuật bắt đầu các thủ tục từ lúc 5g45…và hai bé lần lượt được đưa ra khỏi phòng mổ lúc 18g40 : bé Trúc Nhi ra trước và sau năm phút là bé Diệu Nhi…

Hai bé là con đầu lòng của anh chị Hoàng Anh, 32 tuổi và Trần Thị Hồng Thúy, 25 tuổi…

Ở tuần thai thứ 14…thì các y bác sĩ đã cho anh chị biết về tình trạng song thai và những rủi ro lớn có thể xảy ra…

Và đến tuần tuổi thứ 22…thì đã khá rõ về song thai trong bụng mẹ, đồng thời cũng có ý kiến tham vấn chuyên môn về đề nghị bỏ thai nhi, nhưng cả hai anh chị - dù tuổi còn rất trẻ - vẫn quyết tâm giữ con lại…Họ là những tín hữu Công Giáo có đức tin…

Sáng ngày 7/6/2019, hai bé “song thai dính vùng bụng chậu” được mổ sinh an toàn tại Bệnh Viện Hùng Vương…Hai bé đã được các y bác sĩ Bệnh Viện Nhi Đồng Sài-gòn đưa về bệnh viện để tiếp tục theo dõi, điều trị và nuôi dưỡng với một chế độ đặc biệt, chuẩn bị kỹ cho cuộc mổ tách rời…

Trước khi vào phòng mổ tách rời, người mẹ tốt lành đã cầm tay hai con ghi dấu Thánh Giá trên người như một sự tín thác tuyệt vời vào Thiên Chúa Tình Yêu…

Và – trên màn ảnh TV – tất cả chúng ta đều đã chứng kiến sự khỏe khoắn, tươi tắn của hai thiên thần bé nhỏ : Trúc Nhi và Diệu Nhi…sau mấy ngày mổ tách…

Điều khiến người viết suy đi gẫm lại là câu tâm tình của vị Bác Sĩ Giám Đốc Bệnh Viện Nhi với thuật ngữ : *Bao bỡ ngỡ, thăng trầm đã đủ mùi nếm trải, hôm nay chúng tôi lại đang đứng trước****một thách đố trí não của Tạo Hóa.***

Ban Biên Tập trang CongGiaoVietNam.net vừa thông báo thực hiện các YouTube về việc học Thánh Kinh…và – bài I – với câu hỏi “Adam & Eva có thật hay không?” – ngưởi phụ trách là Dì Cảnh Tuyết, OP…

<https://www.youtube.com/channel/UC-_JbEf01ge7ZlRTC9PIjpw>

**Nhấp chuột vào đây để đăng ký nhận video mới:** 

 Trong phần trình bày, người phụ trách đã đưa ra hai từ giúp hiểu được vấn đề nêu lên, đấy là : - exact (chính xác), và – vrai (thật)…

Nghĩa là nếu hiểu chuyện Adam & Eva như một bản tin khoa học đòi sự chính xác của khoa học…thì không phải, nhưng nếu hiểu sứ điệp Thiên Chúa Tạo Hóa muốn chuyển đến cho con người qua hình ảnh tạo dựng Adam & Eva…thì đấy là một sứ điệp mang chứa sự thật : sự thât về thân phận mong manh, mỏng dòn của con người từ bụi đất và sự thật về huyền nhiệm cao cả của con người mong manh, mỏng dòn ấy…với ***“sinh khí”*** được *“thổi vào lỗ mũi”*…để trở nên “một sinh vật” – và là sinh vật được quyền *“đặt tên cho mọi súc vật, mọi chim trời và mọi dã thú”* ( St 2 , 20)…

Cho nên khi ê-kíp 100 y bác sĩ vào ca mổ tách rời của hai bé Trúc Nhi và Diệu Nhi…thì đúng là họ đứng trước ***một thách đố trí não của Tạo Hóa…*** Và chắc chắn là khi trở lại thăm các cháu, chứng kiến nét tươi vui trên gương mặt của các cháu, mọi người – đặc biệt ê-kíp mổ - hẳn là sẽ thấy lòng mình tràn ngập một niềm vui khác thường…và mang tính linh thiêng – niềm vui của những thụ tạo được dựng nên với ý chí – lý trí – tình yêu – sáng tạo – và tự do…Bản thân người viết xin tạ ơn Đấng Tạo Hóa về “thách đố trí não” ấy, bởi vì – với Người – đầu óc và suy nghĩ của con người đã trải nghiệm và đủ sức để điều chỉnh những sai lệch của thân phận do ngàn lẻ một những nguyên nhân…như vấn đề môi trường, vấn đề an toàn thực phẩm, vấn đề thuốc giả…Con người – mong manh thân phận bụi đất – nhưng lại được phú bẩm những khả năng khôn lường để có thể thực hiện những “kỳ tích” …

Và kỳ tích nhiều khi lại đến từ một điều kỳ diệu khó tưởng tượng, đấy là trường hợp của một sản phụ có một vết rách khoảng 10 cm trong tử cung được chính đứa con còn trong lòng mình giúp để chữa lành cho mình…Câu chuyện xảy ra cho một sản phụ người Pháp tại bệnh viện Jeanne de Flandre, thành phố Lille, miền Bắc nước Pháp…Thai nhi lúc đó đã ở tuần tuổi thứ 36…và người mẹ thấy đau bụng dữ dội…Các bác sĩ chẩn đoán và cho biết tình trạng không phải do chuyển dạ…Cuối cùng thì họ tìm thấy vết rách ấy…đồng thời cũng hiểu rằng vết rách có thể sẽ đưa đến những biến chứng nghiêm trọng cho cả mẹ lẫn con…Tuy nhiên một điều lạ là  tình trạng vỡ thành tử cung sẽ đưa đến những cơn đau bụng dữ dội, huyết áp giảm, co thắt yếu và suy thai…Nhưng ở đây…thì không thấy những dấu hiệu ấy…và cơn đau bụng cũng không còn…Thì ra – không biết bằng cách nào đó – thai nhi đã quay lưng lại và bít vết rách, ngăn không cho xuất hiện các biến chứng nguy hiểm, vỡ nước ối, chảy máu vết thương và vết rách cũng không bị hở thêm…Một kỳ tích của Tình Yêu vốn là bản năng của con người mỏng manh thân phận, nhưng cao cả trong huyền nhiệm nhân linh…Cả hai mẹ con đã được mổ sinh an toàn…

*Lòng nhân hậu và tình thương Chúa*

*ấp ủ tôi suốt cả cuộc đời,*

*và tôi được ở Đền NGƯỜI*

*những ngày tháng, những năm dài triền miên.*– Tv 23 (22) , 6

**Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**CÁC BÍ TÍCH THÀNH SỰ HAY HỮU HIỆU VÌ YẾU TỐ NÀO?**

Xin cha giải đáp  các thắc mắc sau đây:

1- Linh mục bất xứng làm lễ có thành hay không?

2- Có cần cầu nguyện cho các thai nhi, và các linh hồn mồ côi  không?

3- Có được chứng hôn, hay tham dự tiệc cưới của các cặp hôn nhân đồng tính hay không?

Trả lời**:**

**1-** **Thế nào  là linh mục bất xứng ?**

Tôi  không hiểu rõ ý của người hỏi về câu này. Chắc muốn nói đến  linh mục nào không tôn trọng kỷ luật độc thân của Giáo Hội ?  hay sách nhiểu tình dục trẻ em? (Sexual abuses of children)? hay không có chức linh mục mà dám làm lễ  và  giải tội?

Nhưng dù câu hỏi là thế nào, thì cũng xin được  giải thích  rõ thêm  như sau :

Trước hết, dựa vào ý nghĩa của  cụm từ  Latinh  **Ex opere  Operato**áp dụng vào việc cử hành các  bí tích (sacramental celebrations) thì bí tích thành sự  hay hữu hiệu (validly) vì được cử hành đúng theo Nghi thức bí tich (Sacramental Rites) và làm  theo ý của Giáo Hội,  chứ không thành sự vì phẩm chất  hay xứng đáng ( worthiness) của thừa tác viên cử hành ( minister)

Nghĩa là, khi cử hành bất cứ bí tích nào, như  rửa tội, thêm sức, Thánh Thể, hòa giải, sức dầu bệnh nhân .v.v Thừa tác viên con người như linh mục và Giám mục  phải cử hành nhân danh Chúa Kitô (**in persona Christi)** chứ không nhân danh cá nhân mình bao giờ. Như thế, chính Chúa Kitô rửa tội, thêm sức, cử hành Thánh lễ Tạ Ơn ( Eucharist), giải tội và sức dầu .. qua tay thừa tác viên con người. Vì thế ,bí tích thành sự vì chính Chúa Kitô cử hành chứ không phải là linh mục hay giám mục cử hành..

**Đây là nền tảng thần học của Giáo Hội về việc cử hành các bí tích** .

**T**uy nhiên, dù nhân danh Chúa Kitô ,  thừa tác viên  vẫn phải theo đúng nghi thức mà Giáo Hội đã qui định. Thí dụ, bí tích rửa tội chỉ thành sự khi thừa tác viên dùng nước và công thức Chúa Ba Ngôi ( Trinitarian format). Không có nước để đổ trên đầu hay trên trán trẻ em hay người lớn  và đọc  đúng công thức trên thì bí tích sẽ  không thành sự dù thừa tác viên là Phó tế, Linh mục hay  giám mục

Cũng vậy, nếu không có chức linh mục thực sự thì không thể cử hành thành sự các bí tích Thánh Thể, Hòa giải, Thêm sức  và Xức dầu bệnh nhân. Phải nói lại điều này vì  nghe đồn có người kia đã giả danh linh mục để cử hành thánh lễ cho một Công Đoàn VN và giải tội trong nhiều năm cho đến khi bị phát giác và bỏ trốn!

Trở lại với câu hỏi đặt ra, thì xin trả lời là cho dù bất xứng đến đâu theo nhãn quan của người đời, linh mục đã được chịu chức thành sự,  vẫn cử hành thành sự các bí tích khi áp dụng đúng Nghi thức bí tích và Phụng vụ của Giáo Hội. Nếu linh mục “ bất xứng “ hiểu theo cách suy diễn của giáo dân, thí dụ đang sống chung hay giao du thân mật với phụ nữ,   ăn cắp tiền của giáo xứ, cờ bạc, làm gương xấu… thì khi cử hành bí tích nhất là bí tích Thánh Thể,  sẽ  mắc thêm tội “ **phạm thánh = Sacrilege**” vi phạm giáo luât số 916 cấm không được làm lễ (linh mục ) và rước lễ (giáo dân) những ai đang có tội trọng. Tuy nhiên bí tích vẫn thành sự như đã nói ở trên, vì linh mục cử hành nhân danh Chúa Kitô chứ không danh danh cá nhân mình.

 Như vậy, giáo dân cứ an tâm đi xưng tội hay tham dự Thánh lễ do các linh mục cử hành, cho dù biết linh mục nào “bất xứng” theo nhãn quan con người.

Vị nào thật sự “bất xứng” thì  đã có Chúa phán xét không sai lầm. Chúng ta chỉ nên cầu nguyện cho các linh mục , đặc biệt cho linh mục nào bị coi là “bất  xứng” theo phán đoán của dư luận mà thôi, chứ không nên rỉ tai nhau để làm xấu, mất danh dự cho nạn nhân.

**2-** **Có nên cầu nguyện cho các thai nhi, và các linh hồn mồ côi  hay không?**

Chắc câu hỏi này liên quan đến các bào thai bị giết trong bụng mẹ tức là bị phá thai (abortion) như thực trạng đang xảy ra ở khắp nơi trên thế giới hiện nay.. Đây là một tội ác, một trọng tội xúc phạm nặng nề đến Thiên Chúa là nguồn mạch của mọi sự sống của  con người và vạn vật trong vũ trụ hữu hình này.

Nhưng tiếc thay, không những ở các quốc gia vô thần, mà ngay ở các quốc gia có truyền thống Kitô Giáo lâu đời như Pháp ,Ý, Đức, Tây Ban Nha, Canada và nhất là ở Hoa kỳ, việc phá  thái đã được công khai cho phép, khiến hàng triệu thai nhi đã bị giết ở Mỹ mỗi năm. Đây là một sỉ nhục cho niềm tin Kitô Giáo mà đa số người Mỹ vẫn tự nhận mình là Christians, là tín đồ của các giáo phái Tin lành,  Chính Thống và Công Giáo La Mã, nhưng có rất nhiều phụ nữ  đã phá thai hay phụ giúp vào việc này.

Liên quan đến các bào thai bị giết khi còn đang phát triển trong lòng mẹ, chúng ta  phải tin chắc rằng các bào thai này hoàn toàn vô tội vì chưa được sinh ra mà đã bị giết nên,  không thể được rửa tội để được tha hậu quả của tội nguyên tổ (original sin). Còn tội cá nhân, thì chúng chưa được sinh ra nên cũng  không  thể có tội cá nhân được. Vì thế , chúng ta không cần phải cầu nguyện cho chúng vì chúng hòan toàn vô tội,  và xứng đáng được Chúa nhân lành đón nhận vào Nước Hằng Sống.  Các bào thai này thực đáng thương vì bị tước mất quyền sống bởi  chính cha mẹ và xã hội vô luân ,vô  tín ngưỡng.

Như vậy, có cầu  xin thì phải cầu cho những ai  đã  hay  sắp  phá thai hoặc  giúp cho việc phá thai được thành tựu, để họ nhận biết tính chất nghiêm trọng  của việc sai trái này  mà từ bỏ cũng như ăn năn sám hối vì vô tình hay cố ý phạm tội sát nhân này.

Mặc khác, liên quan đến việc cầu nguyện cho các linh hồn “**mồ côi”,** như thực hành ở các giáo xứ Việt Nam,  xin trả lời một lần nữa như sau:

Khi nói linh hồn **mồ côi** có nghĩa là linh hồn không có ai cầu nguyện cho, sau khi qua đời.

Những thực tế hoàn toàn không phải vậy, vì trong mỗi Thánh Lễ , Giáo Hội đều cầu trước tiên  cho **linh hồn các tín hữu đã ly trần, dù không có ai xin lễ cầu riêng cho.**.Sau đó mới cầu cho linh hồn các bậc tổ tiên và thân bằng quyến thuộc. Nếu có ai xin lễ, thì có thêm lời nguyện cho linh hồn đó.  Nhưng dù không có ai xin lễ , thì Giáo Hội vẫn cầu cho các  tín hữu đã ly trần, như ta nghe  đọc thấy trong các Kinh Nguyện Thánh Thể (Tạ Ơn) của mọi Thánh Lễ.

Như vậy làm gì có linh hồn nào bị coi là “**mồ côi**”, hiểu theo nghĩa là không có thân nhân cầu cho, khiến phải xin lễ cầu riêng  cho họ ?.

Nhưng nếu vì bác ái,  muốn cứu các inh hồn trong nơi Luyện Tội, thì cứ xin lễ cầu chung cho họ, nhưng không thể coi linh hồn nào là “mồ côi”khiến phải cầu riêng cho họ như giáo dân Việt Nam vẫn quen làm ở các giáo xứ. Các cha xứ cũng cần giải thich thêm cho giáo dân biết để cầu nguyện cho đúng cách.

Tóm lại, không có lý do gì phải xin lễ cầu xin cho các thai nhi bị giết trong các vụ phá thai cả, vì các thai nhi này hoàn toàn vô tội trước mặt Chúa của lòng thương xót vô biên.Và cũng không có linh hồn nào  là “mồ côi” khiến phải xin lễ cầu riêng cho họ vì lý do đã  nói ở trên.

**3-** **Có  được phép chứng hôn, hay tham dự tiệc cưới của các cặp hôn nhân đồng tính không** ?

Đây là một vấn đề đang gây nhức nhối cho những ai biết tôn trọng và bảo vệ truyền thống hôn nhân giữa một người nam và một người nữ. Đây không những là truyền thống tốt đẹp của mọi nền văn hóa nhân loại từ xưa đến nay,  mà trên hết,   còn là một định chế linh thiêng ( sacred institution) được chính Thiên Chúa thiết lập từ đầu khi  tạo dựng con người có nam có nữ. Và  Adam và Eva  là cắp hôn phối đầu tiên Thiên Chúa đã se kết và  truyền cho họ **“hãy** **sinh  sôi nảy** **nở  cho thật nhiều , cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất**.**”** ( St  1:  28)

Nghĩa là hôn nhân chỉ được thành lập giữa một người nam và một người nữ cho mục đích “**sinh sôi nẩy nở**”  như Thiên Chúa đã truyền cho Adam và Eva.

Nhưng đáng buồn thay là một số quốc gia trên thế giới- đặc biệt là Hoa Kỳ- người ta đang muốn định nghĩa lại hôn nhân để cho phép các người đồng tính ( gay & lesbian) kết hôn như những người bình thường khác. Giáo Hội không lên án hay chỉ trích những người có khuynh hướng bất thường về phái tính (Abnormally  sexual tendency), nhưng chắc chắn không thể công nhận hôn nhân của những người này  được vì trái tự nhiên( unnatural)  và vô luân (immoral).

Giáo luật số 1096, triệt 1 qui định rằng: **“**  **Để có sự ưng thuận kết hôn, điều cần thiết là hai người kết hôn phải biết ít ra rằng hôn nhân là đời sống chung vinh viễn giữa người nam và người nữ, nhằm đến việc sinh sản con cái bằng** **việc giao hợp sinh lý cách nào đó.”**

Giáo lý của Giáo Hội cũng dạy rằng: **“Giao ước hôn nhân nhờ đó một người nam và một người nữ làm thành một cộng đoàn cho cả cuộc đời , tự bản chất nó hướng tới lợi ích của những người phối ngẫu  cũng như hướng tới việc sinh sản và giáo dục con cái . Giao ước này đã được Chúa Kitô nâng lên hàng bí tích giữa những người đã nhận lãnh phép Rửa tội**.**”** (SGLGHCG ,số 1601)

Như thế không thể có hôn nhân giữa hai người nam hay hai người nữ được  vì không có luật nào của Giáo Hội cho phép việc này. Chắc chắn như vậy.

Mặc  dù các xã hội “ bệnh hoạn và mỵ dân” đã công nhận hôn nhân của những người đồng tính, nhưng những cặp hôn nhân này  không thể xin hợp thức hóa hôn nhân của họ trong Giáo Hội Công Giáo được vì những lý do  nêu trên. Tuy chưa có giáo luật mới ngăn cấm việc này, nhưng để bảo toàn định chế hôn nhân  mà Thiên Chúa đã thiết lập từ đầu và được Chúa Kitô nâng lên hàng bí tích, thì trong thực hành mọi linh mục cũng phải  hiểu rằng Giáo Hội sẽ không  bao giờ nhượng bộ  trào lưu tục hóa của thế giới mà cộng nhân hôn nhân đồng tính,  vì việc này đi ngược lại mục đích của hôn nhân như giáo lý và giáo luật hiện hành của Giáo Hội qui định.

Sau hết, nếu không thể chứng hôn cho các cặp hôn nhân đồng tính ( same sex marriage ) thì người Công Giáo cũng không nên tham dự tiệc cưới của một cặp hôn nhân đồng tính nào, vì tham dự như vậy sẽ có nghĩa là công nhân việc kết hôn của họ là hợp pháp trong Giáo Hội.

Ước mong những giải đáp trên đây thỏa mãn những câu hỏi được đặt ra.

**Lm. Ngô Tôn Huấn, Doctor of Ministry**

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**THÁNH THẦN, HƠI THỞ SỐNG ĐỘNG CỦA GIÁO HỘI: Những định hướng mục vụ**

**THÁNH THẦN,**

**HƠI THỞ SỐNG ĐỘNG**

**CỦA GIÁO HỘI**

Quyển hai

Các Tài Liệu ở Malines

**Gs. Nguyễn Đăng Trúc chuyển dịch ra Việt ngữ**

### Chương V

**Những định hướng mục vụ**

Vì không thể nào khảo cứu hết tất cả các khía cạnh mục vụ của Canh tân, chúng tôi chỉ đề cập đến một vài vấn đề cá biệt mà thôi. Chúng tôi ý thức rõ tính cách tạm thời của những định hướng liên quan đến Canh tân dựa trên những lối sinh hoạt của nó từ bấy lâu nay. Chúng tôi không hề có ý định dứt khoát đóng khung Canh tân trong hình thức hiện nay, và cũng không muốn tiên liệu những mẫu mực phát triển tương lai, vì những điều mới mẻ có thể nảy sinh bất cứ lúc nào dưới tác động của Thánh Thần.[[3]](#footnote-3)

Phong trào nầy muốn sinh hoạt trong Giáo hội và thuộc về Giáo hội, nên mong rằng càng ngày các thành viên càng lớn lên trong Đức Kitô, và những yếu tố đoàn sủng càng đi vào toàn bộ cuộc sống Kitô giáo một cách uy dũng và đầy hiệu năng. Mong họ càng ngày càng trở nên ‘kitô hữu’ hơn, và càng ít đậm nét ‘người thuộc phái ngũ-tuần’ hoặc ‘thuộc nhóm đoàn sủng’.[[4]](#footnote-4)

Kinh nghiệm cho thấy rằng sự sinh hoạt trưởng thành hội nhập hoàn toàn vào cuộc sống Giáo hội thường đòi hỏi phải qua một giai đoạn sơ khởi nơi hình thức sinh hoạt của ‘các nhóm’. Trung tâm chính của sinh hoạt các nhóm ấy là Canh tân đoàn sủng. Dẫu không chủ trương cho rằng các đoàn sủng chỉ thể hiện trong các nhóm cầu nguyện đoàn sủng, ta cũng có thể phân biệt được thế nào là những ‘nhóm cầu nguyện tự phát’ và thế nào là những nhóm nằm trong đường hướng Canh tân đoàn sủng.

1. **Cơ cấu và tổ chức**

Mặc dầu cần phải có tổ chức và cơ cấu tối thiểu, ta phải nhìn sinh hoạt hiện nay như một sự canh tân trong Thánh Thần, hoặc rõ hơn đó là một sự canh tân về cuộc sống từ phép rửa (bí tích rửa tội, thêm sức, Thánh Thể), chứ không phải ưu tiên là ‘một phong trào có tổ chức’. Thật thế, các cơ cấu điều hành nơi Canh tân tương ứng với những công tác phục vụ chứ không phải là một tổ chức phẩm trật. Nên việc điều hành trong các cơ cấu nầy không mang một đặc tính pháp lý nào cả. Dường như người ta thích duy trì những cơ cấu cấp quốc gia và quốc tế một cách nhẹ nhàng, linh động; mục đích chính là phát huy sự hiểu biết rộng rãi hơn về những gì ‘xảy đến’ trong Giáo hội.

Một trong những lối phát triển quan trọng hơn cả của Canh tân công giáo là việc đào sâu ý nghĩa cuộc sống cộng đoàn. Lối phát triển sinh hoạt hướng đến cộng đoàn như thế mang nhiều hình thái khác nhau: các hiệp hội trao đổi tin tức, các nhóm cầu nguyện, các cộng đoàn sống chung. Qua những cách biểu lộ về đặc tính cộng đoàn, Canh tân cho thấy cuộc sống trong Đức Kitô nhờ Chúa Thánh Thần không phải chỉ có tính cách riêng tư và cá nhân. Trong những cộng đoàn nầy, người ta có được những cách thế để học hỏi, tương trợ, cầu nguyện chung, trao đổi ý kiến, cũng như ước mong hướng đến một cộng đoàn rộng lớn hơn. Canh tân chứng kiến nhiều hình thức cơ cấu cộng đoàn phát sinh. Và cũng hân hoan về sự phát triển của những ‘cộng đoàn sống chung’ (nghĩa là những nhóm mà các người trong gia đình liên kết với cộng đoàn và với cuộc sống cộng đoàn ấy qua một lối gia nhập có tính cách đặc biệt), nhưng nhiều người trong Canh tân nhìn nhận rằng quá gấp xây dựng cộng đoàn sống chung như thế có thể gây nên những điều tai hại.[[5]](#footnote-5) Lối sống mà một cộng đoàn như thế đòi hỏi không nhất thiết phải là lý tưởng cho tất cả các nhóm đoàn sủng phải noi theo.

Qua những hình thái sinh hoạt rất đa biệt, trong vị thế và ơn gọi riêng, Canh tân đóng góp phần mình vào sức sống phong phú của Giáo hội: sự kiện đó bình thường. Và việc đào tạo về mặt đức tin cho những người muốn gia nhập vào phong trào, cũng như việc xây dựng những cơ cấu hoặc lề lối tổ chức cấp quốc gia hoặc miền một cách linh động theo nhu cầu của mỗi hoàn cảnh, tất cả những điều ấy là những việc làm chính đáng.

Các thành phần trong Canh tân phải tuân phục các chủ chăn của mình như bao nhiêu người công giáo khác, và cũng có tự do ý kiến và quyền lên tiếng nói với Giáo hội trong tinh thần ngôn sứ. Họ gắn chặt với các cơ cấu Giáo hội khi các cơ cấu nầy biểu thị thực tại của Giáo hội về mặt thần học, nhưng họ hoàn toàn tự do đốùi với những khía cạnh thuần xã hội của các cơ cấu nầy.

1. **Chiều kích đại kết**

Canh tân đoàn sủng mang chiều kích đại kết ngay tự nơi bản chất của mình. Nhiều người tin lành tân-ngũ tuần và nhiều người thuộc phái ngũ tuầøn cổ điển có những cảm nghiệm tương tư,ï và vì thế họp lại với người công giáo để làm chứng về những gì Chúa đã thực hiện giữa họ. Canh tân công giáo hân hoan về những gì Thánh Thần thực hiện bên trong các Giáo hội khác. Công đồàng Vaticanô II kêu gọi người công giáo: *“ đừng quên rằng tất cả những gì Chúa Thánh Thần thực hiện nơi những người anh em ly khai của chúng ta đều có thể góp phần xây dựng chúng ta”* (Unitatis Redintegratio, 4).

Chúng tôi không nêu lên những đánh giá hay nhận định về các nền văn hóa của các giáo hội khác, nhưng chúng tôi chân nhận rằng mỗi Giáo hội đang cố gắng thực hiện canh tân trong đường hướng và theo phương cách của lịch sử cá biệt của mình. Sự kiện đó cũng tương tự đối với người công giáo.

Cần suy xét và cẩn trọng để tránh việc dập tắt những gì mà Thánh Thần đang làm trong các Giáo hội nhằm đưa kitô hữu gần lại với nhau. Cũng cần cẩn trọng và suy xét để chiều kích đại kết của Canh tân không trở thành nguyên cớ gây chia rẽ và vấp ngã. Cảm thức nhạy bén trước những nhu cầu và quan điểm của các tín đồ các giáo hội khác hoàn toàn ăn khớp với sự trung tín của người công giáo hoặc tin lành đối với giáo lý của Giáo hội mình. Trong các nhóm đại kết cần thỏa thuận với nhau về phương cách bảo vệ sự hiệp nhất huynh đệ mà không làm hại đến sự chân chính về đức tin của mỗi thành viên. Sự thuận nhận như thế được thực hiện trong một tinh thần đại kết và phải được đưa vào chương trình đào tạo tất cả những ai muốn tham gia vào sinh hoạt của một nhóm cầu nguyện.

1. **Tác động đoàn sủng của Thánh Thần**

Bên trong canh tân, có hai lối nhìn về bản chất của các đoàn sủng.

Có người cho rằng các đoàn sủng ban cho các ngôn sứ (nói tiên tri, nói tiếng lạ, chữa lành bịnh) là những ơn lạ, nghĩa là những người hưởng được ơn nầy có được một khả năng mà trước đó họ không có. Quan điểm nầy nhấn mạnh đến việc Thiên Chúa ban cho cộng đoàn Kitô giáo những khả năng thuộc ‘một trật tự khác’, những khả năng mà không cộng đoàn nào có được. Những ‘năng lực’ nầy không phải chỉ là việc chuyển hướng và thăng hoa các khả năng tự nhiên thành siêu nhiên. Theo lối nhìn nầy, Thiên Chúa quyết định hành động một cách mới trong cộng đoàn và thực hiện ra bên ngoài một lối can thiệp như vượt lên trên lịch sử thông thường. Và họ cho rằng tác động nầy của Thiên Chúa nơi cộng đoàn phải được xem như ‘phép lạ’. Vì thế họ đề cao tính cách mới mẻ của các đoàn sủng và nét khác lạ của các đoàn sủng so với các khả năng tự nhiên được ân sủng thăng hoa.

Những người khác, trong đó có nhiều nhà thần học và chú giải Thánh Kinh, thì cho rằng các đoàn sủng là ‘một chiều kích’ mới của cuộc sống cộng đoàn do Thánh Thần tác động. Điều mới mẻ ở đây là Thánh Thần linh hoạt - một cách khác thường nhiều hay ít tùy sự kiện – một khả năng vốn thuộc về bản tính sẵn có của con người. Trong nhãn quan đó, việc nói các tiếng lạ, tài tiên tri tự căn và thiết yếu không khác với những tác động tương tự thấy được trong các nền văn hóa không phải là kitô-giáo. Sự khác biệt đôi bên - cũng như sự khác biệt giữa đoàn sủng và các ơn tự nhiên – là do nơi cách thế [[6]](#footnote-6) và mục đích của chúng. Đoàn sủng siêu nhiên không phải chỉ vì mục đích của chúng là phục vụ Nước Chúa, nhưng vì chúng được sức mạnh Chúa Thánh Thần tác động. Ở đây, các nhà thần học trong Canh tân muốn lưu ý đến sự nguy hiểm nơi việc đề cao quá mức tính cách siêu nhiên và lạ lùng của các đoàn sủng làm như mỗi lần ơn Thánh Thần thể hiện thì phải được xem là phép lạ. Họ cũng nhấn mạnh đến tình trạng còn hồ đồ, chập chờn, bất chừng của mọi sinh hoạt con người, nhất là những sinh hoạt nhân danh tôn giáo.

Ngoài ra, mọi người trong hai phía đều cảnh giác chống lại quan điểm giản lược các ơn của Thánh Thần, chỉ xem các ơn nầy như những biểu lộ thuần tâm lý hoặc chỉ có tác dụng nào đó có tính cách thuần xã hội học. Mặc dầu đoàn sủng liên hệ với những khả năng thuộc bản tính có sẵn của con người, nhưng không bao giờ đoàn sủng là tài năng riêng của bất cứ ai, vì nó là một ơn ích và là một sự thể hiện của Thánh Thần (1Cr 12, 7). Chúa Thánh Thần tự do phân phối ơn của Ngài và tác động do quyền năng của Ngài. Nên những người chấp nhận lối giải thích của phần lớn các nhà thần học và chú giải Thánh Kinh lại không chống bác sự kiện trong quá khứ có những lúc Thiên Chúa can thiệp tức khắc vào lịch sử; và họ cũng giả thiết rằng sự kiện như thế có thể xảy ra trong hiện tại và trong tương lai.

1. **Ơn nói tiếng lạ**

Tác năng thiết yếu của đoàn sủng nói tiếng lạ là cầu nguyện. Đặc biệt nó liên hệ mật thiết với lời cầu nguyện ca tụng Chúa : *“...mọi người, người đảo Krê-ta cũng như người Á-rập, chúng tôi nghe họ tán tụng những kỳ công của Thiên Chúa bằng tiếng nói của chúng ta”* (Cv 2, 11). *“Ơn Chúa Thánh Thần cũng đã đổ tràn cho những người bên lương; thật vậy, họ nghe những người ấy nói tiếng lạ và tán tụng Thiên Chúa”* (Cv 10, 45-46).

Đoàn sủng nầy lại cũng là đoàn sủng gây nhiều mối nghi ngại nơi những người không ở trong Canh tân. Kỳ thực họ đã nhấn mạnh quá mức về tầm quan trọng của ơn ấy, trong lúc phần lớn các nhóm đoàn sủng không có tâm tình như thế. Những người trong Canh tân nhấn mạnh rằng đoàn sủng nầy thật sự có nói đến trong Kinh Thánh và thường xảy ra trong một số các cộng đoàn thời Tân Ước. Các bản văn của thánh Phaolô và sách Tông Đồ Công Vụ đã chứng thực sự hiện hữu nầy, nhưng ơn nói tiếng lạ không được các bản Phúc Aâm nói đến, ngoại trừ nơi phần cuối Phúc Aâm Marcô; nhưng câu nầy tuy là qui điển, nhưng có lẽ không phải là của Marcô *: “Và đây là những dấu lạ sẽ đi theo những ai tin : ... họ sẽ nói các tiếng lạ.”* (Mc 16,17). Ơn nầy, đơn sơ nhưng mang lại thiện ích cho một số người về mặt thiêng liêng, nhưng không phải là cái gì thiết yếu của sứ điệp Phúc Aâm.

Ta khó mà thẩm định đúng mức tầm quan trọng của đoàn sủng nói tiếng lạ nếu ta tách ơn nầy ra khỏi bối cảnh của cầu nguyện. ‘Nói tiếng lạ’ giúp cho ai áp dụng để cầu nguyệïn có thể đạt đến mức độ thâm sâu hơn. Phải hiểu ơn nầy như một sự thể hiện của Thánh Thần trong ơn cầu nguyện. Nếu một số người mến chuộng ơn nầy, chẳng qua vì họ mong ước được cầu nguyện sốt sắng hơn. Và đó là điều mà đoàn sủng nầy có thể đem lại cho họ. Tác năng của ơn nầy đặc biệt thể hiện nơi lối cầu nguyện riêng.

Khả năng cầu nguyện một cách tiền-nhận thức, không nhằm đạt đến mục tiêu gì, lại có một giá trị to lớn cho cuộc sống thiêng liêng: nó giúp diễn tả bằng một lối tiền-nhận thức, điều mà người ta không diễn tả được bằng các ý niệm thông thường. Lối cầu nguyện bằng tiếng lạ giúp trí khôn [[7]](#footnote-7) khai triển một khả năng mà ngay trẻ em cũng thực hiện được. Người tín hữu tự do cầu nguyện dưới tác động Chúa Thánh Thần không cần đến các lối diễn tả bằng các ý niệm nhận thức. Đây là một lối cầu nguyện trong những lối cầu nguyện khác nhau. Nhưng lối cầu nguyện bằng các tiếng lạ làm lay động toàn thể con người và linh hoạt cuộc sống tình cảm, nhưng không gây nên kích xúc bịnh hoạn.

Ơn nầy càng ngày càng trở nên quen thuộc trong Giáo hội ngày nay. Vì thế có nhiều nhà chuyên môn muốn tập chú nghiên cứu về mặt chú giải từ Kinh Thánh cũng như về mặt khoa học. Chẳng hạn cần truy cứu nghiêm chỉnh xem ơn nói tiếng lạ, trong một vài trường hợp, được diễn tả bằng một thứ ngôn ngữ được người ta sử dụng hay không. Nhưng phải nhớ là điều thiết yếu nơi Canh tân không phải nằm nơi ơn nói tiếng lạ. Và Canh tân công giáo lại không xếp ơn nầy nhất thiết liên hệ với các thực tế siêu nhiên mà chúng ta nhận được trong các bí tích khai tâm.

Hẳn nhiên Canh tân đoàn sủng không nhằm thúc đẩy tất cả mọi kitô hữu cầu nguyện bằng tiếng lạ. Nhưng mong mọi người lưu ý về toàn bộ các ơn của Thánh Thần – và các tín hữu các Giáo hội địa phương đại độ và sẵn sàng đón nhận các ơn ấy. Các ơn ấy thuộc về cuộc sống bình thường, hằng ngày của Giáo hội địa phương, và không nên xem đấy là những ơn biệt loại hoặc khác thường.

**5. Ơn tiên tri**

Trong Cựu Ước, Thánh Thần rõ ràng được người ta liên kết với ơn tiên tri đến độ khi một vị tiên tri chết thì người ta nghĩ rằng Thánh Thần đã bỏ mặc Israel.[[8]](#footnote-8) Theo lời tiên tri của Giôen, thời cứu độ sẽ bắt đầu khi Chúa đổ tràn Thánh Thần xuống cho nhân loại : *« Các người hãy nói điều nầy cho con cái các người ; con cái các người hãy nói điều đó cho con cái chúng, vá con cái của chúng cho thế hệ về sau »* ( Ge 1,3).

Trong Israel mới, Thánh Thần không những chỉ đổ xuống trên một vài vị tiên tri được tuyển chọn, nhưng trên toàn cộng đoàn: *« Bấy giờ* *tất cả mọi người đều được Chúa Thánh Thần đổ tràn trên họ và họ bắt đầu nói các thứ tiếng khác, tùy theo Thánh Thần ban cho ».* (Cv 2,4) Trong lúc họ đang cầu nguyện thì nơi họ đang tụ họp rung chuyển; bấy giờ tất cả mọi người được đầy Thánh Thần và bắt đầu loan truyền lời Chúa một cách vững vàng (xem Cv 2,1-4). Giáo hội thời nguyên thủy xem ơn nầy của Thánh Thần như đặc ân riêng của người kitô hữu. Đối với nhiều kitô hữu thời ấy - nhưng không phải là quan điểm của thánh Phaolô –, ơn nói tiên tri nầy là cách biểu lộ cao độ nhất của Thánh Thần trong Giáo Hội; họ không ngại nói, - như chính lời nói của Phaolô-, rằng kitô hữu là thành phần của *« căn nhà mà nền tảng là các Tông đồ và các tiên tri »* (Ep 2, 20). Thánh Phaolô đưa các Tông Đồ lên hàng đầu các đoàn sủng và nhiều lần ngài nói đến các tiên tri tiếp liền sau các Tông Đồ: *« Chúa từng thiết lập trong Giáo hội, trước hết là các Tông Đồ, thứ nhì là các tiên tri … »* (1 Cr 12, 28). *« Mầu nhiệm nầy chưa từng được tỏ bày cho người trước, nay vừa mới được mặc khải cho các thánh Tông đồ và các tiên tri của Ngài, trong Thánh Thần »* (Ep 3, 5). « *Cũng chính Ngài đã ban cho những người nầy làm tông đồ, những kẻ khác làm tiên tri, những người khác truyền đạt Phúc Aâm, những người khác nữa làm mục tử »* (Ep 4,11). Thánh Thần là nguồn của cả cuộc sống Giáo hội; vì thế vị tiên tri bấy giờ có một vị thế nền tảng trong tác vụ và sứ vụ của Giáo hội.

Đoàn sủng tiên tri do đó thuộc về cuộc sống bình thường của mọi giáo hội địa phương, đừng nên xem đây là một ân sủng đặc loại. Ơn nói tiên tri chân thật làm cho người ta biết được ý Chúa và Lời của Ngài ; nó chiếu giải ánh sáng của Chúa trên cuộc sống hiện tại. Ơn tiên tri khích lệ, cảnh giác, cổ súy và sửa dạy ; ơn ấy đóng góp vào công cuộc xây dựng Giáo hội (1 Cr 14, 1-5). Phải biết sử dụng mọi ơn tiên tri cho thật đúng cách, ơn tiên tri báo trước một điều gì hay hướng dẫn một sinh hoạt. Người ta chỉ có thể hành động theo đúng lời tiên tri một khi lời nầy đã được truy xét và được minh định bằng những phương cách khác nhau.

Cũng như trường hợp các ơn khác, một lời tuyên bố có tính cách tiên tri (sứ ngôn) có thể mang những đặc tính, cấp độ khác nhau tùy phẩm chất, thần năng và sự thuần khiết của nó. Nó cũng cần có một tiến trình trưởng thành. Hơn nữa, các ơn tiên tri có thể xuất lộ qua nhiều dạng, nhiều hình thái, nhiều mục đích và nhiều cách diễn tả khác nhau. Tiên tri có thể chỉ là một lời khích lệ đơn sơ, một lời khuyên răn, một lời loan báo, hoặc một định hướng hành động. Vì thế đừng tiếp nhận và giải thích tất cả các lời tiên tri một cách y hệt nhau.

Người nói tiên tri là một thành phần của Giáo hội, người ấy không ở bên trên Giáo hội, mặc dầu có lúc lời tiên tri buộc Giáo hội đối diện với ý Chúa và lời của Ngài. Người nói tiên tri cũng như lời tiên tri không tự mình biện minh được cho sự trung thực của mình. Các lời tiên tri phải được cộng đoàn kitô hữu và những vị hữu trách mục vụ bảo chứng. *« Hai hay ba tiên tri hãy lên tiếng và những kẻ khác hãy đoán xét »* (1 Cr 14, 29). Khi sự việc xảy ra, các lời tiên tri đặt dưới sự phê phán của giám mục (Lumen Gentium, điều 12)

1. **Cứu chữa khỏi sự dữ**

Các tác giả Tân Ước xác tín rằng quyền năng Đức Giêsu trên quỉ dữ là một dấu chỉ Nước Thiên Chúa hiện diện (Mt 12, 8) và cũng là dấu chỉ về quyền phép thiêng liêng có tính cách cứu độ dành riêng cho Ngài. Vì Ngài là Đấng Thiên Sai cứu độ nên Ngài có quyền phép trên quỉ ma và thực thi được quyền phép nầy nhờ Chúa Thánh Thần (Mt 12, 28). Khi Ngài gửi các môn đệ của Ngài đi công tác để rao truyền Nước Chúa đến cứu độ, thì Ngài ban cho họ *« quyền chế phục tà thần »* (Mc 6, 10 ; Mt 10, 1). Trong thời sau các tông đồ, nét đặc biệt của dấu chứng nầy nơi Tân Ước đã được đưa vào các nghi thức tiền phép rửa dành cho giới tân tòng, và một số yếu tố còn tồn tại trong nghi thức phép rửa hiện nay.

Canh tân đoàn sủng nhắc nhở chúng ta lưu ý về khía cạnh nầy nơi chứng tá của Tân Ước và trong lịch sử thời sau các tông đồ. Khi xóa đi dấu tích của khía cạnh nầy nơi ý thức Kitô giáo, thì e rằng chúng ta bất trung với chứng tá của Thánh Kinh. Kinh nghiệm cho thấy, trong Canh tân đoàn sủng, một số người đã được ơn giải cứu khỏi ảnh hưởng của ma quỉ nhờ sự giúp đỡ của một thừa tác có năng quyền. Hẳn nhiên, phải tránh tình trạng ám ảnh về quỉ ma và áp dụng thừa tác vụ trừ tà một cách bừa bãi. Những thái độ như thế chỉ làm sai lạc các dữ kiện Kinh Thánh và gây tai hại cho công tác mục vụ mà thôi.

Canh tân một mặt cảnh giác chống lại lối giải thích bảo căn về Thánh Kinh, một mặt lại lưu ý chúng ta về những sự kiện chữa lành trong tác vụ của Đức Giêsu. Một trong những quyền năng của Đấng Thiên Sai là quyền chữa lành người bị bịnh tật *: « Bấy giờ mắt kẻ mù sẽ sáng, tai người điếc sẽ mở ra ; bấy giờ người què sẽ nhảy nhót như con nai và miệng lưỡi người câm sẽ hát vang vui mừng»* (Is 35, 5-6). « *Lúc ấy Đức Giêsu chữa lành nhiều người bị bịnh, tàn tật và tà ám; và Ngài làm cho nhiều người mù được thấy ».* Và Ngài trả lời cho những người được Gioan gửi đến *: «* *Hãy về nói lại với Gioan những gì các anh đã thấy và đã nghe : ‘những người mù được thấy, những người què bước đi thẳng thắn, những người cùi được sạch và những người điếc được nghe, kẻ chết sống lại, Tin Mừng được rao truyền cho người nghèo khó »* (Lc 7,2,21-22). Khía cạnh nầy trong tác vụ của Đức Giêsu gắn liền với quyền năng của Ngài đến độ khi diễn tả sinh hoạt của Ngài thì nó được viết liền với việc loan truyền Phúc Aâm *: « Đoạn Ngài đi khắp cả vùng Galilêa, giảng dạy trong các nhà hội của họ, loan truyền Tin Mừng về Nước Trời và chữa lành mọi bịnh tật ở giữa dân chúng »* (Mt 4,23).

Những việc chữa lành nầy là những dấu chỉ kêu mời người ta tin vào Đức Giêsu và vào Nước Trời. Khi Thầy trao sứ mạng tông đồ cho các môn đệ, Ngài bảo họ thực hiện điều mà chính Ngài đã làm : *« Đức Giêsu gọi mười hai người tới bên Ngài và cho họ quyền năng chế ngự các tà thần để họ đuổi trừ chúng, và chữa lành mọi bịnh tật »* (Mt 10, 1), *« Anh em hãy chữa lành các người bịnh, làm cho những người chết sống lại, tẩy sạch những người cùi, đuổi trừ ma quỉ »* (Mt 10, 8). Lệnh truyền rao giảng Phúc Aâm hàm ngụ quyền năng chữa lành các bịnh nhân và tuyên dương : *« Nước Chúa đã đến gần anh chị em »* (Lc 10, 9). Sau khi Đức Giêsu sống lại và lên trời, những việc chữa lành của các môn đệ Ngài tuyên dương rằng Đấng đã sống lại và về trời ấy lại hiện diện trong Giáo hội do quyền năng Chúa Thánh Thần *: « Nhiều dấu chỉ và phép lạ do tay các Tông đồ thực hiện giữa dân chúng. Đến nỗi người ta khiêng những người bịnh ra ngoài đường; đặt trên giường hay trên chõng, để khi Phêrô đi ngang qua, ít nhất bóng của ông lướt qua người nào đó»* (Cv 5, 12-15).

Canh tân mong ước phục hoạt khía cạnh nầy nơi chứng tá của Thánh Kinh và kinh nghiệm thời sau các tông đồ, vào cuộc sống của Giáo hội ngày hôm nay. Vì thế nó cổ võ mọi suy tư về mối tương quan giữa việc chữa lành và cuộc sống bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể, thống hối và xức dầu bịnh nhân. Một trong những phận vụ của Canh tân là đề xướng những phương cách thực thi tác vụ chữa lành vào trong bối cảnh của bí tích một cách minh nhiên hoặc mặc nhiên. Hẳn nhiên đoàn sủng chữa lành không được ngăn cản người ta tìm thầy chạy thuốc qua các kỷ thuật y tế. Kỳ thực thì đoàn sủng nầy và y khoa đều là những dụng cụ trên những bình diện khác nhau, mà chỉ có Chúa mới có thể chữa lành.

Khi ta đề cập một cách nghiêm túc chứng tá nơi Tân Ước về tác vụ chữa lành, ta cũng đừng quên rằng một lối hiểu bảo căn nào đó cũng có thể xảy ra, dễ làm sai lạc việc thẩm định các đoàn sủng. Đừng quan niệm tác vụ chữa lành nầy làm như nó xóa đi được mầu nhiệm khổ đau cứu chuộc.

1. **Đặt tay**

Việc đặt tay từng được Canh tân áp dụng, không phải là một nghi thức ma thuật cũng không phải là một dấu chỉ của bí tích.[[9]](#footnote-9) Trong Kinh Thánh, cử chỉ đó lại mang nhiều ý nghĩa khác nhau ; nó có thể là một sự chúc lành, một lời cầu nguyện xin chữa lành một người bịnh, hành vi trao truyền một tác vụ trong cộng đoàn, xin ơn Chúa Thánh Thần. Trong Canh tân, nó là cách diễn tả mối liên đới trong lời cầu nguyện và sự hiệp nhất tinh thần trong cộng đoàn.

Trong khuôn khổ của việc nguyện xin Thánh Thần, Đấng mà chúng ta đã nhận nơi bí tích khai tâm, hoặc Đấng chúng ta gặp gỡ trong một cảm nghiệm nơi ý thức, thì việc đặt tay không phải là lặp lại cử chỉ mà linh mục thực hiện trong phép rửa tội và giám mục thực hiện trong phép thêm sức. Nó chỉ diễn tả lời cầu xin để sự hiện diện của Thánh Thần trở thành linh hoạt hơn nơi cuộc sống của một cá nhân hay một cộng đoàn. Đồng thời nó xác minh rằng những người hiện diện lúc ấy muốn dâng mình cho Chúa Kitô một cách khẩn thiết để dấn thân phục vụ Giáo hội một cách tích cực hơn. Trong thần học tín lý, người ta xem lối đặt tay như thế là á bí tích (sacramental).

***Kết luận***

Còn sớm để nói đến những thành quả mà Canh tân mang lại cho Giáo hội; tuy nhiên người ta cũng có thể đưa ra một vài lãnh vực mà kinh nghiệm và suy tư thần học của Canh tân đã cống hiến một số công tác phục vụ cho Giáo hội địa phương cũng như Giáo hội hoàn vũ.

1. Canh tân chứng tỏ một sức năng động trong lãnh vực rao truyền Phúc Aâm. Việc phục hoạt mối liên kết thân thiết với Chúa Giêsu và cảm nghiệm sống trong sức mạnh của Chúa Thánh Thần đã thúc đẩy các thành viên Canh tân ‘hứng khởi’ rao truyền Phúc Aâm, thích góp phần làm linh hoạt đức tin của kẻ khác để làm cho đức tin ấy xuất lộ và phát triển. Tiếp nhận Thánh Thần đòi buộc phải hoán cải tâm hồn *(metanoia).* Tiếp nhận Thánh Thần là được Chúa dẫn đưa mình và mình tiếp sức dẫn đưa kẻ khác nhìn nhận Đức Giêsu là Chúa.

Phong trào đã cố gắng cập nhật những hình thức rao truyền Phúc Aâm giúp cá nhân và các đoàn thể xã hội không phải là Kitô giáo nghe được lời mời gọi của Phúc Aâm để tin vào Đức Giêsu và nhận ra Ngài là Chúa và là Đấng Cứu Độ.

Trong một vài xứ, phong trào đã nghiên cứu những chương trình giáo lý cho người lớn nhằm thúc đẩy họ tha thiết dấn thân bước theo Chúa Giêsu và Giáo hội Ngài. Lối dạy giáo lý đó nhấn mạnh vừa nội dung đức tin vừa nhu cầu gặp gỡ thân mật với Chúa Giêsu ; nhờ vậy, một số người có thể phục hoạt được đức tin của họ và tham gia tích cực hơn vào cuộc sống phụng tự và các công tác tông đồ.

2. Mối liên hệ với Chúa Kitô cũng được cảm nhận nơi chiều kích cộng đoàn. Không ai đi đến với Chúa một mình; người ta đến với Ngài trong lòng cộng đoàn, với tư cách là một chi thể của Chúa Kitô, của dân Chúa.

Nhận thức đó phần nào giải thích được tình trạng phát triển lạ lùng của các cộng đoàn : nhóm cầu nguyện, các cộng đoàn chung sống. Những phát triển như thế vốn chính đáng. Cuộc sống cộng đoàn được thể hiện rõ nét khi linh mục, giáo dân sống chung với nhau, khác với bối cảnh cá nhân chủ nghĩa đang chi phối xã hội ngày nay. Một nếp sống cộng đoàn kiểu ấy dựa vào một số tác vụ được xây dựng bởi các đoàn sủng : đây là bối cảnh của liên đới, tương thân tương ái. Mọi thành viên của các cộng đoàn nầy tham gia tích cực vào đời sống cầu nguyện, và ta có thể chứng kiến được nơi đây một lối biểu lộ về chính bản chất Giáo hội. Tuy vậy, Canh tân không muốn gò bó vào một hình thức hoặc cấu trúc nào nhất định. Nó mở ra với tất cả những gì Chúa đang chờ đợi, nghĩa là với tất cả những nhu cầu luôn luôn mới mẻ của Giáo hội và của thế giới.

Trong đường hướng đó ta hiểu được rằng Canh tân tha thiết yêu thương Giáo hội và trung thành tín phục các chủ chăn của Giáo hội.

3. Cảm nghiệm về sức mạnh Thánh Thần không những làm ta biết Chúa Giêsu có thật và hiện diện giữa chúng ta, mà còn làm cho chúng ta cảm thấy đói khát : đói khát việc cầu nguyện (đặc biệt là muốn ca ngợi Chúa) và đói khát lời Chúa. Ý thức được Chúa ở gần mình mở ra cho mình những sự qua lại thân mật với Chúa một cách sâu xa hơn. Nhiều người nhờ kinh nghiệm nầy mà canh tân được mối thân thương trong hôn nhân, trong các tương quan gia đình và nghề nghiệp. Cũng nhờ ý thức sâu xa hơn về các ân sủng nơi phép rửa tội mà nhiều kitô hữu không những khám phá lại sức sống của phép rửa và phép Thánh Thể, mà còn đi sâu vào toàn bộ cuộc sống bí tích.

4. Mọi hình thức của Canh tân đều qui chiếu vào ngọn nguồn Giáo hội, vào cuộc sống của các giáo hội nguyên thủy và vào nguồn suối của cuộc sống của các giáo hộïi ấy, đó là Chúa Thánh Thần. Nhưng đừng quên là không một thời nào của lịch sử Giáo hội lại vắng bóng Chúa Thánh Thần và các đoàn sủng của Ngài. Do đó mà Canh tân lưu ý đến những biểu lộ đoàn sủng của Thánh Thần. Thái độ đó hẳn nhiên là chính đáng, nhưng người ta có cảm tưởng như Canh tân muốn ưu tiên đề cao một số giáo điều, tập tục hoặc sự kiện của Tân Ước, đặc biệt là các đoàn sủng, và khuếch đại tầm quan trọng của chúng trong khuôn khổ Tân Ước. Kỳ thực, Canh tân chỉ xin Giáo hội nhìn nhận rằng các bản văn Tân Ước không tách biệt Chúa Thánh Thần ra khỏi sự biểu lộ của Ngài nơi các đoàn sủng, cũng như các đoàn sủng không tách biệt với toàn bộ công việc loan truyền Nước Chúa. Chúa Thánh Thần và danh sách toàn thể các ơn của Ngài làm thành một toàn khối trong Phúc Aâm của Chúa Giêsu, và các cộng đoàn nguyên thủy đã xem các đoàn sủng nầy gắn liền với ý niệm ‘kitô hữu’ và cuộc sống Giáo hội. Canh tân không nhằm tạo ra một nhóm người đặc biệt bên trong Giáo hội để chuyên môn về Chúa Thánh Thần và các ơn của Ngài; phong trào ấy chỉ mong cổ võ công cuộc canh tân Giáo hội địa phương và Giáo hội hoàn vũ, khi khơi dậy nỗ lực tái khám phá cuộc sống tràn đầy trong Chúa Kitô nhờ Chúa Thánh Thần, và cuộc sống như thếù hàm ngụ các đoàn sủng.

 5. Canh tân nhận ra nơi giáo huấn xã hội của Giáo hội một dấu chỉ hiển nhiên kêu gọi phong trào tích cực dấn thân cổ võ công lý và hòa bình cho mọi người. Những ai đã từng dấn thân vào các chương trình cải cách xã hội đều nhận rằng Canh tân đã thúc đẩy họ tích cực đi sâu hơn vào các chương trình phục vụ tha nhân như thế.

6. Cuối cùng chúng tôi nhận thấy ơn gọi giáo sĩ và tu sĩ được mến mộ hơn, và những ai ở trong bậc sống nầy cảm thấy thâm tín và nhiệt tình hơn.

\* \* \*

Cũng như giáo hoàng Gioan XXIII, giáo hoàng Phaolô VI đã tuyên bố rằng *: « Giáo hội cần một mùa Hiện Xuống liên tục »,* trong cuộc triều yết chung ngày 29 tháng 11 năm 1972.[[10]](#footnote-10)

Ai mang một trách nhiệm mục vụ cũng mong chờ Chúa Thánh Thần thể hiện sự hiện diện và quyền năng của Ngài. Nên những người tham gia Canh tân hân hoan mời các giám mục và linh mục tham dự các cuộc hội họp nầy để mọi người có thể khám phá Canh tân từ bên trong và có được những tin tức chính xác liên quan đến Canh tân. Rất tiếc là nhiều vị chỉ biết Canh tân nhìn từ bên ngoài bên ngoài và nghe nói lại.

Canh tân ao ước làm dội lại lời của sách Khải Huyền : « *Anh chị em hãy lưu ý đến điều Thánh Thần nói với các giáo hội »* (Kh 2, 17) và xin các vị lãnh đạo các Giáo hội : « *đừng dập tắt Thánh Thần, nhưng hãy cân nhắc mọi sự để giử lại điều hay điều tốt »* (1 Tx 2,12,19-21).

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**BÁC SĨ CẠN DẦU**

 Một nghiên cứu mới đây do Mayo Clinic và American Medical Association thực hiện và công bố trên Archive of  Internal  Medecil ngày 20 tháng 8 năm 2012  cho hay cứ hai y sĩ thì một người than bị kiệt sức vì việc làm của mình. Tỷ lệ này cao hơn so với các nghề nghiệp khác.

Căng thẳng trong nghề nghiệp là trường hợp trong đó đương sự cảm thấy kiệt quệ cả về thể chất, tinh thần và cảm xúc cộng thêm mất niềm tin về khả năng cũng như giá trị việc làm của mình. Lý do có thể vì không kiểm soát được thời gian làm việc, về vai trò của mình cũng như số lượng quá nhiều của việc làm.

Nghề y từ trước tới nay vẫn được nhiều người coi trọng vì những lý do khác nhau. Thi tuyển vào nghề y vẫn là khát vọng của nhiều sinh viên khi tốt nghiệp trung học. Tiêu chuẩn được chọn vào trường y cũng cao hơn so với các ngành học khác. Và hoàn tất một chương trình y khoa cũng vất vả tốn kém hơn. Vậy mà vẫn còn nhiều học sinh muốn vào. Đa số là vì yêu nghề mà mọi người vẫn cho là cứu nhân độ thế. Phần khác là do ý muốn của cha mẹ. Nhất y, nhì dược…

Theo kết quả nghiên cứu kể trên thì các bác sĩ ở tuyến đầu chăm sóc như tại phòng cấp cứu hoặc bác sĩ nội khoa gia đình, chuyên khoa thần kinh đứng đầu danh sách, với 60% bị cạn dầu. Bác sĩ trị bệnh ngoài da, y khoa phòng ngừa, nhi khoa tương đối bớt stress hơn. Do đó, các bác bác sĩ ở nhóm thứ hai có đời sống cá nhân - việc làm tương đối hài lòng hơn là nhóm thứ nhất.

Nói chung các bác sĩ làm việc ít nhất là 10 giờ mỗi tuần nhiều hơn, so với các nghề khác .

Cũng theo nghiên cứu, vì sự burn-out này mà phẩm chất của chăm sóc giảm, lỗi lầm nghề nghiệp tăng, đời sống cá nhân xáo trộn, không có thì giờ dành cho gia đình, một số không ít lạm dụng rượu thuốc thậm chí quyên sinh. Ngoài ra nhiều bác sĩ cũng sớm về hưu. Hậu quả là trong tương lai sẽ gây ra tình trạng thiếu bác sĩ, đặc biệt là Medicare, Medicaid cắt giảm bồi hoàn chi phí khám chữa bệnh.  Bác sĩ phải khám nhiều bệnh nhân hơn để bù đắp, cho nên thời gian dành cho bệnh nhân giảm, bệnh nhân ít được giải thích tình trạng bệnh, điều trị tùy tiện, bệnh tái phát hoặc kéo dài, chi phí gia tăng.

Bác sĩ Tail Shanafelt, một trong các nhà nghiên cứu, kết luận, “Bất hạnh là hiện nay sự quan tâm tới vấn nạn này còn quá ít. Vì ích lợi của bác sĩ và bệnh nhân, các nhà soạn thảo chính sách và các tổ chức chăm sóc sức khỏe phải đề cập tới vấn đề cạn dầu của giới bác sĩ”.

Rất mong ý kiến xác đáng này sớm được thực hiện.

**Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, MD.**

[www.bsnguyenyduc.com](http://www.bsnguyenyduc.com/)

[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**ÔNG KHỦNG BỐ**

**LỜI TẠM BIỆT:**

****

**Nhân ngày giỗ 2 năm 01.9.2020**

**Kính xin mọi người hiệp thông**

**cầu nguyện cho Cha Cố**

**PX. Hoàng Đình Mai**

**Xin chân thành cám ơn**

**Quán trọ đời chân trần nay đã mỏi,**

**Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,**

**Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.**

**Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:**

**"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...**

**"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.**

**Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.**

**Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.**

**Kính báo:** Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,

xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

**ÔNG KHỦNG BỐ**

Biến cố ngày 11 tháng 9 năm 2001, không phải chỉ là một biến cố làm rụng rời tay chân trên toàn nước Mỹ, mà còn là một biến cố làm cho kinh hồn khiếp vía cho cả và nhân loại đang sống trên mặt đất này.

Nhìn những chiếc máy bay dân sự chở đầy hành khách đâm sầm vào Trung tâm Thương mại quốc tế tại Nữu Ước, bổ nhào xuống Lầu Năm góc của bộ quốc phòng, hay rơi trên sa mạc bang Pensylvania, ai mà chẳng cảm thấy khiếp đảm.

Nhìn những  đống đổ nát của tòa tháp đôi, quả thật là không còn hòn đá nào chồng trên hòn đá nào, ai mà chẳng thở dài ngao ngán :

- Ngày tận thế cũng đến vậy là cùng.

Nhìn những nạn nhân bị thiệt mạng trong ngày kinh hoàng ấy, ai mà chẳng xót xa và muốn chia sẻ bằng những giọt nước mắt bồi hồi xúc động của mình.

Sáng hôm ấy, khi nhìn và nghe tin tức trên truyền hình, gã cũng đã bàng hoàng sửng sốt. Trước một cú đánh bất ngờ, chẳng ai lường trước được, gã đã phải băn khoăn tự hỏi :

- Tại sao người ta lại có thể hành động một cách dã man đến như thế.

Thời gian vẫn cứ tiến tới bằng những bước chân âm thầm. Một năm đã trôi qua. Một năm nhiều xáo trộn. Một năm nhiều bạo lực. Nào những căng thẳng giữa Ấn Độ và Pakistan. Nào là bầu khí ngột ngạt tại Trung Đông giữa Do Thái và Palestine, với những “trái bom sống”, hay nói cách khác với những “người bom”, nghĩa là những người ôm bom sẵn sàng để chết hầu mong giết được nhiều kẻ thù của mình.

Chính trong bối cảnh ấy mà hai chữ “khủng bố” được bàn dân thiên hạ nói đến nhiều nhất. Vậy khủng bố là như thế nào ?

Để đưa ra một định nghĩa chuẩn xác gã bèn phải bật tự điển, để mà nói có sách mách có chứng, thế nhưng vẫn không thoát khỏi những kẻ xấu bụng cho rằng :

- Ôi dào, gã ấy chỉ thông thái nhờ sách vở mà thôi. Cái hạng “doctus cum libro” thì ăn cái giải gì cơ chứ.

Thôi thì cũng đành phải cắn răng chịu vậy bởi vì mình thì có giỏi giang chi với ai. Theo tự điển thì :

- Khủng là làm cho người ta sợ hãi.

- Bố là kinh hoàng sợ hãi, ngoài ra còn có nghĩa là tra xét, bắt bớ, đánh đập, cướp bóc…chẳng hạn như nói : đi bố ráp.

Và như vậy :

- Khủng bố là dùng những hành động tàn bạo làm cho người ta sợ hãi. Một đôi khi khủng bố cũng còn có nghĩa là chửi mắng để làm cho người ta lo sợ.

Trên lý thuyết, hễ dùng bạo lực để làm cho người ta sợ hãi, thì được phong làm khủng bố, nhưng trong thực tế, sự việc lại không đơn giản như vậy.

Hồi đệ nhị thế chiến, nếu gã nhớ không lầm, thì những anh chàng phi công gan dạ của Nhật Bản, lái máy bay đâm thẳng xuống những chiến hạm Mỹ và đã tạo được một chiến thắng lừng lẫy tại Trân Châu Cảng, khiến Mỹ phải kinh hoàng…nhưng chẳng ai dám gọi họ là quân khủng bố cả.

Hiện thời, khó mà phân định về những hành động khủng bố, bởi vì nó còn tùy thuộc vào cái nhìn chủ quan, vào cái lập trường chính chị chính em của mình.

Chẳng hạn việc đâm máy bay dân sự vào tòa tháp đôi, hầu như mọi người đều coi đó là hành động khủng bố, nhưng dưới mắt ông Bin Laden, thì đó lại là một hành động tử đạo, chắc chắn sẽ được đấng Allah ân thưởng bội hậu.

Chẳng hạn việc ôm bom tự sát để giết cho được nhiều người Do Thái, chúng ta cho đó là hành động khủng bố, nhưng dưới mắt dân  Palestine, thì đó lại là hành động can đảm và anh hùng, một hành động yêu nước và cứu dân. Thật đúng như mấy ông tây đã bảo :

- Ố là là, chân lý thì ở bên kia dãy núi Pyrénées!!!

Nhưng dù sao chăng nữa thì hầu như mọi người đều phải công nhận rằng thế giới hôm nay đã bị in đậm dấu ấn của bạo lực. Thực vậy, bạo lực xuất hiện trên báo chí với những câu chuyện về vụ án cướp của giết người. Bạo lực xuất hiện trên phim ảnh, người ta giết nhau dễ dàng như trở bàn tay với những lý do chẳng đâu vào đâu. Bạo lực xuất hiện trong những trò chơi điện tử làm cho những em nhỏ còn hoi mùi sữa đã làm quen và rành rẽ việc bắn giết nhau.

Tuy nhiên, điều quan trọng hơn đó là bạo lực đã có mặt khắp nơi trong cuộc sống thường ngày dưới nhiều hình thức khác nhau. Và nếu cần phải dán nhãn hiệu trình tòa cho thế giới hôm nay, có lẽ gã sẽ phải ghi một chữ “bạo” thật to, bởi vì người ta đã tỏ ra táo tợn và hung dữ trong nhiều lãnh vực. Vì thế, chữ bạo này cũng được thiên biến vạn hóa đến quỉ thần cũng không lường nổi. Gã chỉ xin kê đơn hoàn tán một số kiểu “bạo” vốn hay gặp thấy mà thôi.

Thứ nhất là bạo nghĩ. Con người thời nay nghĩ rất táo tợn, nhất là nghĩ xấu cho người khác. Thấy một hành động bất ổn là vội vàng phê bình, chỉ trích và kết án, rồi lại còn thêm mắm thêm muối, vẽ râu vẽ ria cho thêm phần lâm ly bi đát.

Thứ hai là bạo ăn. Con người thời nay rất phàm ăn. Ăn tuốt luốt từ con tép cho đến con voi. Hầu như tất cả mọi thứ trên đời này đều phục vụ cho cái lỗ miệng của con người. Người ta ăn cho khoái khẩu, nhằm thỏa mãn mọi vui thú cho sướng cái thân mình. Thậm chí ngay cả những thứ không ăn được, thế mà thiên hạ vẫn cứ thích xơi, thích đớp như thường, chẳng hạn như ăn tiền, ăn cướp, ăn hối lộ…Họa may chỉ có ăn đòn là “em chả dám đâu”.

Thứ ba là bạo nói. Con người thời nay hay nói vung thiên địa, thích những ngôn từ đao to búa lớn của nghề quảng cáo, cứ nói và nhất là nói hành nói xấu, sẵn sàng chụp mũ và đổ lên đầu người khác đủ mọi giống tội, mà chẳng thèm để ý tới những hậu quả gây nên cho nạn nhân.

Thứ bốn là bạo làm. Con người thời nay thực hiện rất nhiều hành động hung dữ dựa trên sức mạnh, nên rất khoái những hình thức bạo động. Hiền lành và  khiêm nhường là hèn nhát. Đấu tranh bất bạo động quả là “xưa rồi Diễm ơi”. Họ đánh mình một, thì lập tức mình phải đánh trả mười. Cũng vì vậy, mặc dù tự do và nhân quyền được nói đến hoài hoài mỏi cả miệng, thế mà xã hội vẫn đẻ ra những tên bạo chúa và những chế độ bạo quyền.

Sau cùng, thứ năm là bạo tàn. Con người thời nay thích tàn phá danh dự và hạnh phúc của kẻ khác. Đã vùi dập ai thì phải vùi dập cho tới tận bùn đen khiến họ không thể ngóc đầu lên nổi, khiến họ phải thân bại danh liệt và khiến cuộc đời họ kể như đi đoong luôn…Như thế mới hả lòng hả dạ.

Bây giờ, gã xin trở lại với chuyện khủng bố. Khi nói tới khủng bố là gã nghĩ  ngay tới những phần tử đối lập quá khích, dùng bạo lực làm cho người ta khiếp sợ, để rồi từ đó đưa ra những đòi hỏi, những yêu sách của mình. Khi nói tới khủng bố là gã hình dung ra những tên không tặc, mặt đằng đằng sát khí, súng kè kè bên hông, tay cầm trái lựu đạn đã mở chốt nhằm uy hiếp hành khách cũng như phi hành đoàn…

Đây là thứ khủng bố có bài bổn và mang tầm mức quốc tế, hay ít nữa cũng mang tầm mức quốc gia. Tuy nhiên, trong một phạm vi nhỏ hẹp hơn, gã cũng thấy khủng bố có mặt trong mối liên hệ giữa những cá nhân với nhau. Thực vậy, nếu hiểu khủng bố là làm cho người khác khiếp sợ, tinh thần trở thành bạc nhược để rồi cuối cùng phải cúi đầu tuân theo những yêu cầu, những đòi hỏi được đưa ra, thì gã thấy rất nhiều lần chúng ta cũng đã khủng bố lẫn nhau.

Phương tiện dùng để khủng bố, có thể bằng lời nói và cũng có thể bằng việc làm. Trước hết là bằng lời nói. Gã thấy có những ông bố mở miệng ra là chửi bới và cấm đoán, khiến cho con cái khiếp sợ. Hình như họ muốn dùng phương thế khủng bố để giáo dục con cái mình, nghĩa là làm cho con cái phải sợ mà vâng lời. Thế nhưng, biện pháp khủng bố này thường không đem lại những kết quả mong muốn.

Có hai ông bố thường răn đe con cái của mình như sau :

- Kỳ thi này, mày phải đỗ, bằng không thì đừng vác mặt về nhà.

Con cái của họ học lấy học để, học ngày không đủ tranh thủ học đêm, nhưng bị sao quả tạ chiếu tướng, học tài thi phận, cuối cùng đều rớt. Vì không dám vác  mặt về nhà, anh con giai thì bỏ đi bụi đời, còn chị con gái  thì nhảy xuống cầu Bình Lợi mà tự tử.

Gã quen một vị gia trưởng. Vị này rất là oai phong lẫm liệt, nhưng chỉ vì cái thói độc tài và độc đoán, bất cứ lời nào phán ra, đều chắc như đinh đóng cột, vợ con phải răm rắp tuân theo, bằng không thì e rằng khó sống với vị ấy…Mặc dù chưa dùng tới bạo lực và bạo hành, nguyên cái chuyện bạo ngôn mà thôi cũng đủ khiến vợ con căng thẳng, bạc nhược để rồi đứa thì đi với mẹ, đứa thì kiếm cớ công việc làm ăn giã từ vị gia trưởng đáng kính ấy, tìm nơi khác sinh sống. Bây giờ, tuổi đời đã xế chiều, vị gia trưởng ấy chỉ sống cu ki một mình trong căn nhà rộng. Vợ con vẫn chưa hết sợ để  tìm đường đoàn tụ, “tung cánh chim  tìm về tổ ấm”.

Khi mới quen và yêu nhau, anh tỏ ra là một chàng trai ga lăng, mềm mỏng. Nhưng khi cá đã mắc câu rồi, thì anh không còn giữ gìn ý tứ với chị nữa. Anh luôn quát nạt, chửi mắng và dùng lời lẽ thô tục với chị, khiến chị phải cắn răng chịu đựng…(PNCN số 25).

Tiếp đến là bằng việc làm, tức là dùng bạo lực với những hành động vũ phu, tàn ác theo kiểu bạo hành, bạo động…để trấn áp khiến đối phương  phải hồn xiêu phách lạc. Chẳng hạn cha mẹ thì đánh đập con cái, chồng thì thượng cẳng chân hạ cẳng tay với vợ.

Gã xin ghi lại một số những sự kiện được đăng tải trên báo Phụ Nữ Chủ Nhật, để thấy rằng tình trạng khủng bố về tinh thần cũng như về thể xác đã, đang và sẽ còn liên tục phát triển dù rằng mọi người đều công nhận sự bình đẳng giữa nam và nữ.

Theo thống kê trên toàn thế giới, cứ mười lăm giây lại có một phụ nữ bị bạo hành trong giai đoạn yêu đương. Riêng tại Việt Nam, đến 70% phụ nữ bị bạo hành trong gia đình và 85% trường hợp ly hôn là do bạo hành. (PNCN số 25).

Có một bà vợ trót dại yêu thương một người bạn đồng nghiệp. Thấy nguy cơ gia đình tan vỡ, bà bèn dừng lại và thú nhận, mong được chồng tha thứ. Ông chồng chỉ yêu cầu bà vợ viết tờ kiểm điểm. Rồi hàng ngày trước giờ ăn, ông bắt bà đọc tờ kiểm điểm trước mặt chồng con. Từ khi thằng cu Bi năm tuổi bây giờ nó đã thi đại học, bà vẫn phải đọc. Xấu hổ với con, bà xin ông được chấm dứt hình phạt đó, nhưng ông bảo ông vẫn còn nhục lắm. Chuyên viên tư vấn kiên nhẫn giải thích, ông vẫn phớt lờ. Chuyện gia đình ông không muốn người ngoài chen vào. Vậy là lúc vợ ngoại tình gia đình không tan vỡ, nhưng đến khi ròng rã năm này qua năm nọ phải đọc kiểm điểm, bà hết chịu nổi, nên đòi được ly hôn…Phải chăng đó chính là một sự khủng bố về tinh thần. (PNCN số 26).

Ngắm nhìn bà xã trong chiếc áo thung bó sát người, chiếc váy mềm mại, một ông chồng khác đã ngẩn người say đắm, nhưng cũng chính vì thế mà ông không chịu nổi ánh mắt của những gã khác nhìn vợ mình. Và thế là…bao nhiêu cái  áo, váy đẹp của vợ, ông cắt, xé cho bằng hết. Có thể vợ ông không tơ tưởng đến ai, cũng có thể chẳng gã nào cố tình tán tỉnh, nhưng nếu vợ ông cứ “khoe hàng” trước mặt bọn đàn ông, thì sẽ dễ nảy sinh tội lỗi. (PNCN số 26).

Bạo hành và khủng bố không phải chỉ có mặt trong gia đình, giữa vợ với chồng, giữa cha mẹ với con cái, nhưng còn có mặt ở nhiều lãnh vực khác nữa.

Chẳng hạn giữa chủ và thợ : báo chí đã đăng tải nhiều tin tức liên quan tới các công nhân Việt Nam làm việc trong các công ty hay xí nghiệp của Đại Hàn. Họ đã bị những ông chủ “Sâm Cao Ly” đánh đập một cách tàn nhẫn.

Chẳng hạn giữa thày cô và học trò. Báo Công An Thành Phố mới đăng một mẩu tin như sau : Sau khi ra chơi tập thể dục giữa giờ, em Bằng và em Phúc, con cô giáo, chạy xô vào nhau và cùng ngã. Bằng đã xin lỗi Phúc. Cùng lúc ấy, một em khác nói với Bằng : xin lỗi không được đâu, tí nữa cô giáo đánh bạn đấy. Câu nói ấy đã là lời cảnh báo. Khi trống vào lớp được 5-10 phút, Bằng từ khu văn phòng nhà trường về, xin vào lớp, cô giáo đang giảng bài, sa sầm nét mặt, tay cầm thước tiến đến gần Bằng vụt mạnh vào tay phải em và giật giọng nói : Vào lớp đi. Bằng bị đứng ở cuối lớp, sau đó cô giáo nói : Cái thằng kia không biết đau đâu, cả lớp xuống đấm cho nó thối phổi, cho nó chết đi. Ngay sau lời nói của cô, những đứa trẻ chưa đầy 10 tuổi đã biến thành công cụ trả thù của cô giáo. Bị đau và lo sợ trước lời dọa nạt, Bằng về không dám nói với gia đình. Hôm ấy Bằng không ăn cơm tối, không học bài, đêm đến lại sốt cao. Mẹ gặng hỏi mãi, Bằng mới ghé sát tai mẹ và nói : Con nói với mẹ nhưng mẹ đừng nói với ai, cô giáo xui các bạn đánh vào bụng con. Mẹ vạch áo con thấy nhiều chỗ thâm tím đã òa khóc. Bắt đầu từ hôm ấy, Bằng luôn sống trong tình trạng hoảng loạn : cơm không ăn, bài không học, đêm chạy loạn xạ khắp nhà, đặt lưng xuống là nói sảng và giật mình thon thót. (CATPHCM số 1065).

Bình thường thì những người có chức có quyền, hay nói cách khác, những kẻ được coi là bề trên mới khủng bố những người bề dưới, chẳng hạn : chồng đối với vợ, chủ đối với thợ, cha mẹ đối với con cái, thày cô đối với học trò…Thế nhưng, sự việc đâu có thẳng ruột ngựa như vậy, mà luôn có những chuyện tréo chẳng ngỗng và ngược đời.

Chẳng hạn con cái khủng bố cha mẹ. Một cậu quí tử đã nói với cha mẹ rằng : nếu không cho tiền sắm chiếc xe đời mới thì sẽ đi chích choác mang cái bệnh Sida về nhà. Một cô gái rượu đã nói với n đấng sinh thành của mình như sau : nếu không cho đi chơi, thì sẽ tìm cách mang một bầu để nằm ở nhà chờ…đẻ. Những lời phát ngôn trên khiến cho cha mẹ phải  phát kinh phát khiếp.

Chẳng hạn học trò khủng bố thày cô. Từ lâu rồi không hiếm những chuyện học trò hành hung thày cô, khiến cho thiên hạ phải than rằng : bọn trẻ bây giờ không còn tiên học lễ hậu học văn nữa, nhưng là tiên học…võ hậu học văn, để bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng chơi  cái ngón bạo lực.

Và nhất là đờn bà khủng bố đờn ông. Chẳng hạn vợ khủng bố chồng. Ai trong chúng ta cũng biết  Socrates. Ông là một triết gia lừng danh thời cổ xưa của Hy lạp. Triết lý của ông ngày nay vẫn còn giá trị. Nhưng ác hại thay, đang khi ông là một  bậc thày đáng kính của đông đảo môn đệ và sau này muôn thế hệ vẫn coi ông như một bậc tôn sư, thì ông lại là nạn nhân của một bà vợ. Bà đã chanh chua, khinh rẻ ông là hạng trói gà không chặt. Lần kia sau khi đã chửi bới ông một trận kịch liệt, bà đã tặng cho ông nguyên cả một chậu nước dơ lên người, nhưng ông vẫn thản nhiên và nói : Tôi biết mà, sau khi đã có sấm chớp thì tất nhiên trời sẽ đổ mưa.

Chẳng hạn bạn gái khủng bố bạn trai. Nàng đặt ra một cái lệ bắt chàng nhất nhất phải tuân theo : mỗi lần hẹn cứ đến trễ năm phút là bị một cái nhéo đau điếng vào bụng. Chàng là một người tham công tiếc việc nên cũng thường xài giờ dây thung với bạn mình, thế là suốt một tuần, chàng không dám ở trần trong nhà vì sợ mẹ nhìn thấy những vết bầm. Nhéo bụng chán, nàng chuyển sang ngắt vào cánh tay, có lần vết ngắt nung mủ làm chàng phải đi sát trùng rồi băng lại. Mấy bữa chàng bụng bầm, tay nhức nhưng nàng không hề nao núng, thực hiện tiếp chiêu cắn lên bả vai. Đi làm cả ngày mình mẩy ê ẩm, tưởng gặp người yêu thì được chăm sóc, thư giãn, nào dè lại còn bị hành hạ thêm, đó là chưa kể những màn đay nghiến xỉ vả…(PNCN số 27).

Một trường hợp khác cũng không kém phần quái đản. Anh là một người hiền lành ít nói, còn chị lúc nào cũng ào ào và thẳng thắn, chính vì vậy mà chị luôn lấn lướt anh. Vào dịp sinh nhật một nhỏ bạn trong nhóm. Nhỏ bạn mời cả nhóm đến quán ăn, ai có bạn trai cũng được mời theo. Hôm ấy có anh và một vài người nam khác. Đang ăn uống vui vẻ thì một bạn nam đề nghị : bốn người nam uống một chai chúc mừng sinh nhật chủ nhân, còn các bạn nữ thì uống nước ngọt. Anh tán thành : Ừ được đó. Chị trừng mắt nhìn : Anh đừng uống, tối còn đưa em về nữa. Cả nhóm đồng thanh : Không sao đâu, uống một chai cho vui. Rồi như sợ mất mặt bạn bè, anh gọi lớn : Cho một chai bia Saigon. Không còn êm dịu nữa, chị chồm dậy túm lấy cổ áo của anh : tôi đã bảo anh thôi mà, sao anh lì quá vậy. Mọi người sửng sốt . Ai cũng can : Thôi, không uống thì thôi, làm gì mà nóng vậy. Chẳng nói chẳng rằng, anh đứng lên và bỏ đi…Lần khác,  chị dặn anh đón chị đi sinh nhật một người bạn.  Anh đến trễ, rồi trên đường đi anh quẹt xe trúng người ta, may mà không có chuyện gì. Chị tức giận với anh và vung tay tát anh một cái vì tội đi ẩu. Sau hai năm quen nhau với những giận hờn, cuối cùng họ đã chia tay nhau thật sự. Bây giờ thì chị sống ở ngoại quốc. Trong một bức thư đã khuyên bạn mình như sau : Mày phải nhẹ nhàng với ông xã của mày! Đàn ông ai cũng thích ngọt, ai cũng thích phụ nữ tụi mình dịu dàng. Mỗi lần nghĩ đến chuyện ngày xưa, tao lại thấy mình có lỗi và nông nổi quá chừng….(PNCN số 29).

Để kết thúc, gã xin kể lại một câu chuyện vui nhưng có thật “chăm phần chăm”, của một bậc đáng kính mà gã xin gọi là “Ông Khủng Bố”. Thế nhưng, tại sao lại gọi bậc đáng kính ấy là ông khủng bố, thì xin quí vị kiên nhẫn xem tiếp phần sau ắt sẽ rõ.

Ông khủng bố của gã là một vị chức sắc trong Giáo hội, vừa là cha sở lại vừa là đấng bề trên của một hội dòng, có cơ sở ở trong nước cũng như ở ngoài nước. Vì thế mà xuân thu nhị kỳ, một năm ít là hai lần ông khủng bố được đi chu du nước Mỹ, gọi là để thanh tra các kẻ bề dưới. Thấy ông khủng bố đi Mỹ như đi chợ, gã thèm giỏ dãi nên có lần đã than ngắn thở dài :

- Một là làm bề trên, hai là làm bề dưới, chứ đừng làm bề ngang. Bởi vì bề trên thì được ưu đãi, còn bề dưới thì được dễ dãi chẳng ai thèm ngó tới. Chứ bề ngang ấy hả…gian nan lắm, khó khăn lắm.

Sau ngày 11 tháng 9 mấy tháng, ông khủng bố bay từ Thụy Sĩ qua Mỹ. Ai cũng tưởng chuyến đi sẽ gặp nhiều sự nhiêu khê phức tạp, nhất là cái khâu khám xét để đề phòng khủng bố. Thế nhưng, sau chuyến đi, ông khủng bố đã hăng tiết vịt cho biết như sau :

- Nhìn cái “mác” linh mục cũng như cái bản mặt hiền khô của mình, chẳng ma nào nó khám xét cả. Máy bay vắng khách, rộng thênh thang, tha hồ mà ngủ. Mình đã làm một giấc dài trong suốt chuyến đi, khỏe re, chẳng giống con bò kéo xe chút nào, bù lại những đêm thức trắng vì bận rộn công việc.

Đó là chuyến đi êm ru bà rù hồi năm ngoái. Còn năm nay, ông khủng bố cũng làm một chuyến công du qua Mỹ. Nhưng năm nay khác năm ngoái và ông khủng bố của gã đã gặp rắc rối to.

Số là ông khủng bố mua vé máy bay theo lộ trình Thụy Sĩ – Dallas – New-Orleans, nhưng khi tới Dallas, ông khủng bố ghé thăm một người cháu. Thiên hạ thường bảo :

- Một người cháu bằng sáu thằng kẻ cướp.

Thế nhưng, người cháu của ông khủng bố lại chẳng giống thế chút nào. Trái lại, rất thương ông cậu, nên đã lặng lẽ mua vé máy bay của một hãng khác, nhiều tiện nghi hơn để ông cậu đỡ  đau lưng, mà chẳng hề báo cho hãng máy bay cũ. Cũng do cái sự không thông báo, không đi máy bay hãng cũ mà lại đi máy bay hãng khác, nên khi trở về Thụy sĩ, bậc đáng kính đã gặp phải  nhiều phiền toái ngoài ý muốn, bởi vì bọn “xịa”,  bọn an ninh cho rằng bậc đáng kính có vấn đề, nên phải đổi máy bay trong cùng một ngày với hai hãng khác nhau. Nói trắng ra là họ nghi ngờ bậc đáng kính có ý đồ đen tối, nên đã thông báo đi khắp nơi phải canh chừng, bởi vì rất có thể hắn ta là quân khủng bố.

Sau khi thanh tra các “kẻ bề dưới”, bậc đáng kính cảm thấy hài lòng vì đã làm sáng danh cha, sáng danh con và sáng danh dòng ta mọi bề, liền vui vẻ khăn gói quả mướp lên đường trở về.

Chuyến bay vì phải vòng qua Luân Đôn trước khi đáp xuống Thụy Sĩ, nên phải đổi nhiều lần. Tại bất cứ phi trường nào, bậc đáng kính đều được chiếu cố khám xét kỹ lưỡng, rồi lên máy bay xong xuôi, thì cô tiếp viên mới “phôn” xuống khu vực hành lý và báo cho biết :

- Kẻ tình nghi đã…an tọa, có thể chuyển hành lý của hắn ta lên.

Sở dĩ thiên hạ hành động như vậy là để ăn chắc và bảo đảm an toàn, vì nghĩ rằng một khi ông khủng bố có mặt trên máy bay thì chẳng khác gì đã chui đầu vào…rọ. Chứ còn người không lên mà hành lý cứ lên, nhỡ xảy ra bom nổ thì biết túm tóc ai bây giờ.

Hơn thế nữa, mấy cô tiếp viên hàng không, khuôn mặt thì đẹp, nhưng cái nhìn lại chẳng đẹp tí nào bởi vì cái nhìn ấy chất chứa những nghi ngờ, như thầm nói :

- Cần phải dè chừng.

Bực cả và mình, bậc đáng kính bèn nói toáng lên với một cô tiếp viên như sau :

- Cái bản mặt tôi hiền như cục đất thế này mà lại là dân khủng bố, ác ôn côn đồ hay sao ?

Thế nhưng, cô tiếp viên hàng không vẫn cười mím chi và trả lời tỉnh bơ :

- Ngài không bị tình nghi, nhưng vé máy bay của ngài bị tình nghi. Ngài không có vấn đề, nhưng vé máy bay của ngài có vấn đề. Ngài không phải là dân khủng bố, nhưng biết đâu hành lý của ngài lại là thứ dùng để khủng bố.

Cáu sườn, bậc đáng kính bèn phán :

- Thì cứ việc khám xét : mấy cuốn sách, vài bộ quần áo và dăm ba hộp kẹo để nhai cho đỡ buồn, họa chăng có giết được ruồi chứ nào giết được ai ?

Cô tiếp viên vẫn lịch sự nói :

- Ấy là để đề phòng thôi mờ!!!

Rồi cúi đầu đáp lễ bậc đáng kính bằng một nụ cười tủm tỉm.

Máy bay ghé Luân Đôn và phải chờ bốn tiếng đồng hồ. Đầu óc căng thẳng và mệt mỏi, bậc đáng kính bèn phớt tỉnh như dân ăng lê, xem thường thiên hạ và coi  mọi người như cỏ rác, nên đã nằm lăn ra trên băng ghế công cộng, khò một giấc cho đỡ khổ cuộc đời. Thiên hạ kẻ qua người lại, nhòm nhòm ngó ngó và thì thầm :

- Coi bộ chân cẳng cũng cao ráo, chẳng đến nỗi tệ lậu, thế mà lại là dân du thử du thực, đầu đường xó chợ, cầu ba cầu bất, nên mới lăn quay ra đây há miệng mà ngủ.

Trong lúc lơ tơ lơ mơ như thế, bậc đáng kính hình như loáng thoáng nghe thấy tiếng chân một vài người Việt Nam đi qua và nói lèo xèo những chi không rõ. Ôi quả thực xác thịt thì nặng nề lắm lắm.

Rồi cũng về tới Thụy Sĩ, kết thúc một chuyến đi đầy bão táp. Và cũng vì thế, gã đã vô phép gọi bậc đáng kính ấy bằng danh xưng “Ông Khủng Bố”.

Bây giờ hẳn quí vị đã biết Ông Khủng Bố của gã là ai. Nếu biết, xin vui lòng thông báo gấp rút cho tòa soạn, để tòa soạn kịp thời đề phòng bởi vì thời buổi nhiễu nhương, chẳng tin giai gái nào cả. Bảo đảm chắc chắn quí vị sẽ nhận được phần thưởng lớn lắm đấy ?

*Chuyện phiếm của Gã Siêu.*

|  |
| --- |
|  |

﻿[**VỀ MỤC LỤC**](#MucLuc)

**Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân**

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ… (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quí vị

Xin chân thành cám ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

**TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**

**Lm. Luca Phạm Quốc Sử** **USA**

1. ♣ Lc 21, 2 “Lépta”: (x. Mc 12, 42). [↑](#footnote-ref-1)
2. ♣ Lc 21, 23 Ý nghĩa của từ “khốn” trong câu này: (x. Mt 24, 19; Mc 13, 17). [↑](#footnote-ref-2)
3. Xem J. H. NEWMAN, *An Essay on the Development of Christian* *Doctrine* (V, 7) London, Longmans, Green, 1894, 203-206. [↑](#footnote-ref-3)
4. Stephen CLARK, *Team Manual for the Life in the Spirit Seminars.* Notre Dame, Charismatic Renewal Services, 1972, 2, 3. [↑](#footnote-ref-4)
5. Bob BELL, ‘Charismatic Communities : Questions and Cautions’, *New Covenant*, vol. 3 (tháng bảy 1973), 4. [↑](#footnote-ref-5)
6. George MONTAGUE viết theo quan điểm nầy trong ‘Baptism in the Spirit anh Speaking in Tongues: A Biblical Appraisal’, *Theology Digest,* vol. 21 (1973), 351. Lận đề nầy được phổ biến trong *The Sprit and His Gifts.* New York, Paulist Press, 1974. [↑](#footnote-ref-6)
7. William J. SAMARIN, *Tongues of Man and Angels*. New York, MacMillan, 1972, 34 - 43. [↑](#footnote-ref-7)
8. BARREL, *Sđd,* 153 [↑](#footnote-ref-8)
9. Johannes BEHM, *Die Handauflegung im Urchristentum in religionsgeschichtlichen Zusammenhang Untersucht,* Leipzig, A. Deichert, 1911; Joseph COPPENS*, L’imposition des Mains et les Rites Connexes dans le Nouveau Testament et dans l’Eglise Ancienne,* Paris, J. Gabalda, 1925; Nikolaus ADLER, ‘Laying on of Hands’, *sacramentum Verbi.* New York, Herder and Herder, 1970. [↑](#footnote-ref-9)
10. *Documentation catholique*, vol. 69 (1972), 1105. [↑](#footnote-ref-10)